

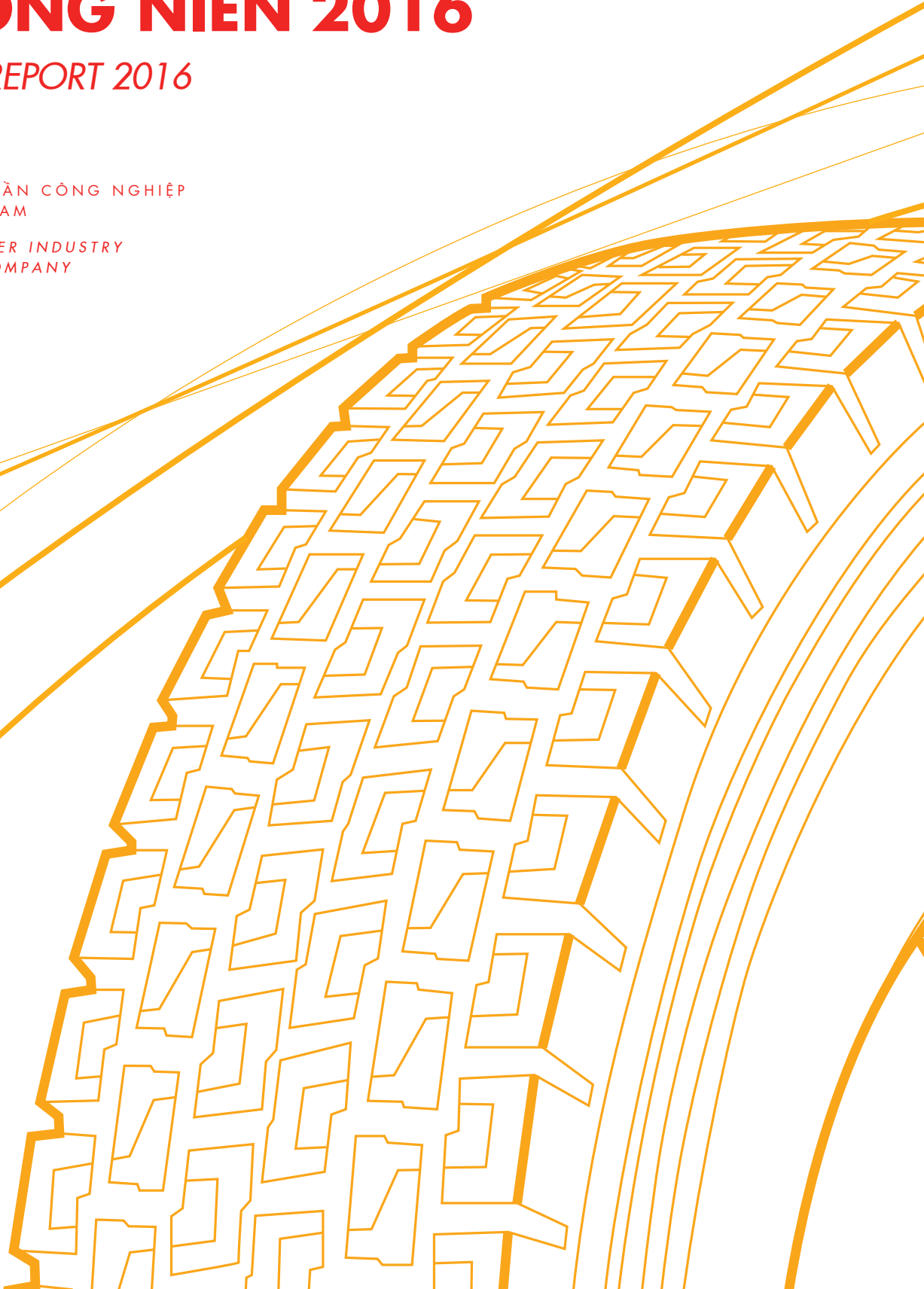


BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

ANNUAL REPORT 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP
CAO SU MIỀN NAM

SOUTHERN RUBBER INDUSTRY
JOINT STOCK COMPANY



MỤC LỤC

TỔNG QUAN CASUMINA

006	Chỉ số nổi bật
007	Tâm nhìn, Sứ mệnh & Giá trị cốt lõi
008	Thông điệp từ Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

012	Thông tin khái quát
013	Giải thưởng và thành tựu 2016
014	Các sự kiện chính
016	Ngành nghề kinh doanh
017	Địa bàn kinh doanh
018	Sơ đồ tổ chức
020	Tổ chức nhân sự
032	Cơ cấu cổ đông
034	Các đơn vị thành viên

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

040	Mục tiêu
040	Chiến lược phát triển
041	Các rủi ro

BÁO CÁO BAN ĐIỀU HÀNH

046	Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 2016
054	Phương hướng sản xuất kinh doanh 2017
060	Tình hình thực hiện các dự án đầu tư

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

064	Tình hình chung
066	Hoạt động của hội đồng quản trị 2016

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

072	Hoạt động kiểm tra và giám sát của Ban kiểm soát
073	Kết quả hoạt động kiểm tra và giám sát
075	Nhận xét và kiến nghị
076	Kế hoạch công tác 2017
077	Ban kiểm soát tự đánh giá

BÁO CÁO VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

080	Quản lý nguồn nguyên vật liệu
081	Tiêu thụ năng lượng
082	Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường
083	Công tác cộng đồng và xã hội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

086	Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc
089	Báo cáo của kiểm toán
091	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

INDEX

CASUMINA GENERAL INFORMATION

006	Key indicators
007	Vision, Mission & Core Values
008	Message from the Chairman

HISTORY AND DEVELOPMENT MILESTONE

012	General Information
013	Achievement and titles 2016
014	Key milestones
016	Business lines
017	Business locations
018	Organization structure
020	Organization & Human resource
032	Shareholder structure
034	Subsidiaries

DEVELOPMENT DIRECTION

040	Goals
040	Development strategy
041	Risks and difficulties

BOARD OF MANAGEMENT REPORT

046	Report on business operations
054	Business plan 2017
060	Status of investment projects

BOARD OF DIRECTORS REPORT

064	General situation
066	Activities of the BOD in 2016

BOARD OF SUPERVISORS REPORT

072	Monitoring and supervising activities of the BOS
073	Results of monitoring and supervising activities
075	Reviews and proposals
076	Plan for 2017
077	Self evaluation of the BOS

ENVIRONMENTAL AND SOCIAL REPORT

080	Material management
081	Energy consumption
082	Regulations on environmental protection
083	Social and community activities

FINANCIAL STATEMENTS

086	BOM report
089	Independent auditor's report
091	Audited financial statements

1.0

TỔNG QUAN CASUMINA

CASUMINA GENERAL INFORMATION

1.3 Chi số
nổi bật

*Key
indicators*

1.2 Tâm nhìn,
Sứ mệnh,
Giá trị cốt lõi

*Vision,
Mission &
Core values*

1.3 Thông điệp
từ Chủ tịch
HĐQT

*Messages
from the
Chairman*

CHỈ SỐ NỔI BẬT

KEY INDICATORS

2013 2014 2015 2016

TỔNG DOANH THU REVENUE

Tỷ đồng / Billion dong

3.287

3.636

3.189

3.166

LỢI NHUẬN SAU THUẾ PROFIT AFTER TAX

Tỷ đồng / Billion dong

261

290

331

360

ROE ROE

Phần trăm / Percentage

25.18

39.17

49.18

53.51

TẦM NHÌN

VISION

Nhà sản xuất lốp hàng đầu Đông Nam Á.

Becoming the best tire manufacturer in South East Asia.

SỨ MỆNH

MISSION

Cống hiến cho xã hội sự an toàn, hạnh phúc và thân thiện.

Dedicated to safety, happiness, efficiency, good social relations.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

CORE VALUES

Tin cậy : Sản phẩm, dịch vụ, con người.

Hiệu quả: Mọi hoạt động luôn hướng đến hiệu quả.

Hợp tác: Sẵn sàng hợp tác cùng phát triển và có lợi.

Năng động: Luôn sáng tạo và đổi mới.

Nhân bản: Vì con người.

Beliefs: We believe in high quality products, services and people

Effectiveness: All activities are carried effectively and efficiently

Cooperation: We are always ready to cooperate with others to achieve our goals

Innovation: We always seek new and creative ways of operating

Humanity: Focus on human development

THÔNGIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

MESSAGE FROM THE CHAIRMAN OF BOARD OF DIRECTORS

Kính thưa Quý cổ đông và Nhà đầu tư.

Trước tiên, Tôi thay mặt Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam, Ban lãnh đạo Công ty và toàn thể CB-CNV Công ty xin gửi đến Quý cổ đông, Nhà đầu tư lời cảm ơn chân thành, cảm ơn Quý vị đã hỗ trợ, đồng hành cùng Casumina trong nỗ lực duy trì hoạt động SXKD trong năm 2016 và những năm qua.

Trong năm 2016, với những thách thức cơ bản từ nền kinh tế Việt Nam và quốc tế không được thuận lợi. Casumina đã nỗ lực để giữ vững thị trường trong nước, duy trì thị trường xuất khẩu và có những bước đi tích cực trong việc thâm nhập thị trường đối với dòng sản phẩm lốp TBR. Kết quả như sau:

- Giá trị sản xuất công nghiệp: 1.750 tỷ đồng.
- Doanh thu thuần năm 2016 đạt: 3.287 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2016 đạt: 331 tỷ đồng.
- Thu nhập bình quân người lao động 8.5 triệu đồng.

Môi trường hoạt động của Casumina đang trải qua những thay đổi đáng kể nhằm thích ứng với sự biến động và thay đổi nhanh chóng của nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng. Các thay đổi đó có thể liệt kê là: liên tục đổi mới phương thức bán hàng, áp dụng hệ quản trị mới trong sản xuất (ERP, TPM), tiếp cận công nghệ tiên tiến trong sản xuất lốp xe.... Vấn đề môi trường và phát huy văn hóa Công ty cũng được tiếp cận và triển khai theo hướng tích cực, theo xu hướng chung của xã hội. Cùng với sự tiếp lửa của các thế hệ lãnh đạo qua các thời kỳ, tôi nhận ra rằng: Sự tác động của văn hóa doanh nghiệp, tầm quan trọng của vấn đề dự báo (trong môi trường kinh doanh biến động rất nhanh như hiện nay) và cách thức hành xử của người tiêu dùng cũng đã thay đổi rất lớn (theo hướng tiếp cận công nghệ hiện đại và đòi hỏi môi trường sống lành mạnh). Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra một cách mạnh mẽ, sẽ tạo cơ hội cho các doanh nghiệp nào nắm bắt được xu hướng và triển khai có hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Casumina đã lưu ý, theo dõi và đặt mục tiêu phát triển lâu dài, bền vững “dựa vào sức mạnh của công nghệ máy tính, tạo ra các tiện ích bán hàng đa dụng theo kịp xu thế quốc tế, đem lại nhiều tiện ích cho người tiêu dùng”.

Casumina cam kết theo đuổi cải cách quản lý, ứng

Dear valued shareholders and investors.

On behalf of Casumina’s Board of Directors, Board of Management and staff, I would like to express our sincere thanks to valued shareholders and investors for your contribution in Casumina in 2016 and in the past years.

2016 has been a year where Casumina strived to sustain the domestic market, maintain exports and made positive moves towards entering the TBR market in the challenging context of the Vietnam and global economy. Casumina’s operating results for 2016 are as follows:

- Industrial production value: 1.750 billion dong.
- Net revenue: 3.287 billion dong.
- Profit before tax: 331 billion dong.
- Average income of employees: 8.5 million dong.

Casumina’s working environment is making many significant changes to adapt to the drastically changing and evolving global economy as a whole and Vietnamese economy in particular. The many changes include: continuously reinventing sales technique, deploying new management systems in production (ERP, TPM), approaching new transformational technology in tire production, etc. The issue on environment and company cultural development is also approached and implemented in positive ways and in line with general social trends. With former leaders and directors fueling the inspiration flame, I am aware that: the effect of company culture, the importance of forecasting (in today’s fast evolving business environment) and consumer behaviors have all changed significantly (through modern technology and requires a healthy ecosystem). The powerful fourth industrial revolution is a good opportunity for businesses capable of accurately grasping the trend and effectively implementing business operations. Casumina has noticed, closely monitored and set many long term sustainable development goals to “create multi-purpose sales apps based on computer technology to grasp global trends and bring many benefits to consumers”.

Casumina is committed to continuously improving operations and applying modern tools in management to achieve the ultimate goal of being “a world-class tire manufacturer”.

dụng các công cụ hiện đại trong quản lý để đem lại mục tiêu cuối cùng là trở thành một “Nhà sản xuất lốp toàn cầu”.

Bốn điểm sau đây sẽ là nhiệm vụ ưu tiên trong hoạt động kinh doanh của Công ty:

01. Tập trung mọi nguồn lực để thực hiện thành công sản xuất kinh doanh có hiệu quả hai nhóm sản phẩm chiến lược TBR và PCR, tạo ra giá trị gia tăng dựa vào sự hợp tác lâu dài, sâu – rộng với các đối tác tin cậy, có tiềm lực.
02. Theo đuổi lâu dài việc ứng dụng có hiệu quả các công cụ quản lý hiện đại trong các lĩnh vực sản xuất, bán hàng, tồn kho và nhân sự như: ERP, TPM.
03. Từng bước xây dựng hệ thống bán hàng thông qua sử dụng các công cụ thông minh, tạo ra ứng dụng tiện lợi cho khách hàng.
04. Đào tạo nguồn nhân lực có khả năng quản lý tốt. Đa dạng hóa nguồn nhân lực thông qua hoạt động phát triển và phát huy tài năng của lớp trẻ với ngôn ngữ Tiếng Anh là một lợi thế.

Xu hướng tăng mạnh giá nguyên vật liệu những tháng đầu năm 2017, cho thấy một năm đầy thách thức đối với ngành công nghiệp sản xuất lốp xe.

Tuy nhiên, Với việc đẩy mạnh cải tiến liên tục và cải cách quản lý. Đồng thời, đặt ra các mục tiêu có trọng điểm, chúng tôi hy vọng rằng sẽ tiếp tục duy trì được mức tăng trưởng và có lợi nhuận của Công ty. Chúng tôi luôn trân trọng sự hỗ trợ của các Quý vị để theo đuổi mục tiêu của chúng tôi và đạt được kết quả tốt trong năm 2017 và các năm tiếp theo.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF BOARD OF DIRECTORS



Nguyễn Xuân Bắc

The Company prioritizes the following four missions in its business operations:

01. Focus all resources to the success of the two flagship products – TBR and PCR; creating added values based on long-term, intensive cooperation with well-established trusting partners.
02. Continuously pursuing the application of modern and effective management systems in production, sales, inventory and human resource, such as: ERP, TPM.
03. Step by step building the sales system through the application of smart tools, bringing many benefits to consumers.
04. Focus on training people with good management potentials. Diversifying human resources and endorsing young talents with good command of English.

Raw material price increases in the first months of 2017 sets the background for a challenging year ahead for the tire and tube industry.

Nevertheless, by vigorously and continuously improving operations, applying modern tools in management, and pursuing focused goals, we expect to maintain the growth rate and profit of the Company. We always appreciate your support and contribution for the pursuit of our goals and as we strive for good results in 2017 and in the years to come.

2.0

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

HISTORY AND DEVELOPMENT MILESTONES

2.1 Thông tin khái quát <i>General information</i>	2.2 Giải thưởng và thành tựu năm 2016 <i>Achievements and titles 2016</i>	2.3 Các sự kiện chính <i>Key milestones</i>	2.4 Ngành nghề kinh doanh <i>Business lines</i>
2.5 Địa bàn kinh doanh <i>Business locations</i>	2.6 Sơ đồ tổ chức <i>Organization structure</i>	2.7 Tổ chức nhân sự <i>Organization & Human resource</i>	
	2.8 Cơ cấu cổ đông <i>Shareholder structure</i>	2.9 Các đơn vị thành viên <i>Subsidiaries</i>	

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

GENERAL INFORMATION

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam**
- Tên viết tắt: **CASUMINA**
- Giấy phép ĐKKD: **0300419930** (đăng ký lần đầu ngày 01/03/2006, thay đổi lần thứ 12 ngày 25/08/2016)
- Vốn điều lệ: **1,036 tỷ đồng** (bảy trăm bốn mươi tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **1,036 tỷ đồng** (bảy trăm bốn mươi tỷ đồng)
- Tăng vốn điều lệ từ 740 tỷ đồng lên 1,036 tỷ đồng
- Sản xuất và bán thương mại lốp radial toàn thép (TBR), bước đầu xuất khẩu sang thị trường Mỹ.
- Mở rộng và nâng cấp chất lượng nhà máy lốp xe máy tubeless với công suất 1 triệu chiếc/năm.
- Triển khai dự án lốp radial bán thép (PCR) với công suất 500.000 chiếc/năm.
- Tham gia vào chuỗi cung ứng Bán thành phẩm cao su với sản lượng 2.500 tấn/tháng.
- Địa chỉ: **Số 180 Nguyễn Thị Minh Khai, P. 6, Q. 3, TP. HCM**
- Số điện thoại: **(08) 3836 2369**
- Fax: **(08) 3836 2376**
- Website: **www.casumina.com**
- Mã cổ phiếu: **CSM**
- Name in English: **The Southern Rubber Industry Joint Stock Company**
- Abbreviation: **CASUMINA**
- Business license: **0300419930** (first issued 01 March 2006; 12th amendment made on 25 August 2016)
- Charter capital: **1.036.264.670 dong.**
- Owner equity: **1.036.264.670 dong.**
- Charter capital increased from 740 billion dong to 1.036 billion dong.
- Production and sales of TBR, started exporting to the US market.
- Expansion and upgrading of the tubeless motorcycle tire factory with capacity of 1million tires/ year.
- Deployment of the radial tire project with capacity of 500.000 tires/year.
- Entering the semi-finished rubber products supply chain with capacity of 2.500 tons/month.
- Address: **180 Nguyen Thi Minh Khai, Ward 6, District 3, Ho Chi Minh City**
- Phone: **(08) 3836 2369**
- Fax: **(08) 3836 2376**
- Website: **www.casumina.com**
- Stock Ticker: **CSM**

GIẢI THƯỞNG VÀ THÀNH TỰU 2016

ACHIEVEMENTS AND TITLES 2016



Doanh nghiệp vì người lao động
Employee-oriented Enterprise



Thương hiệu quốc gia (lần thứ 5)
National brand (5th time)



Thương hiệu quốc gia
(lần thứ 5)
National brand (5th time)



Huân chương lao động
hạng nhất
First-class labor order



Hàng Việt Nam chất lượng
cao liên tục lần thứ 20
Vietnamese high quality
product, voted by consumers
consistently for the 20th time



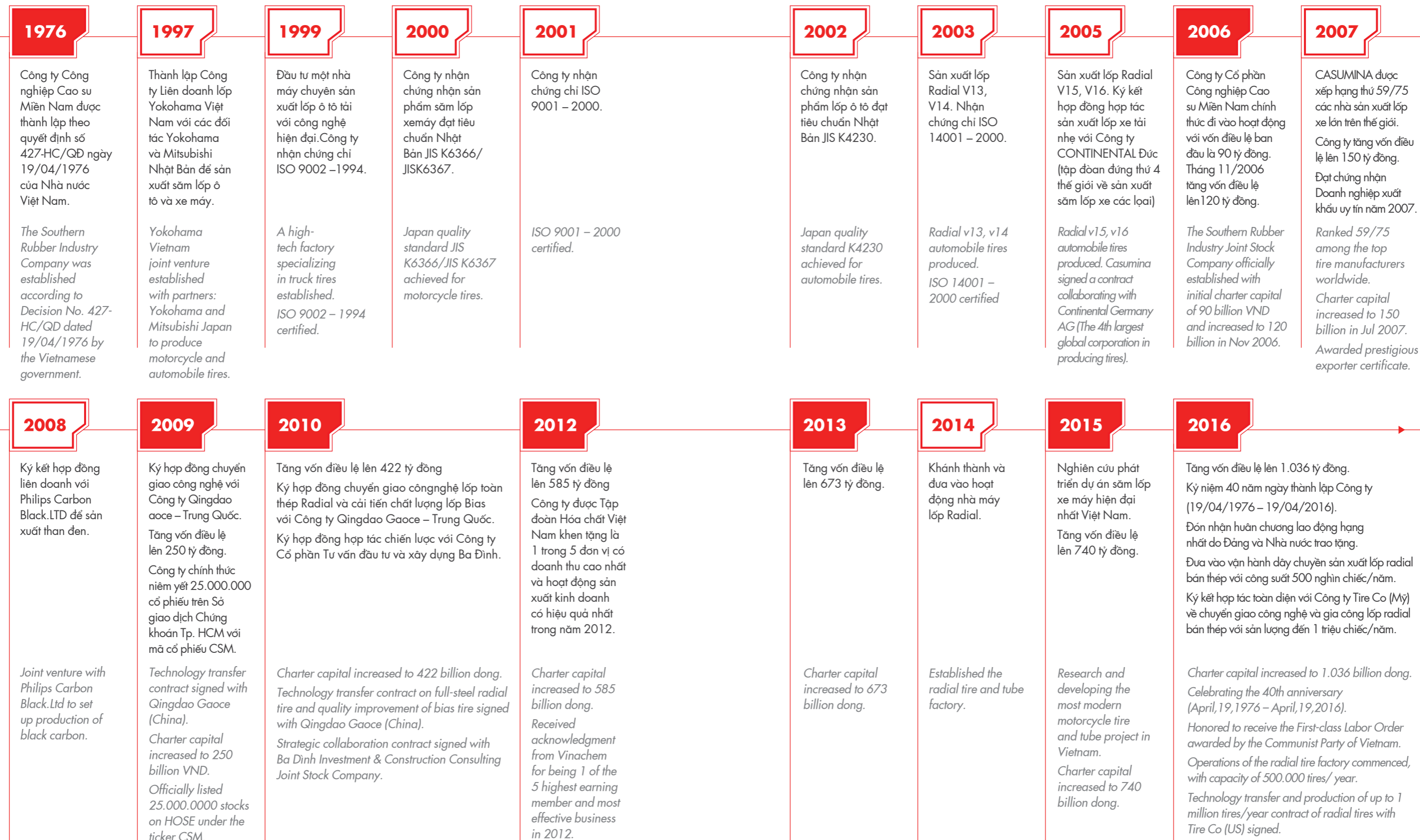
Cờ thi đua Tổng liên đoàn
lao động Việt Nam
Flag of professional
emulation from the
Vietnam General
Confederation of Labor



Top 5 đơn vị có doanh thu
và lợi nhuận cao nhất Tập
đoàn hóa chất Việt Nam
Top 5 companies with
highest revenue and profit
in Vinachem.

CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

KEY MILESTONES



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

BUSINESS LINES

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cao su công nghiệp, cao su tiêu dùng.
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên liệu, hóa chất, thiết bị ngành công nghiệp cao su.
- Kinh doanh thương mại dịch vụ.
- Kinh doanh bất động sản.
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với qui định của pháp luật.
- Producing and trading industrial and commercial rubber products.
- Trading raw materials, chemical substances (excluding hazardous chemical substances) and equipment used in the rubber industry.
- Trade & services.
- Real estate.
- Other businesses in compliance with national laws and regulations.

SẢN PHẨM

PRODUCTS

Lốp xe máy
Motorcycle tire



Lốp xe đạp
Bicycle tire



Lốp ô tô bias
Bias tire



Lốp ô tô Radial
Radial tire



Lốp nông nghiệp
Agriculture tire



ĐỊA BÀN KINH DOANH

BUSINESS LOCATIONS

Thị trường nội địa: sản phẩm của CASUMINA đã có mặt trên 64 tỉnh thành khắp cả nước thông qua hệ thống các nhà phân phối và đại lý cấp 2, cấp 3. Thị trường nội địa vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu với đóng góp 63% doanh thu, 25% đến từ xuất khẩu và còn lại là hoạt động kinh doanh khác.

Thị trường xuất khẩu: tập trung ở khu vực Đông Nam Á. Các thị trường khác bao gồm Châu Âu, Châu Phi và vùng Trung Cận Đông. Với lợi thế từ sản phẩm lốp Radial, CASUMINA hướng đến chinh phục Thị trường Mỹ, Bắc Mỹ và các nước phát triển khác.

Thị trường xuất khẩu: Chủ yếu xuất khẩu sang các thị trường Châu Á, châu Âu, châu Mỹ. Trong đó, thị trường châu Á chiếm tỷ trọng lớn nhất là 60%, thị trường Châu Phi chiếm 10%, châu Âu chiếm 10%, còn lại là các thị trường khác.

Định hướng đối với thị trường xuất khẩu của CASUMINA là:

- Duy trì thị trường hiện có.
- Cố gắng xâm nhập sâu vào thị trường Mỹ với dòng sản phẩm chiến lược lốp radial bán thép, tận dụng chính sách chống phá giá của chính phủ Mỹ áp dụng đối với một số nước.
- Tận dụng cơ hội từ hiệp định TPP giữa Mỹ và Việt Nam.

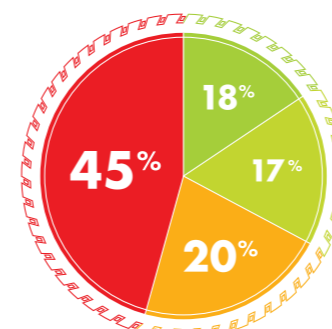
Domestic market: Casumina products has presence in 64 provinces and cities via a strong network of distributors, comprising of level 2 and level 3 distributors. The domestic market still remains the main market making up 63% of revenue, 25% is from exports and the rest is from other businesses.

Export market: focusing on South-East Asia. Other markets include: Europe, Africa and the Middle East. With the advantage from production of radial tire, Casumina aims to penetrate the US and North America markets as well as other developed countries.

Export market: focusing mainly on Asia, Europe, and America. Of which the biggest export market is Asia (60%), followed by Africa (10%) and Europe (10%).

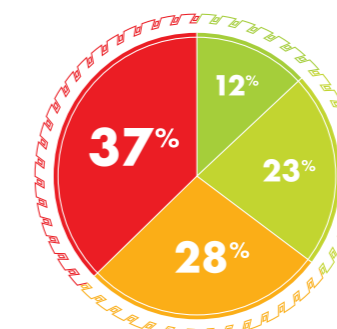
Direction for export market of Casumina

- Maintain current markets
- Enter the US market with the strategic radial tire product, make the most of the US anti-dumping policy to be imposed on non TPP signing countries.
- Make the most of the TPP Agreement.



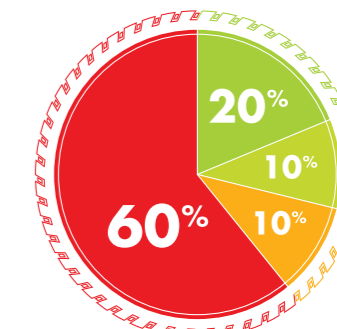
CƠ CẤU DOANH THU THUẦN
NET REVENUE STRUCTURE

- Lốp ô tô & máy kéo (Car and tractor tire)
- Lốp xe máy (Motorcycle tire)
- Săm xe máy (Motorcycle tube)
- Khác (Others)



CƠ CẤU LỢI NHUẬN GỘP
GROSS PROFIT STRUCTURE

- Lốp ô tô & máy kéo (Car and tractor tire)
- Lốp xe máy (Motorcycle tire)
- Săm xe máy (Motorcycle tube)
- Khác (Others)



CƠ CẤU DOANH THU THEO ĐỊA LÝ
GEOGRAPHIC REVENUE STRUCTURE

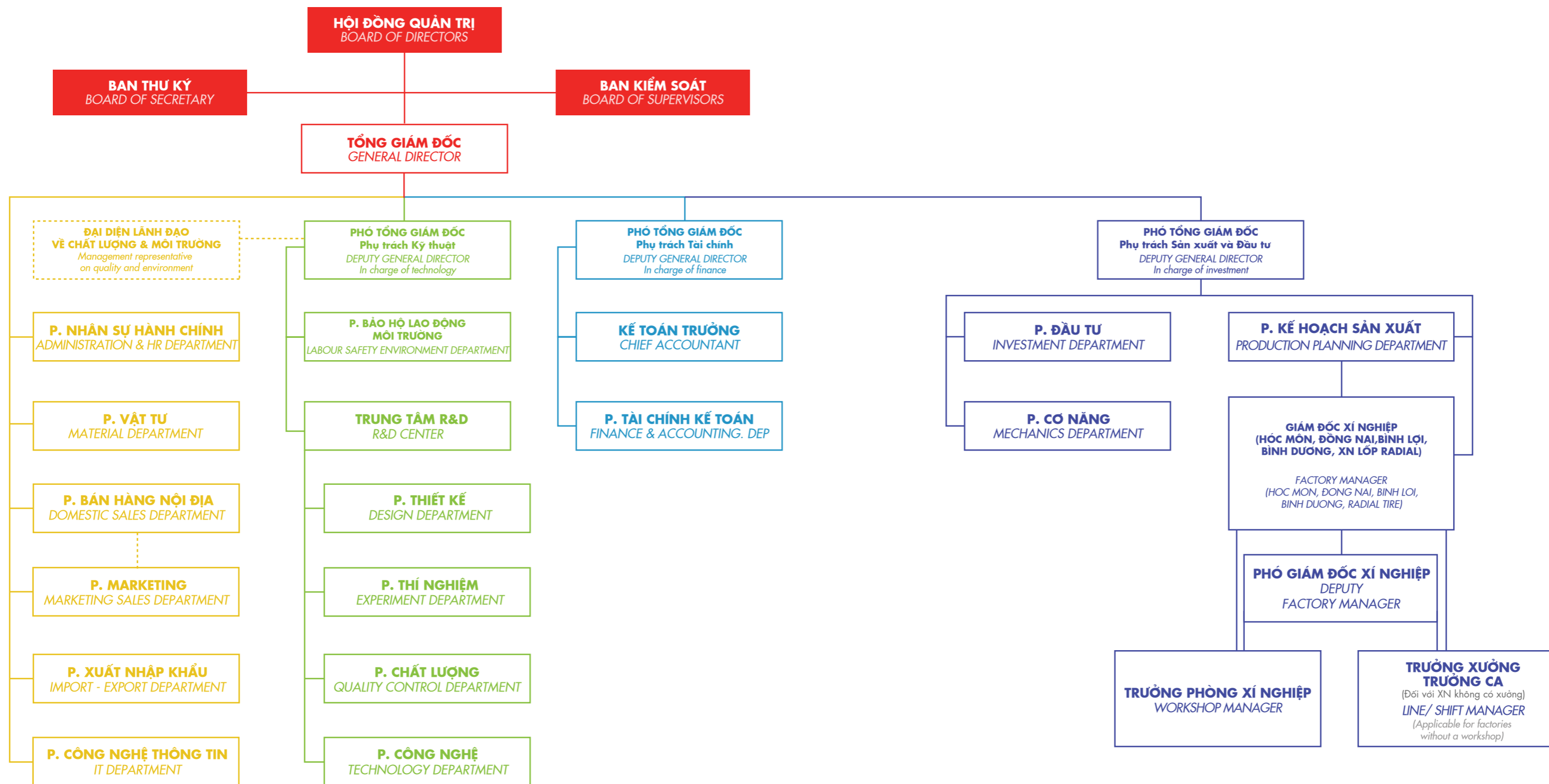
- Nội địa (Domestic)
- Xuất khẩu (Export)
- Kinh doanh khác (Others business)
- Khác (Others)

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

ORGANIZATION STRUCTURE

Ban hành kèm theo quyết định số: 08/ QĐ – HDQT ngày 15/05/2011 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty

Issued in accordance with the Decision No. 08/QĐ-HDQT dated 15th May, 2011 promulgated by the CEO.



TỔ CHỨC NHÂN SỰ

ORGANIZATION
& HUMAN RESOURCE

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

ÔNG – MR.

NGUYỄN XUÂN BẮC



Năm sinh: 1972

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư tự động hóa.

Quá trình công tác:

- 2002 – 2004: Kỹ sư điện tại Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.
- 2005 – 2007: Phó Giám đốc xưởng Điện, Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.
- 2007 – 2010: Giám đốc xưởng Điện, Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.
- 2010 – 2011: Giám đốc xưởng Nhiệt, Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.
- 2011 – 2012: Trưởng phòng Điện – Đo lường – Tự động hóa, Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.
- 2012 – 2013: Trưởng phòng Hành chính – Ban QLDA, Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.
- 2013 – 2016: Giám đốc Công ty cổ phần hóa chất Hưng Phát, Hà Bắc.
- 15/03/2016: Là Phó trưởng ban Người đại diện phần vốn – Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.
- 05/2016: Là chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam

CỔ PHIẾU NẪM GIỮ

- Sở hữu cá nhân: 0
- Đại diện Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 21.764.173 cp – 21%.

Born in: 1972

Professional qualifications: Automation Engineer

Employment history:

- 2002 – 2004: Electrical engineer at Ha Bac Nitrogenous Fertilizer & Chemicals Company.
- 2005 – 2007: Deputy Manager, Electrical Workshop, Ha Bac Nitrogenous Fertilizer & Chemicals Company.
- 2007 – 2010: Manager, Electrical Workshop, Ha Bac Nitrogenous Fertilizer & Chemicals Company.
- 2010 – 2011: Manager, Thermal Workshop, Ha Bac Nitrogenous Fertilizer & Chemicals Company.
- 2011 – 2012: Head of Electrical – Quant – Automation Department, Ha Bac Nitrogenous Fertilizer & Chemicals Company.
- 2012 – 2013: Head of Administration – Project Management Department, Ha Bac Nitrogenous Fertilizer & Chemicals Company.
- 2013 – 2016: Director, Hung Chat Chemicals Company.
- 15/03/2016: Representative Vinachem.
- 05/2016 – now: Chairman of the Board of Directors of Casumina

NUMBER OF SHARES

- Individual holdings: 0
- Holdings on behalf of Vinachem: 21,764,173 shares - 21%

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
DEPUTY GENERAL DIRECTOR

ÔNG – MR.

NGUYỄN SONG THAO



Năm sinh: 1962

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác:

- 1987 – 1996: Kỹ sư cơ khí Xí nghiệp cao su Đại Thắng, trực thuộc Công ty Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 1996 – 2000: Phó xưởng Cơ khí, Phòng kỹ thuật, Công ty Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2000 – 2004: Trưởng xưởng Cơ khí, Phòng kỹ thuật, Công ty Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2004 – 2007: Trưởng phòng Cơ năng, Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2007 – 2009: Giám đốc Xí nghiệp cao su Bình Dương, kiêm Trưởng phòng Cơ năng Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2009 – 2014: Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Bình Dương, Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2014 – 2016: Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Bình Dương, Giám đốc Xí nghiệp Lốp Radian, Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2016 – đến nay: Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Lốp Radian, Giám đốc Xí nghiệp cao su Hóc Môn, Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam.

CỔ PHIẾU NẪM GIỮ:

- Sở hữu cá nhân: 34.028 cp

Born in: 1962

Professional qualifications: Mechanical Engineer

Employment history:

- 1987 – 1996: Mechanical engineer at Dai Thang Rubber Company, a subsidiary of Casumina.
- 1996 – 2000: Deputy Manager, Mechanics Workshop, Technical Department, Casumina.
- 2000 – 2004: Manager, Mechanics Workshop, Technical Department, Casumina.
- 2004 – 2007: Head of Mechanics Department, Casumina.
- 2007 – 2009: Head of Mechanics Department, Casumina cum. Factory Manager, Binh Duong Rubber Company, a subsidiary of Casumina.
- 2009 – 2014: Deputy General Director, Casumina cum. Factory Manager, Binh Duong Rubber Company, a subsidiary of Casumina.
- 2014 – 2016: Deputy General Director, Casumina cum. Factory Manager of Binh Duong Rubber Company and Radial Tire Factory, both subsidiaries of Casumina.
- 2016 – now: Deputy General Director, Casumina cum. Factory Manager of Hoc Mon Rubber Company and Radial Tire Factory, both subsidiaries of Casumina.

NUMBER OF SHARES

- Individual holdings: 34.028 shares



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
DEPUTY GENERAL DIRECTOR

ÔNG – MR.

NGUYỄN ĐÌNH ĐÔNG

Năm sinh: 1963
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa.
Quá trình công tác:

- 1988 – 1996: Kỹ sư Phòng Kỹ thuật, Xí nghiệp cao su Hóc Môn, trực thuộc Công ty Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 1996 – 2000: Phó xưởng Luyện kín, Công ty Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2000 – 2002: Trưởng xưởng Luyện kín, Công ty Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2002 – 2005: Phó giám đốc Xí nghiệp cao su Bình Dương, Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2005 – 2006: Giám đốc Xí nghiệp cao su Bình Dương, Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2007 – 2009: Trưởng phòng Kỹ thuật, Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2009 – đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam.

CỔ PHIẾU NẪM GIỮ

- Sở hữu cá nhân: 27.609 cp

Born in: 1963
Professional qualifications: Chemical Engineer
Employment history:

- 1988 – 1996: Engineer, Technical Department, Hoc Mon Rubber Company, a subsidiary of Casumina.
- 1996 – 2000: Deputy Manager, Compound Workshop, Casumina.
- 2000 – 2002: Manager, Compound Workshop, Casumina.
- 2002 – 2005: Deputy Factory Manager, Binh Duong Rubber Company, a subsidiary of Casumina.
- 2005 – 2006: Factory Manager, Binh Duong Rubber Company, a subsidiary of Casumina.
- 2007 – 2009: Head of Technical Department, Casumina.
- 2009 – now: Deputy General Director, Casumina.

NUMBER OF SHARES

- Individual holdings: 27.609 shares



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
MEMBER OF BOARD OF DIRECTORS

ÔNG – MR.

PHẠM HỒNG PHÚ

Năm sinh: 1966
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế
Quá trình công tác: gắn liền với Casumina

- 1990 – 1996: Nhân viên phòng Tài vụ
- 1996 – 2001: Nhân viên phòng Tài chính kế toán
- 2001 – 2008: Kế toán trưởng
- 2008 – 2010: Phó tổng giám đốc
- 2011 – 2015: Tổng giám đốc
- 02/2015: HĐQT thống nhất bầu ông Phạm Hồng Phú thay thế Ông Bùi Thế Chuyên giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT CTCP Công nghiệp Cao su Miền Nam.
- 2015 – đến nay: Tiếp tục giữ chức vụ Tổng giám đốc.

CỔ PHIẾU NẪM GIỮ

- Sở hữu cá nhân: 218.185 cp
- Đại diện Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 10.363.892 cp – 10%.

Born in: 1966
Professional qualifications: Master of Economics
Employment history (in relations to Casumina):

- 1990 – 1996: Staff, Accounting Department.
- 1996 – 2001: Staff, Finance & Accounting Department.
- 2001 – 2008: Chief Accountant
- 2008 – 2010: Deputy General Director, Casumina.
- 2011 – 2015: General Director, Casumina.
- 02/2015: The Board of Directors agreed to appoint Mr. Phạm Hồng Phú to replace Mr. Bui The Chuyen as Chairman of the Board of Directors of Casumina.
- 2015 – now: General Director, Casumina.

NUMBER OF SHARES

- Individual holdings: 218.185 shares
- Holdings on behalf of Vinachem: 10,363,892 shares – 10%

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
MEMBER OF BOARD OF DIRECTORS

ÔNG – MR.

NGUYỄN MINH THIÊN



Năm sinh: 1964
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác: gắn liền với Casumina

Born in: 1964
Professional qualifications: Bachelor of Economics
Employment history (in relations to Casumina):

- Năm 2007: Phó phòng kế toán Công ty Cổ phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam.
- Từ năm 2008 – 30/04/2011: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam.
- Từ tháng 5/2011 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc và Kế Toán Trưởng Công ty Cổ phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam.
- 2007: Deputy Head of Finance & Accounting Department, Casumina.
- 2008 – 30/04/2011: Chief Accountant, Casumina.
- 5/2015 – now: Member of the Board of Directors, Deputy General Director cum. Chief Accountant, Casumina.

NUMBER OF SHARES

CỔ PHIẾU NẤM GIỮ

- Sở hữu cá nhân: 47.152 cp
- Đại diện Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 10.363.892 cp – 10%.

- Individual holdings: 47.152 shares
- Holdings on behalf of Vinachem: 10,363,892 shares – 10%.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
MEMBER OF BOARD OF DIRECTORS

ÔNG – MR.

NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG



Năm sinh: 1982
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ
Quá trình công tác:

Born in: 19682
Professional qualifications: Masters
Employment history:

- 2008 - 2011: Nhân viên Phòng Kế hoạch Công ty cổ phần CNCS Miền Nam.
- 2011 – 2013: Phó phòng Nhân sự Hành chính Công ty cổ phần CNCS Miền Nam.
- 11/2013 – đến nay: Ủy viên HĐQT, Trưởng phòng Vật tư Công ty cổ phần CNCS Miền Nam
- 2008 - 2011: Staff, Planning Department, Casumina.
- 2011 – 2013: Deputy Head of Administration & HR Department, Casumina.
- 5/2013 – now: Member of the Board of Directors, Head of Material Department, Casumina.

NUMBER OF SHARES

CỔ PHIẾU NẤM GIỮ

- Sở hữu cá nhân: 6.940 cp
- Đại diện Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 0

- Individual holdings: 6.940 shares

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
MEMBER OF BOARD OF DIRECTORS

ÔNG - MR.

PHẠM VĂN THỌ



Năm sinh: 1961
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kế toán.
Quá trình công tác:

- 1984 - 1997: Cán bộ Phòng Tổ chức Lao động Công ty cao su Sao Vàng. Sau đó đảm nhận chức vụ Phó phòng Tổ chức Lao động Công ty cao su Sao Vàng.
- 1997 – 2008: Phó giám đốc Tài chính Công ty TNHH cao su Inoue Việt Nam. Từ năm 2005 – 2008 là người đại diện vốn của Tập đoàn hóa chất Việt Nam tại Công ty TNHH cao su Inoue Việt Nam.
- 2008 - 2014: Kế toán trưởng Công ty TNHH hóa dầu Long Sơn.
- 2015 – đến nay: Phó Ban người đại diện phần vốn của Tập đoàn hóa chất Việt Nam. Chủ tịch HĐQT Công ty Ấc quy Tia Sáng. Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần CNCS Miền Nam. Chủ tịch HĐQT Công ty Sơn Chất dẻo. Ủy viên HĐQT Công ty Phân bón và Hóa chất Cần Thơ. Tháng 11/2015, là Chủ tịch HĐQT Công ty Phân bón và Hóa chất Cần Thơ.

CỔ PHIẾU NẤM GIỮ

- Sở hữu cá nhân: 154.000 cp
- Đại diện Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 10.363.892 cp – 10%.

Born in: 1961
Professional qualifications: Master of Accounting
Employment history:

- 1984 – 1997: Staff then promoted to Deputy Head of HR Department, Sao Vang Rubber Company.
- 1997 – 2008: Deputy General Director in charge of finance, Inoue Rubber Vietnam Company. From 2005 – 2008, representative of Vinachem at Inoue Rubber Vietnam Company.
- 2008 – 2014: Chief Accountant, Long Son Petrochemical Company.
- 2015 – now: Representative Vinachem. Chairman of the Board of Directors of Tia Sang Battery Company. Member of the Board of Directors of Casumina, Chairman of the Board of Directors of Paint & Plastic Company, Member of the Board of Directors and as of November 2015 Chairman of Can Tho Nitrogenous Fertilizer & Chemicals Company.

NUMBER OF SHARES

- Individual holdings: 154.000 shares
- Holdings on behalf of Vinachem: 10,363,892 shares – 10%.

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT
HEAD OF SUPERVISORY BOARD

BÀ - MS.

ĐÀO THỊ CHUNG TIẾN



Năm sinh: 1975
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.
Quá trình công tác:

- 1996 - 2007: Nhân viên Phòng Kế toán Công ty cổ phần CNCS Miền Nam.
- 2007 – 2010: Trưởng phòng kế toán Xí nghiệp Găng tay Việt Hưng, trực thuộc Công ty cổ phần CNCS Miền Nam.
- 2010 – 2016: Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty cổ phần CNCS Miền Nam.
- 2016 – đến nay: Trưởng ban Kiểm soát Công ty cổ phần CNCS Miền Nam.

CỔ PHIẾU NẤM GIỮ

- Sở hữu cá nhân: 5.100
- Đại diện Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 0

Born in: 1975
Professional qualifications: Bachelor of Economics
Employment history:

- 1996 – 2007: Staff, Accounting Department, Casumina.
- 2007 – 2010: Head of Accounting Department, Viet Hung Gloves Factory, a subsidiary of Casumina.
- 2010 – 2016: Deputy Head of Finance & Accounting Department, Casumina.
- 2016 – now: Head of the Board of Supervisors, Casumina.

NUMBER OF SHARES

- Individual holdings: 5.100



BÀ / MS.
LÊ THỊ THU THỦY
Thành viên Ban Kiểm Soát
Member of Board of Supervisors



BÀ / MS.
ĐÀO THỊ CHUNG TIẾN
Trưởng Ban Kiểm Soát
Head of the Board of Supervisors



ÔNG / MR.
NGUYỄN MINH THIỆN
Thành viên Hội Đồng Quản Trị
Member of Board of Directors



BÀ / MS.
VŨ THỊ BÍCH NGỌC
Thành viên Ban Kiểm Soát
Member of Board of Supervisors



ÔNG / MR.
NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG
Thành viên Hội Đồng Quản Trị
Member of Board of Directors



ÔNG / MR.
PHẠM HỒNG PHÚ
Thành viên Hội Đồng Quản Trị
Member of Board of Directors



BÀ / MS.
LÊ THU HƯƠNG
Thư ký Hội Đồng Quản trị
Secretary of the Board of Directors



ÔNG / MR.
NGUYỄN XUÂN BẮC
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
Chairman of the Board of Directors



ÔNG / MR.
PHẠM VĂN THỌ
Thành viên Hội Đồng Quản Trị
Member of Board of Directors

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG

Chính sách lương: Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người.

Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp. Công ty có chính sách thưởng định kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể.

Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

Chế độ làm việc: Chế độ làm việc tại Casumina được áp dụng theo đúng luật lao động. Công nhân viên làm việc 8 giờ/ngày được hưởng thù lao và các chế độ phù hợp

TUYỂN DỤNG

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty. Đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng. Song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản. cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành, nhiệt tình, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO

Công ty luôn duy trì chính sách đào tạo hàng năm nhằm nâng cao trình độ đội ngũ lao động toàn công ty. Hình thức đào tạo chủ yếu được thực hiện dưới dạng đào tạo tại chỗ và đào tạo chuyên sâu với các nội dung :

Tập trung và có kế hoạch đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng quản lý kinh tế và nghiệp vụ chuyên môn, đáp ứng tiêu chuẩn cán bộ, công nhân viên đối với từng chức danh quy định.

Đối với cán bộ, công nhân viên chưa qua thực tiễn được thực hiện luân chuyển công việc, đưa xuống cơ sở một thời gian để rèn luyện, thử thách thêm trong thực tiễn.

Đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt, được công ty chú trọng bồi dưỡng các kiến thức về quản lý kinh tế; về hợp tác, liên doanh, liên kết với nước ngoài; về quản lý và điều hành dự án; về pháp luật thuộc các lĩnh vực phụ trách; về tin học và ngoại ngữ. Đặc biệt ưu tiên đào tạo trình độ trên đại học để nâng cao về chuyên môn, phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ và định hướng chiến lược phát triển của công ty.

LABOR POLICY

Salary: The Company builds a customized salary policy which is appropriate to the specific features of the business and guarantees that labor will receive the full benefits pursuant to the state-specific standard and based on individual's work, capacity and performance.

Bonus: To motivate employees to increase work productivity, the Company has periodic, spontaneous bonuses for individuals and teams.

Insurance and benefits: The Company will cover fees for social security, health insurance pursuant to the local law.

Working hours: Working hours at Casumina will be applied pursuant to labor laws. Employees work for 8 hours per day will receive appropriate wage and benefits.

HIRING PROCESS

The purpose of the Company's recruitment process is to attract labor who has the capacity to work for the Company and meet the demand of business expansion. Subject to specific job position, the Company sets out specific required criteria. However, every position needs to meet some basic requirements such as: basic specialized qualifications; managers need to have a Bachelor's degree, passion for the jobs, be proactive and creative. For those critical positions, hiring requirements are quite strict, with compulsory criteria about work experience, analyzing skills and language, information technology skills.

TRAINING

The Company always maintains an annual training program in order to advance all employees' skills. Training forms are mainly on-site and in depth with the following details:

Focus and having plans of training, retraining and fostering economic management and professional knowledge skills, to meet the criteria for each job position.

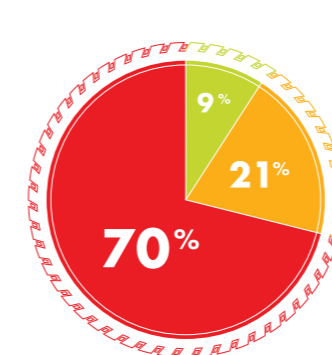
Staff with no experience will participate in job rotation and go to the office for on-the-job training.

For critical managing staff, the Company will focus on fostering economic management knowledge; cooperation, joint venture with foreigners; project execution and management; specific law on each professional knowledge; language and information technology. Special priority is to acquire post-graduate degrees in order to enhance professional knowledge, which is appropriate to the requirements, objectives, and development strategy of the Company.

Hàng năm các phòng ban, đơn vị trực thuộc tiến hành rà soát kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trong năm, xây dựng kế hoạch về công tác đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng cán bộ công nhân viên thuộc đơn vị mình cho năm sau và báo cáo cho Giám đốc để theo dõi, chỉ đạo.

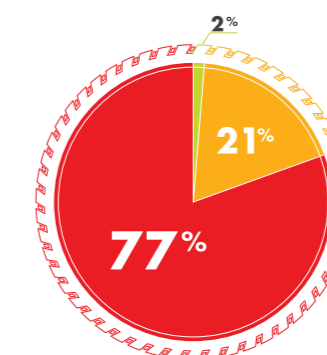
Annually each department reviews current training performance, builds next-year plans for training, retraining and fostering staff and reports to Directors for guidance.

STT No.	Tiêu chí Indicator	Số lượng người Amount of people	Tỷ trọng Percent
I	Theo trình độ lao động Based on education level	2413	100%
1	Trình độ trên đại học, cao đẳng University, College and above labor	513	21%
2	Trình độ trung cấp Intermediate labor	215	9%
3	Trình độ lao động phổ thông Common labor	1685	70%
II	Theo loại hợp đồng lao động Based on type of contract	2413	100%
1	Hợp đồng không thời hạn Labor contract without fixed term	1863	77%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm) Temporary labor contract (less than 1 year)	40	2%
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm Fixed term contract (1-3 year)	510	21%
III	Theo tính chất lao động Based on the working feature	2413	100%
1	Trực tiếp sản xuất Direct labor	1255	52%
2	Không trực tiếp sản xuất Indirect labor	1158	48%



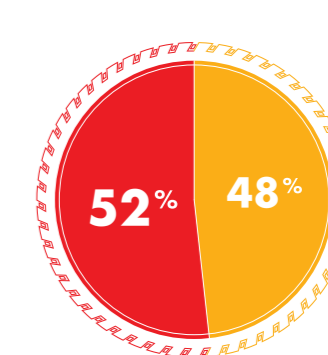
THEO TRÌNH ĐỘ LAO ĐỘNG
BASED ON EDUCATION LEVEL

- Trình độ lao động phổ thông
Common labor
- Trình độ trên đại học, cao đẳng
University, College and above labor
- Trình độ trung cấp
Intermediate labor



THEO LOẠI HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG
BASED ON TYPE OF CONTRACT

- Hợp đồng không thời hạn
Labor contract without fixed term
- Hợp đồng xác định từ 1-3 năm
Labor contract with fixed term: 1 – 3 years
- Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)
Temporary labor contract (less than 1 year)



THEO TÍNH CHẤT LAO ĐỘNG
BASED ON WORKING FEATURE

- Trực tiếp sản xuất
Direct labor
- Không trực tiếp sản xuất
Indirect labor

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

SHAREHOLDER STRUCTURE

Cơ cấu cổ đông <i>Shareholder structure</i>	Số lượng cổ đông <i>Number of shareholders</i>	Số cổ phần <i>Number of shares</i>	Tổng giá trị theo mệnh giá <i>Total par value</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>
Cổ đông trong nước <i>Domestic shareholders</i>	6,934	97,022,423	• 970,224,230,000	
Tổ chức <i>Institution</i>	75	42,692,319	• 426,923,190,000	
Cá nhân <i>Individual</i>	6,859	54,330,104	• 543,301,040,000	
Cổ đông nước ngoài <i>Foreign shareholders</i>	148	6,604,044	• 66,040,440,000	
Tổ chức <i>Institutional</i>	29	6,095,658	• 60,956,580,000	
Cá nhân <i>Individual</i>	119	508,386	• 5,083,860,000	
Cổ phiếu quỹ <i>Treasury shares</i>		1,205	• -12,050,000	
Tổng cộng <i>Total</i>	14,164	207,254,139	• 1,036,264,670,000	

	2014	2015	2016
ROE	49.18%	39.17%	25.18%
ROA	9.65%	9.22%	7.73%
Hệ số thanh toán ngắn hạn <i>Current ratio</i>	1.44	1.60	1.29
Hệ số Nợ/Tổng tài sản <i>Debt/Total assets ratio</i>	60.22%	57.13%	60.48%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu <i>Debt/Owners' Equity ratio</i>	151.39%	133.26%	153.06%



CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

SUBSIDIARIES

XÍ NGHIỆP CAO SU HÓC MÔN

HOC MON RUBBER FACTORY

- Địa chỉ: Phường Tân Thới Hiệp, Q. 12, TP. HCM
- ĐT: (08) 3717 1452
- Fax: (08) 3717 0835
- Sản phẩm: lốp xe đạp, săm xe đạp, lốp xe máy, săm xe máy, lốp xe công nghiệp, săm và yếm ô tô
- Address: Tan Thoi Hiep Ward, District 12, HCMC
- Phone: (08) 3717 1452
- Fax: (08) 3717 0835
- Products: bicycle tire, bicycle tube, motorcycle tire, motorcycle tube, industrial tire, automobile tube and flap



XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI

BINH LOI RUBBER FACTORY

- Địa chỉ: 2/3, Kha Vạn Cân, P. Hiệp Bình Chánh, Q. Thủ Đức, TPHCM
- ĐT: (08) 37266270 – Fax: (08) 37266320
- Sản phẩm: lốp ô tô, lốp nông nghiệp, cao su kỹ thuật.
- Address: 2/3 Kha Van Can Street, Hiep Binh Chanh Ward, Thu Duc District, HCMC
- Phone: (08) 3726 6270 – Fax: (08) 3726 6320
- Products: automobile tire, agricultural tire, technical rubber.



XÍ NGHIỆP CAO SU ĐỒNG NAI

DONG NAI RUBBER FACTORY

- Địa chỉ: KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai
- ĐT: (061) 383 2076
- Fax: (061) 383 1352
- Sản phẩm: Lốp xe đạp, lốp xe máy, săm xe máy, lốp ô tô, lốp nông nghiệp
- Address: Bien Hoa Industrial Zone 1, Dong Nai Province
- Phone: (061) 383 2076
- Fax: (061) 383 1352
- Products: Bicycle tire, motorcycle tire and tube, automobile tire, agricultural tire



XÍ NGHIỆP LỐP RADIAN

RADIAL FACTORY

- Địa chỉ: Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
- Sản phẩm: lốp toàn thép Radial
- Đây là nhà máy lốp toàn thép Radial thứ 2 tại Việt Nam
- Address: Uyen Hung Town, Tan Uyen District, Binh Duong Province
- Products: radial tire
- This is the 2nd radial tire factory in Vietnam



XÍ NGHIỆP BÌNH DƯƠNG

BINH DUONG FACTORY

- Địa chỉ: TT Uyên Hưng, Tân Uyên, Bình Dương
- ĐT: (650) 3640874
- Fax: (650) 3640875
- Sản phẩm: cao su bán thành phẩm, sản phẩm lốp ô tô, lốp xe nâng, lốp đặc, lốp đắp. Nhà máy lốp radial toàn thép với công suất 350 nghìn lốp/năm
- Address: Uyen Hung Town, Tan Uyen District, Binh Duong Province
- Phone: (650) 3640874
- Fax: (650) 3640875
- Products: semi-finished rubber products, automobile tire, forklift tire, no air tire, retread tire. Radial tire with capacity of 350.000 tires/ year



Nhà máy <i>Factory</i>	Sản phẩm <i>Products</i>	Công suất thiết kế (Nghìn chiếc/tháng) <i>Designed capacity (Thousand tires/ month)</i>	Công suất hoạt động hiện tại (nghìn chiếc/ tháng) <i>Current capacity (Thousand tires/ month)</i>
CASUMINA RADIAL	Lốp Radial <i>Radial tire</i>	850	500
	Săm xe đạp <i>Bicycle tube</i>	6,900	6,000
	Lốp xe đạp <i>Bicycle tire</i>	1,900	1,600
	Lốp ô tô cổ <i>Antique car tire</i>	25	25
XÍ NGHIỆP CAO SU HỒC MÓN <i>HOC MON RUBBER FACTORY</i>	Săm xe máy <i>Motorcycle tube</i>	16,000	16,000
	Lốp xe máy <i>Motorcycle tire</i>	3,000	2,700
	Lốp công nghiệp <i>Industrial tire</i>	750	650
	Săm ô tô <i>Automobile tube</i>	1,200	950
XÍ NGHIỆP CAO SU ĐỒNG NAI <i>DONG NAI RUBBER FACTORY</i>	Yếm ô tô <i>Automobile flap</i>	500	450
	Lốp xe đạp <i>Bicycle tire</i>	3,000	2,200
	Săm xe máy <i>Motorcycle tube</i>	16,000	13,000
	Lốp xe máy <i>Motorcycle tire</i>	3,000	2,200
XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI <i>BINH LOI RUBBER FACTORY</i>	Lốp ô tô <i>Car tire</i>	850	750
	Lốp nông nghiệp <i>Agricultural tire</i>	35	20
	Ống cao su (tấn/ năm) <i>Rubber tube (ton/ year)</i>	300	120
XÍ NGHIỆP BÌNH DƯƠNG <i>BINH DUONG FACTORY</i>	Bán thành phẩm (tấn/ tháng) <i>Semi - finished (ton/month)</i>	42,000	40,000
	Lốp xe nâng <i>Forklift tire</i>	60	50
	Lốp đặc <i>No air tire</i>	360	300
	Lốp đắp <i>Retread tire</i>	60	

CASUMINA Văn phòng Công ty
180 Nguyễn Thị Minh khai



Văn phòng giao dịch 146 Nguyễn Biểu

3.0

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

DEVELOPMENT DIRECTION

3.1 Mục tiêu

Goal

3.2 Chiến lược phát triển

Development Strategy

3.3 Rủi ro

Risks and Difficulties

MỤC TIÊU

GOAL

MỤC TIÊU ĐẾN 2020

Doanh thu đạt mốc 7.000 tỷ đồng, trong đó: doanh thu lớp TBR 2.500 tỷ đồng (tương đương 600 nghìn chiếc), doanh thu lớp PCR 1.000 tỷ đồng (1 triệu chiếc).

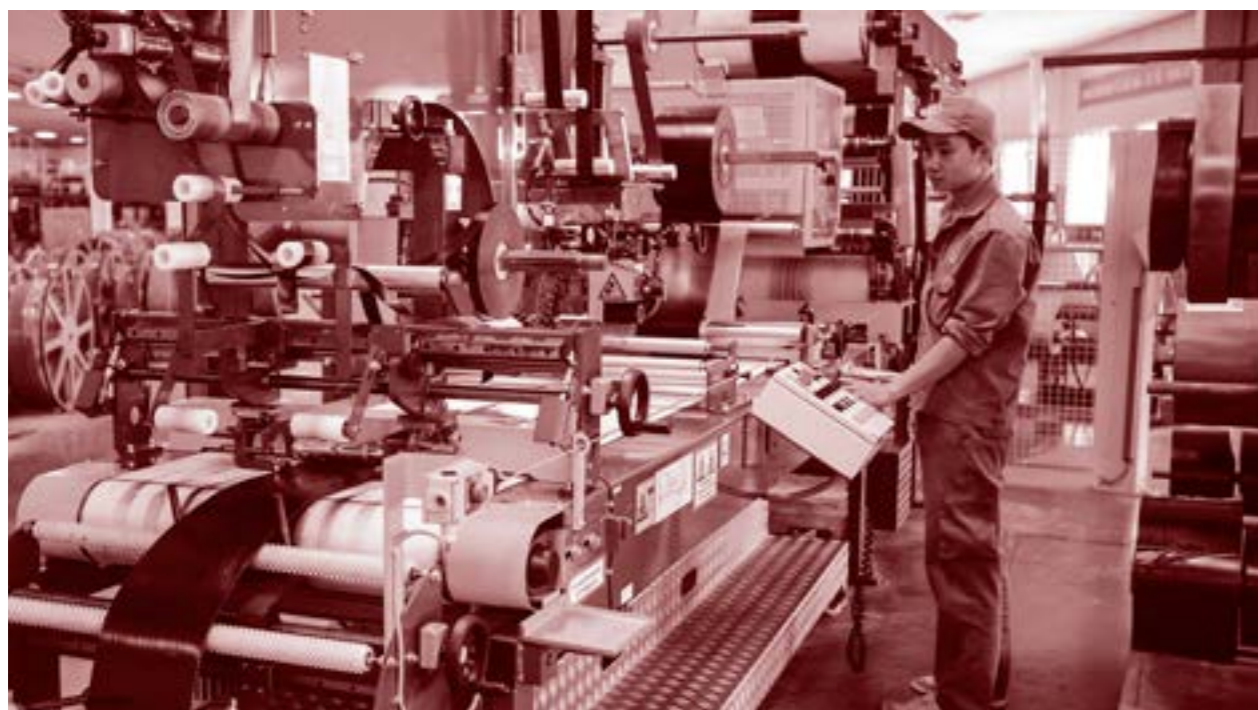
GOAL FOR 2020

Revenue of 7.000 billion dong, of which: revenue from TBR 2.500 billion dong (approximately 600.000 tires), revenue from PCR 1.000 billion dong (approximately 1 million tires).

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

DEVELOPMENT STRATEGY

- Tham gia mạnh mẽ vào chuỗi cung ứng toàn cầu.
- Proactively participate in the global supply chain.
- Củng cố và hoàn thiện hệ thống phân phối trong nước.
- Improve and enhance the domestic distribution network.
- Tận dụng và phát triển dựa vào thương mại thông minh.
- Utilize and develop e-commerce.
- Hợp tác sâu – rộng: Tận dụng nguyên vật liệu với giá cạnh tranh, nắm bắt và hoàn thiện công nghệ lớp chất lượng cao.
- Extensive cooperation: take advantage of the competitive material pricing, grasp and enhance the high quality tire technology.
- Đào tạo nguồn nhân lực chuyên sâu về công nghệ lốp.
- Professional training for workforce on tire technology.



CÁC RỦI RO

RISKS AND DIFFICULTIES

RỦI RO VỀ KINH TẾ

Theo số liệu của Tổng cục thống kê thì tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2016 ước tính tăng 6,21% và không đạt mục tiêu 6,5%. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2016 tăng 2,66% so với bình quân năm 2015, tăng cao so với giai đoạn 2011-2015, tuy nhiên vẫn nằm trong hạn mức 5% quốc hội Việt Nam đã đặt ra. Lạm phát tăng bình quân 1,83% so với 2015. Tóm lại, nền kinh tế Việt Nam đã có nhiều biến động trong năm 2016, nhưng nhìn chung có nhiều điểm cải thiện đáng kể cho thấy những nỗ lực của Chính phủ trong việc quản lý, kiểm soát và ổn định thị trường.

Mức tăng trưởng của công nghiệp ô tô và các doanh nghiệp sản xuất xe máy trong năm 2016 là một yếu tố quan trọng nhất trong việc duy trì, phát triển chuỗi cung ứng, cung cho thị trường linh kiện và thay thế. Số liệu phương tiện giao thông tại Việt Nam đăng kiểm 2016 khoảng 46 triệu chiếc, trong đó xe ô tô là 2,6 triệu chiếc, với mức tăng bình quân là 27%/năm cho thấy dung lượng thị trường rất lớn và đầy tiềm năng cho việc phát triển công nghiệp phụ trợ, trong đó có ngành hàng sản phẩm lốp xe các loại. Sự phát triển khởi sắc của cơ sở hạ tầng phục vụ cho giao thông khá tốt tại Việt Nam cũng là cơ hội để các doanh nghiệp ngành sản phẩm gia tăng sản lượng tiêu thụ. Tiềm năng tăng trưởng của nền công nghiệp ô tô là rất lớn. Tăng trưởng tiêu thụ ô tô sẽ giúp cho những ngành phụ trợ như sản phẩm lốp có cơ hội để phát triển ở cả hai phân khúc: lắp ráp (OEM) và thay thế.

Sức ép từ cạnh tranh nội ngành sản phẩm lốp ngày càng diễn ra gay gắt, từ các doanh nghiệp sản xuất trong nước, các doanh nghiệp nước ngoài đặt nhà máy tại Việt Nam và đặc biệt là hoạt động nhập khẩu sản phẩm lốp chưa minh bạch đã tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Casumina. Những biến động địa chính trị ở một số khu vực đã ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu của Casumina.

RỦI RO VỀ LÃI SUẤT VÀ TỶ GIÁ

Nợ vay chiếm hơn 40% trong cơ cấu tổng nguồn vốn của Casumina, lãi suất tăng sẽ làm tăng chi phí lãi vay, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhận biết được vấn đề này, Casumina luôn quan tâm đến việc kiểm soát và duy trì tỷ lệ nợ ở mức hợp lý. Trong 04 năm gần nhất, Casumina luôn duy trì lãi vay chiếm trong khoảng 1-3% doanh thu.

MACROECONOMIC RISKS

According to the General Statistics Office, Vietnam GDP for 2016 is estimated to increase by 6.21%, failing to reach the 6.5% target. CPI for 2016 increased 2.66% in comparison with 2015, a high level when compared to the 2011 – 2015 period but still within the 5% target of the State of Vietnam. In general, 2016 was a challenging year for the Vietnamese economy but there were many significant improvements reflecting Government's efforts in managing, monitoring and stabilizing the market.

The growth rate of the automobile industry and of motorbike makers in 2016 is a key driver in maintaining and developing the supply chain for the component and refurbishment market. The number of registered vehicles in Vietnam for 2016 was 46 million vehicles, of which 2.6 million were cars (average growth rate of 27%/ year) reflecting great market prospects and potentials for supporting industries, one of which is the automobile tire industry. The development of transport infrastructure is also a key growth driver for the tire industry. The potential growth of the automobile industry is enormous. The increase in car ownership will support growth of both OEM and replacement segments.

Competition within the tube and tire industry is fierce, coming from both domestic companies and international players with factories located in Vietnam. In particular, import practices are non-transparent and has had a negative impact on Casumina's business operations. Political instability in some of Casumina's export markets has also effected the Company.

INTEREST RATE AND FOREIGN CURRENCY RISKS

Casumina's debt ratio stands at around 40%. If interest rates increase, the cost of borrowing will increase which in turn will directly affect the Company's business performance. In light of this, Casumina has constantly been monitoring and ensuring the debt ratio is at a reasonable level. In the past 04 years, Casumina has kept interest expenses at around 1-3% of revenue.

Hoạt động nhập khẩu nguyên liệu và xuất khẩu thành phẩm của Casumina chịu ảnh hưởng bởi biến động tỷ giá. Công ty phải nhập khẩu cao su tổng hợp, than đen, hóa chất... Trong khi đó, công ty còn xuất khẩu các sản phẩm săm lốp đến nhiều nước như Hoa Kỳ, khu vực Châu Âu, Châu Phi, Châu Á. Tỷ trọng doanh thu từ xuất khẩu luôn chiếm tỷ trọng cao (25% trong năm 2015). Do đó, biến động mạnh về tỷ giá sẽ ảnh hưởng đến hoạt động nhập khẩu nguyên liệu và xuất khẩu các sản phẩm săm lốp của công ty.

RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Hoạt động của Casumina chịu sự ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản luật liên quan. Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi đó sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã có hiệu lực từ năm 2015, các bộ luật liên quan khác cũng sẽ được điều chỉnh tương ứng, đòi hỏi công ty phải có bước chuẩn bị nhằm điều chỉnh hoạt động của công ty sao cho không vi phạm các quy định được điều chỉnh.

Hoạt động hợp tác và tiêu thụ sản phẩm đối với các đối tác nước ngoài đòi hỏi Casumina có một đội ngũ Cán bộ chuyên sâu về lĩnh vực pháp lý quốc tế nhằm thiết lập một quy trình xem xét, chỉnh sửa và ban hành các hợp đồng ngoại phù hợp với luật pháp quốc tế.

RỦI RO VỀ NGUYÊN VẬT LIỆU

Sự biến động gần như tất cả nguyên vật liệu chủ yếu theo hướng tăng mạnh: Cao su tổng hợp, cao su thiên nhiên, bố thép, vải mảnh, than đen... bắt đầu từ quý 4/2016 là một thách thức lớn đối với ngành săm lốp xe. Chính sách tăng giá cân đối đầu ra – đầu vào có thể làm giảm sút sản lượng tiêu thụ săm lốp xe các loại nếu như Casumina không tính toán kỹ lưỡng mức dự trữ hàng tồn kho và chiến lược về giá bán hợp lý trong từng thời đoạn nhất định.

Các nguyên liệu nhập khẩu từ nước ngoài chủ yếu sẽ bị tác động mạnh mẽ bởi sự biến động của giá dầu và chính sách thanh lọc các doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường tại các nước sở tại. Casumina đã phân tán rủi ro bằng việc thiết lập danh sách các nhà cung cấp có uy tín và mối quan hệ hợp tác lâu dài nhằm đảm bảo được mức giá hợp lý nhất, tránh biến động và có nguồn cung cấp nguyên vật liệu ổn định.

RỦI RO CẠNH TRANH DÒNG SẢN PHẨM TBR VÀ PCR

Sự cạnh tranh của các thương hiệu nhập khẩu nổi tiếng như: Bridgestone, Goodyear, Michellin, Maxxis, Chengshin, Hankook... đặc biệt từ Trung Quốc đối với nhóm sản phẩm lốp TBR với giá rẻ đã tạo áp lực mạnh mẽ đối với Công ty. Tuy nhiên, cùng với việc cải thiện chất lượng phù hợp với địa hình đường bộ Việt Nam và chính sách bán hàng

The Company's practices of importing raw materials and exporting finished products is subject to currency fluctuations. The Company has to import synthetic rubber, coal, chemicals... In addition, the Company exports tubes and tires to many regions such as the US, Europe, Africa, Asia. Exports make up a fair share of total revenue (25% for 2015). Therefore, currency fluctuations will affect business practices of importing raw materials and exporting finished products.

LEGAL RISKS

Casumina business operations is pursuant to the Law on Enterprises, Law on Securities and related regulations. However, these rules and regulations are continuously being revised and policy changes may occur, which in turn will affect the Company's business operations. The Law on Enterprises No. 68/2014/QH13 is effective as of 2015 and related rules and regulations will be revised accordingly requiring the Company to prepare and adjust business operations to ensure compliance.

International cooperation and export practices requires Casumina to have a strong legal team with expertise on international laws in view of establishing a review-admend-promulgate process with respects to cross border contracts.

MATERIAL RISKS

The rising trend in all raw material including synthetic rubber, natural rubber, steel brakes, fabrics, coal,... from the fourth quarter of 2016 is a big challenge to the tube and tire industry. Policies balancing input – output may decrease the consumption of tires if Casumina miscalculates inventory and if reasonable pricing strategies are not in place during certain periods.

Imported materials will be affected by fluctuations of oil price and environmental pollution control policies imposed on companies in host countries. Casumina has managed risks by establishing a list of long-term trusting suppliers and negotiating prices to hedge fluctuations and stabilize sourcing.

COMPETITION RISKS FOR TBR AND PCR

Competition from well-established import brands, such as Bridgestone, Goodyear, Michellin, Maxxis, Chengshin, Hankook... and especially from cheap TBR tires from China has put great pressure on the Company. However, by enhancing quality and customizing to Vietnam's specific

linh hoạt, bám sát khách hàng, dòng sản phẩm này có nhiều dấu hiệu tích cực trong việc tăng sản lượng tiêu thụ. Xu hướng chuyển dịch của người sử dụng từ lốp ô tô tải nặng bias sang lốp TBR cũng là một triển vọng lớn đối với casumina trong việc mở rộng thị trường trong nước. Việc hoàn tất cả thủ tục đăng ký chứng nhận chất lượng DOT, E-mark, JIS sẽ mở rộng thị trường xuất khẩu của Casumina.

Dòng lốp PCR đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục thương mại để xuất khẩu (thị trường xuất khẩu chiếm 80% sản lượng tiêu thụ). Tuy nhiên, áp lực về giá nguyên vật liệu tăng cao sẽ làm Casumina mất lợi thế trong việc đẩy nhanh thời gian hoàn vốn và có lợi nhuận đối với dòng lốp này.

road conditions along with a flexible sales policy tailoring to the needs of the consumer, this product line shows great potentials for growth in consumption. The trend of changing from bias to TBR is also a great opportunity for Casumina in expanding the domestic market. The completion of quality control certifications of DOT, E-mark, and JIS will support expansion of export markets.

The PCR business line is in the process of completing export paperworks (exports are estimated to be 80% of sales). However, rising raw material prices will affect Casumina's and prolong the profit payback period.



4.0

BÁO CÁO BAN ĐIỀU HÀNH

BOARD OF MANAGEMENT REPORT

4.1 Báo cáo kết quả
sản xuất kinh
doanh 2016

*Report on business
operations for
2016*

4.2 Phương hướng
sản xuất kinh
doanh 2017

*Business plan
for 2017*

4.3 Tình hình thực
hiện các dự
án đầu tư

*Status of
investments*

BÁO CÁO KẾT QUẢ SXKD 2016 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG SXKD 2017

2016 BUSINESS OPERATIONS AND 2017 BUSINESS PLAN

TÌNH HÌNH CHUNG

OVERVIEW

NĂM 2016 CÔNG TY ĐÃ GẶP PHẢI MỘT SỐ KHÓ KHĂN CHÍNH NHƯ SAU:

- Kinh tế trong nước chưa khởi sắc, sức mua thị trường yếu, đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh chung của Công ty.
- Mức độ cạnh tranh ngày càng diễn ra gay gắt đối với thị trường săm lốp xe, nhóm sản phẩm lốp Radial toàn thế tiếp tục gặp khó do cạnh tranh về giá bán đối với sản phẩm Trung Quốc nhập khẩu. Nhóm lốp Bias vành 20 có mức độ tiêu thụ suy giảm do sự dịch chuyển nhu cầu của thị trường.
- Tính cạnh tranh đối với nhóm sản phẩm săm lốp xe đạp còn thấp. Nhóm lốp xe máy không săm có mức tăng trưởng cao, tuy nhiên chưa đạt mục tiêu và chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng nhóm lốp xe máy.
- Nhu cầu tiêu thụ lốp ô tô Bias vành nhỏ tăng cao, Công ty chưa bố trí kịp thời lao động và năng lực sản xuất đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ của thị trường.
- Tình trạng thiếu lao động trực tiếp đang diễn ra. Việc tuyển lao động mới gặp khó khăn khi mức lương của Công ty không còn hấp dẫn trong khu vực Thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Nai.
- Mặc dù thị trường xuất khẩu đối với những nhóm sản phẩm chủ yếu ổn định, tuy nhiên sự cạnh tranh về giá bán đã tạo một áp lực lớn đối với Công ty trong chính sách bán hàng, đã làm suy giảm doanh thu – lợi nhuận của Công ty. Ngoài ra, sự bất ổn về chính trị ở một số nước trong khu vực Châu Á đã làm Công ty mất đi cơ hội tăng trưởng.
- Quá trình triển khai hệ thống bán hàng chuyên nghiệp đối với nhóm săm lốp ô tô còn hạn chế do đặc thù, tập quán riêng biệt của khách hàng.

BÊN CẠNH NHỮNG KHÓ KHĂN TRÊN, CÔNG TY CÓ NHỮNG THUẬN LỢI SAU:

- Thị trường xuất khẩu của Công ty tương đối ổn định, chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu doanh thu và lợi nhuận.
- Các sản phẩm chủ lực của Công ty vẫn chiếm thị phần nhất định trong nước. Uy tín sản phẩm và thương hiệu

IN 2016, THE COMPANY WAS CONFRONTED WITH MANY PROBLEMS AS BELOW:

- The Vietnamese economy has not recovered and weak market consumption affected business operations of the Company.
- The level of competition is higher and harder in the field of tires and tubes. The radial tires segment is faced with a pricing problem due to Chinese imported products. The consumption of Bias (20") slowly reduced due to a shift in market demand.
- The competitive rate of bicycle tires is still low. The tubeless motorcycle tires segment had high growth rate, however, it has not reached the target and has a very small portion in the entire motorcycle tires segment.
- The demand of consumption for bias (small rim) increased, however, the Company has not arranged labor in a timely manner and sufficient production capture that demand.
- Shortage of labor. The recruitment process faced many problems as the Company's average wage was not attractive enough in Ho Chi Minh City and Dong Nai province.
- Although the export markets of major product segments is stable, the pricing competition has put great pressure on the Company's sales policies, which reduced the Company's revenue – profit. In addition, political instability of many Asian countries has made the Company lose growth opportunities.
- The process of developing a professional sales system for the car tire and tube segment has had limitations due to unique, distinct practices of consumer.

ASIDE FROM CHALLENGES, THE COMPANY HAS MANY OPPORTUNITIES:

- The export markets of the Company is stable and has high proportion in breakdown of revenue and profit.
- Major products of the Company still maintain certain domestic market share. Brand and product reputation is

vẫn được khẳng định trên thị trường.

- Nguồn cung cấp nguyên liệu đầu vào của Công ty là những đối tác có uy tín, có tiềm lực đã tạo lợi thế cho Công ty trong việc tìm kiếm mức giá nguyên vật liệu hợp lý, đảm bảo đủ nguồn cung cho sản xuất.
- Công ty tham gia vào chuỗi cung ứng: cung cấp BTP cho đối tác Kumho và Camso, giúp Công ty giải quyết được mức tăng trưởng doanh số và phân bổ một khoản chi phí đáng kể.
- Triển khai hệ thống bán hàng chuyên nghiệp đã đẩy được sản lượng nhóm săm lốp xe máy đạt mức tăng trưởng kỳ vọng.
- Công ty kiểm soát tốt chi phí, ổn định sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường dựa vào các chương trình quản lý đã và đang triển khai: TPM, ERP, BSC.
- Chính sách lương thưởng phù hợp theo năng lực đã tạo điều kiện để phát huy năng lực cá nhân ở từng vị trí công tác.
- Đội ngũ Cán bộ lãnh đạo trẻ, năng động, ngày càng có nhiều kinh nghiệm và kiến thức quản lý theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại hơn.

highly valued in the market.

- The Company's raw material suppliers are reputable and highly potential, which help create a competitive advantage for the Company in finding reasonable material prices and stable supply for production.
- The Company has entered the supply chain: providing semi-finished rubber products for Kumho and Camso, which supports revenue growth rate and allocate a significant cost.
- Implementation of a professional sales system has pushed the production of the motorcycle tire segment to the expected growth rate.
- The Company has controlled costs, stabilized production to meet market demands as a result of the deployment of management systems: TPM, ERP, BSC.
- The performance-based employee compensation policy has been incentivizing individual's capacity development in each position.
- The young, dynamic staff has been accumulating experiences and management knowledge in a more modern and professional way.

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH 2016

RESULTS ON BUSINESS 2016

STT No.	Chỉ tiêu Index	Đvt Unit	Năm 2015 Year 2015	Năm 2016 Year 2016			
				KH Plan	TH Actual	%/2015	%/KH %/plan
1	Giá trị SXCN Industrial Production	Tr đồng Million dong	1,530,710	1,800,000	1,748,317	114	97
2	Doanh thu Revenue	"	3,636,167	3,420,000	3,286,167	92	96
2.1	Doanh thu SXCN Revenue from core business	"	3,212,112	3,400,000	3,168,319	97	93
2.1.1	Nội địa Domestic	"	2,300,184	2,400,000	2,341,909	102	98
2.1.2	Xuất khẩu Export	"	911,928	1,000,000	826,410	91	83
2.2	Doanh thu KD khác Revenue from other business	"	424,055	20,000	117,848	28	590
3	Lao động & thu nhập Labor & Income						
3.1	Lao động Labor	người person	2,346	2,384	2,375	101	100
3.2	Thu nhập bình quân Average Income	1000 đồng Million dong	9,262	9,298	8,539	92	92
4	Nộp ngân sách Contribution to the State Budget	"	194,377	185,164	229,197	118	124

STT No.	Chỉ tiêu Index	Đvt Unit	Năm 2015 Year 2015	Năm 2016 Year 2016			
				KH Plan	TH Actual	%/2015	%/KH %/plan
5	Kim ngạch XNK Import – export value	1000 USD	76,078	87,768	80,343	106	92
6	Đầu tư XDCB Capital expenditure	Tr đồng Million dong	33,826	367,792	228,832	676	62
7	Lợi nhuận trước thuế Profit before tax	"	371,489	330,000	331,448	90	101
8	Lợi nhuận sau thuế Profit after tax	"	289,927	257,400	260,895	90	102
9	Lãi cơ bản trên CP Earnings per share	"	4,170	2,952	2,993	72	102

Nhận xét:

- Giá trị SXCN tăng trưởng 14%, giá trị tăng trưởng chủ yếu do sản lượng nhóm lốp Radial toàn thép và gia công cao su bán thành phẩm mang lại.
- Doanh thu bằng 92% so với cùng kỳ năm 2015, nếu so sánh tách riêng phần doanh thu chuyển nhượng các dự án bất động sản (năm 2015 là 405 tỷ đồng, năm 2016 là 109 tỷ đồng) thì doanh thu năm 2016 bằng 101% so với cùng kỳ, trong đó doanh thu xuất khẩu bằng 91% và nội địa bằng 102%. Doanh thu không có sự tăng trưởng do ảnh hưởng chính sách giảm giá, trong năm Công ty đã điều chỉnh giảm giá bán sản phẩm để giữ vững thị phần và nâng cao sức cạnh tranh.
- Kim ngạch xuất nhập khẩu bằng 106% so với cùng kỳ năm 2015. Chỉ tiêu chủ yếu do sự tác động của kim ngạch nhập khẩu tăng. Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ sản xuất lốp radian toàn thép. Kim ngạch xuất khẩu giảm chủ yếu do chính sách giảm bán.
- Lợi nhuận trước thuế bằng 101% kế hoạch và bằng 90% so với cùng kỳ năm 2015. Mức lợi nhuận giảm so với cùng kỳ do ảnh hưởng chính sách giảm giá sản phẩm. Trong khi đó, nhóm lốp radial toàn thép trong giai đoạn đầu xâm nhập thị trường chưa đem lại lợi nhuận.

Review:

- Industrial production value increased by 14%, mostly from radial tires and production of semi-finished rubber products.
- Revenue in 2016 was 92% of that in 2015, if excluding revenue from real estate projects (405 billion VND in 2015, 109 billion VND in 2016), revenue in 2016 is 101% in comparison with 2015, in which the revenue from export was 91% and from domestic market was 102%. Revenue had no growth due to the sales discounts, a measure the Company took to maintain market shares and increase competitiveness.
- The import-export value is 106% of that in 2015. Main drivers were due to increase in imports. The Company imported materials for radial tires. Exports values decreased due to the reduction in sales price.
- Profit before tax is 101% of that in the plan and 90% of that in the same period in 2015. The decrease is due to the sales discounts. Whereas, the radial tires segment has just entered the market and has not brought in profit.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

BUSINESS OPERATION IN 2016

CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT

Mặc dù gặp nhiều khó khăn trong năm 2016 nhưng Ban lãnh đạo Công ty có nhiều kinh nghiệm đã xây dựng và thực hiện các biện pháp trong điều hành sản xuất kinh doanh một cách hiệu quả

PRODUCTION MANAGEMENT

Although there were a lot of difficulties in 2016, the BOD has built and implemented many solutions to manage production in an effective way.

- Tồn kho vật tư, nguyên liệu: Công ty đã đề ra chính sách dự trữ vật tư hợp lý, kiểm soát chặt chẽ nguyên vật liệu đầu vào. Tìm kiếm các nhà cung cấp giá cả hợp lý, chất lượng tốt, nguồn cung ổn định, đáp ứng kịp thời phục vụ sản xuất, mang lại hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tồn kho sản phẩm: Cân đối hợp lý giữa sản xuất và tiêu thụ, hàng tồn kho dự trữ hợp lý, đảm bảo kịp thời sản phẩm cung cấp cho thị trường.
- Công tác thực hiện tiết kiệm : Được duy trì thường xuyên và liên tục trong từng công đoạn sản xuất. Các chương trình tiết kiệm về năng lượng, về nguyên vật liệu, về chi phí quản lý...Được triển khai thực hiện thông qua các phong trào thi đua đã mang lại hiệu quả thiết thực cho Công ty và người lao động.
- Công tác phát triển sản phẩm mới: Trong năm Công ty đã nghiên cứu, sản xuất và đưa ra thị trường nhiều qui cách sản phẩm mới, mẫu mã gai đa dạng. Bên cạnh đó, công ty cũng đã chú trọng cải tiến thiết kế, mẫu mã gai mới cho dòng sản phẩm lốp ô tô Radial toàn thép, lốp xe máy nhằm đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng trong và ngoài nước.
- Chất lượng sản phẩm được cải tiến duy trì theo đúng cam kết về chất lượng của Công ty đối với thị trường, công tác phân tích, kiểm tra chất lượng được thực hiện thường xuyên, liên tục dưới sự giám sát của bộ phận QA Công ty.
- Công tác tìm kiếm và đánh giá nhà cung cấp được thực duy trì đã giúp Công ty tiếp cận được các nhà cung cấp đạt yêu cầu về chất lượng và giá cả hợp lý, đồng thời đem lại cơ hội cho Công ty tiếp cận với nguồn nguyên liệu mới, tiếp cận với công nghệ sản xuất ngành sảm lốp tiên tiến trên thế giới.

HOÀN THIỆN HỆ THỐNG QUẢN LÝ

- Công ty tiếp tục duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001 và 14001, tiếp tục làm việc với các tổ chức cung cấp các chứng nhận có giá trị khu vực và quốc tế đối với ngành sảm lốp như: DOT, E4, SNI...
- Tiếp tục triển khai hệ thống KPI trong đánh giá năng lực nhân viên gián tiếp, làm căn cứ quan trọng để đánh giá năng lực của từng nhân viên, từ đó có chính sách đãi ngộ và đào tạo một cách hợp lý.
- Thực hiện kiểm soát tốt chi phí, ổn định sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường dựa vào các chương trình quản lý đã và đang triển khai: TPM, ERP, BSC.
- Hệ thống bán hàng chuyên nghiệp đã được triển khai trên toàn quốc. Qua đó, những đánh giá hợp lý từ thông tin thị trường, kết hợp với đội ngũ giám sát hoạt động ở các khu vực trọng điểm đã kịp thời giải quyết

- Inventory management on raw materials: the Company has proposed a policy on effective material reserve and control. Finding suppliers with reasonable price, good quality, stable and responsive supply for business and production efficiency.
- Inventory management on finished products: balancing between production and consumption, effective product reserve, responsive supply to the market.
- Savings and cost reductions: to be maintained regularly and continuously in each production step. Saving programs, on energy, material, management cost and so on, which have been implemented by many internal competitions, have brought in practical benefits to the company and its employees.
- Developing new products: in 2016, the company has researched, produced and introduced to the market various new types of spikes. In addition, the Company has focused on improving design, producing new types of spikes for radial tires and motorbike tires to meet the demands of both domestic and non-domestic consumption.
- The product quality has been improving in line with the Company's commitment to the market, the product analysis and testing process has been done frequently under the supervision of the Company's Quality Assurance department.
- The supplier search and evaluation process has been maintained to help the Company approach suppliers that meet quality requirements and have reasonable price. This movement also creates opportunities for the Company to approach new raw material sources and advanced tire production technologies in the world.

IMPROVEMENT ON MANAGEMENT SYSTEM

- The Company has continued to maintain the management system following ISO 9001 and 14001, as well as working with organizations which provide valuable regional and international certifications in the tire and tube industry, such as: DOT, E4, SNI, etc.
- Continue to implement the KPI system to indirectly evaluate staff capacity, as an important basis for evaluating the capacity of each employee, thus making a reasonable remuneration and training policy.
- Implement good cost control, production stability to meet market demands, as a result of the deployment of management systems: TPM, ERP, BSC.
- Professional sales system has been implemented on a national scale. Based on that, evaluation of market information, along with supervisors in critical regions,

những vướng mắc đối với các đại lý, hỗ trợ đại lý nắm được thông tin nhanh hơn, từ đó đưa ra những giải pháp kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế.

CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

- Sáp nhập xưởng sản xuất lốp Radial bán thép ở XNCS Đồng Nai về Bình Dương, nâng công suất 500 nghìn lốp/năm.
- Triển khai dự án xây dựng tổng kho thành phẩm ở Bình Dương với công suất thiết kế 12.000 mét.
- Đang thực hiện hoàn tất thủ tục dự án mua đất phát triển Công ty tại Tân Uyên – Bình Dương.
- Đang hoàn tất việc hợp tác đầu tư và khai thác tòa nhà Văn phòng tại 180 Nguyễn Thị Minh Khai.
- Đầu tư các thiết bị nhỏ lẻ, lắp đặt, sửa chữa máy móc thiết bị... nhằm củng cố, hoàn thiện và mở rộng quy mô sản xuất, lắp đặt thêm các dây chuyền sản xuất nhằm tăng sản lượng đối với những quy cách, chủng loại sản phẩm có mức tiêu thụ cao.

CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI, ÁP DỤNG KHOA HỌC KỸ THUẬT VÀO SẢN XUẤT

Công ty luôn chú trọng công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường xuất khẩu và nội địa.

- Đối với lốp xe máy:** Tiếp tục nghiên cứu cải tiến đơn pha chế, ứng dụng các nguyên vật liệu mới, nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng mẫu mã gai, đáp ứng cho từng phân khúc khách hàng đồng thời đa dạng dây sản phẩm truyền thống nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu người tiêu dùng.
- Đối với lốp ô tô:** Đa dạng qui cách, mã gai dòng sản phẩm Radial toàn thép đáp ứng nhu cầu thị trường xuất khẩu và nội địa, chú trọng dòng sản phẩm lốp Radial bán thép cung cấp cho thị trường xuất khẩu đồng thời củng cố, cải tiến chất lượng sản phẩm nhóm lốp Bias, sắp xếp, rà soát bố trí hợp lý lao động tăng năng suất lốp Bias vành nhỏ, đáp ứng nhu cầu tăng cao của thị trường.
- Đối với săm ô tô:** Thực hiện nhiều giải pháp: Thay đổi đơn pha chế, cải tiến thiết kế, đảm bảo chất lượng sản phẩm cung cấp cho thị trường trong và ngoài nước.

CÔNG TÁC TIÊU THỤ

Công tác thị trường

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống bán hàng chuyên nghiệp đối với nhóm sản phẩm lốp ô tô. Duy trì tổ chức phân tích, đánh giá và đề ra chính sách bán hàng ngắn hạn

has timely solved the distribution agencies' problems and supported them in receiving information on time to offer solutions appropriate to real situations.

INVESTMENT

- Merged the radial tire manufacturing factory in Dong Nai to Binh Duong, increased the capacity to 500.000 tires per year.
- Started the project of building a new depot for finished products in Binh Duong with the design capacity of 12.000 square meters.
- Continue to buy land in Tan Uyen – Binh Duong to develop.
- Continue with the investment and usage collaboration of the office building at 180 Nguyen Thi Minh Khai Street.
- Invested on small equipment, installation and repair of machinery and equipment, etc. to strengthen, improve and expand production scale, installation of additional production lines to increase the output of highly consumed products.

RESEARCH AND DEVELOPMENT ON NEW PRODUCTS, TECHNOLOGY APPLICATION ON PRODUCTION:

The Company always focuses on research and development on new products to meet the demand of the domestic and export markets.

- Motorbike tire:** continue to research on improving the formula, apply new materials, increase product quality, diversify spike models to meet the demands of each customer segment and diversify the conventional products to better serve the customers.
- Car tire:** Diversify the specifications, types of spikes of radial tires to meet the demands of the domestic and export markets; focus on the radial tire segment tailoring to export markets, as well as, improve the quality of bias tires; organize, arrange labor resource to increase the productivity of bias tire (small rim) to meet the highly increased market demands.
- Car tube:** implement multiple solutions: modify the formula, improve the design, and ensure the product quality to supply for the domestic and export markets.

CONSUMPTION

Market research

- Continue to improve the professional sales system for the car tire segment. Continue to analyze, evaluate and propose a monthly short-term sales policy appropriate to

hàng tháng phù hợp với diễn biến của thị trường.

- Công ty đã nghiên cứu, tổ chức điều tra, phân tích thị trường đưa ra nhiều chính sách bán hàng linh hoạt để giữ vững và củng cố thị phần, đồng thời tìm kiếm khách hàng, đối tác mới nhằm thâm nhập và mở rộng thị phần cho nhóm lốp Radial toàn thép.
- Thường xuyên theo dõi, bám sát và điều chỉnh cơ chế bán hàng phù hợp với tình hình thị trường. Xây dựng những chính sách bán hàng linh hoạt, đổi mới thúc đẩy mức sản lượng tiêu thụ của đại lý, tránh tình trạng bán phá giá, lấn vùng...
- Đẩy mạnh công tác bán hàng xuất khẩu. Tiếp tục đổi mới công tác quảng bá thương hiệu và xây dựng chính sách bán hàng linh hoạt, chú trọng công tác tìm kiếm khách hàng mới và mở rộng thị trường xuất khẩu.

Phương thức bán hàng

- Công ty vẫn tiếp tục duy trì sản lượng giao kế hoạch năm, quý và tháng cho đại lý và Nhà phân phối đồng thời bán hàng trực tiếp cho các Nhà lắp ráp. Căn cứ vào thực hiện kế hoạch tháng, Công ty sẽ phân tích, tìm ra nguyên nhân và đề ra giải pháp để khắc phục những hạn chế đối với những đại lý, Nhà phân phối không hoàn thành kế hoạch.
- Đội ngũ giám sát và nhân viên bán hàng trẻ, năng động đã trực tiếp đảm nhận việc bán và chào hàng tại các nhà phân phối, qua đó có thể nắm bắt nhanh thông tin về sản phẩm và khách hàng kịp thời hỗ trợ cho Công ty đề ra những chính sách bán hàng phù hợp với tình hình thị trường.
- Các chính sách về bán hàng được xây dựng và điều chỉnh cho phù hợp với từng giai đoạn của thị trường thông qua những phản ánh từ các đội ngũ giám sát, các nhà phân phối tại các vùng miền và được giải quyết nhanh chóng kịp thời ngay khi có phản ứng từ thị trường.
- Chính sách công nợ xây dựng linh hoạt tùy thuộc vào năng lực tài chính của từng đại lý tiếp tục được Công ty duy trì áp dụng trong năm 2016, đã phát huy tác dụng kích thích khả năng tìm kiếm khách hàng, tăng sản lượng tiêu thụ và tạo được sự ổn định, đồng thuận của các đại lý.
- Để giữ vững thị phần và mở rộng thêm thị trường trong nước, Công ty đã thực hiện chính sách giảm trực tiếp trên giá bán và áp dụng nhiều chương trình bán hàng trong từng thời điểm. Đây là một yếu tố tương đối tốt có thể sử dụng trong ngắn hạn để cạnh tranh với các đối thủ cùng ngành.
- Tiếp tục thực hiện chính sách khuyến mãi từng tháng đối với từng nhóm sản phẩm theo định hướng tăng trưởng của Công ty.

market conditions.

- The Company has researched, investigated and analyzed the market to make flexible sales policies to maintain its market share, as well as to attract new customers, partners in order to enter and increase the market share for the radial tire segment.
- Frequently monitor and modify the sales mechanism to adjust to market activity. Establish flexible sales policies, improvements to increase distribution agencies' consumption, avoid antidumping.
- Promote export sales activity. Continuing to renew brand promotion activities and establish flexible sale policies, focusing on finding new customers and expanding the export market.

Sales approach

- The Company still maintains the yearly-, quarterly – and monthly targets for agencies and distributors as well as direct sales to assembly entities. Based on the monthly sales, the Company will analyze, find the root cause and offer solutions to solve the limitations of agencies and distributors who failed to meet targets.
- Young, dynamic supervisors and sales staff have directly sold and offered the products to distributors, thus quickly captured the information of products and customers to establish timely sales policies appropriate to market conditions.
- Building and modifying sales policies appropriate to each market stage based on the report of supervisors, regional distributors in order to timely solve any problems in the market.
- Flexible receivables policies built based on each agency's financial capability is still maintained in 2016, which has incentivized the ability to find customers, increased consumption and created stability and agreement from agencies.
- To maintain market shares and expand in the domestic market, the Company discounted directly on the selling price and applied many sales programs in certain periods. This movement created a short-term competitive advantage over others in the industry.
- Continue the monthly promotion program of each product segment according to the Company's growth plan.

Công tác quảng bá và xúc tiến

- Các chương trình quảng bá tại điểm bán tiếp tục được thực hiện, đồng thời hỗ trợ cung cấp biển biểu quảng cáo, vật phẩm trưng bày tại các điểm bán và nhà phân phối trên toàn quốc.
- Công ty tiếp tục tài trợ cho chương trình “Xe và phong cách” qua kênh truyền hình, ấn phẩm và website của chương trình.
- Tiếp tục quảng bá thương hiệu bằng các phương tiện truyền thông truyền thống : Tivi, quảng cáo ngoài trời, xe bus, tạp chí, báo...
- Tổ chức các sự kiện ra mắt sản phẩm mới tại các nhà phân phối đồng thời kết hợp quảng bá trong những dịp chăm sóc cộng đồng tại địa phương, xây dựng hình ảnh Casumina thân thiện với cộng đồng.
- Công ty đã tham gia các hội chợ và chương trình triển lãm uy tín trong ngành cao su và sản phẩm lốp xe: Hội chợ HVNCLC, triển lãm : Công nghiệp phụ trợ, xe và phụ tùng, auto show (xe mô tô và ô tô), cao su và lốp xe. Qua các chương trình này Casumina đã khẳng định vị thế trong chuỗi cung ứng công nghiệp ô tô và xe máy của Việt Nam. Tiếp cận được thị hiếu của khách hàng, đánh giá mức độ nhận diện thương hiệu, qua đó cải tiến chất lượng sản phẩm phù hợp với nhu cầu và thiết kế các chương trình nâng cao hình ảnh thương hiệu. Công ty cũng đã tài trợ chương trình vì cộng đồng: Đi xe đạp vì môi trường và văn hóa giao thông.
- Đối với thị trường xuất khẩu: Công ty đã xúc tiến chương trình nhận diện thương hiệu, hỗ trợ hoạt động Marketing của các nhà phân phối tại khu vực Đông Nam Á. Hỗ trợ cho đại lý tham gia hội chợ: Nam Mỹ, Malaysia, Cambodia.
- Công ty luôn giữ vững các danh hiệu do các tổ chức uy tín bình chọn: Hàng Việt Nam chất lượng cao 20 năm liền, là thương hiệu hạt giống của TP. Hồ Chí Minh, giải thưởng thương hiệu quốc gia (5 năm liền), Doanh nghiệp phát triển bền vững, sản phẩm và thương hiệu vì lợi ích người tiêu dùng, danh hiệu “Doanh nghiệp vì người lao động”. Công ty được tạp chí Forbes bình chọn là một trong 500 doanh nghiệp tiêu biểu.
- Trong năm được tặng Cờ thi đua của Tập đoàn dành cho các đơn vị đạt thành tích đặc biệt xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh và các phong trào khác.
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam khen tặng Casumina là 1 trong 5 đơn vị có doanh thu cao nhất trong Tập đoàn năm 2016.
- Đặc biệt, trong năm 2016, Công ty đã vinh dự được Nhà Nước Việt Nam trao tặng Huân chương lao động hạng nhất nhân kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Công ty (19/04/1976 – 19/04/2016).

Marketing and promotion

- Continue to implement marketing programs at points of sales, as well as provide advertising panels and exhibited items to points of sales and distributors all over the nation.
- The Company has continued to sponsor the “Car and Style” program via its TV channels, publications and website.
- Continue to promote brand via traditional media, such as: TV, billboards, buses, newspapers and magazines.
- Organize new product introduction activities at points of distribution as well as promote during community services to build a Casumina community-friendly image.
- The company has participated in reputable fairs and exhibitions in the rubber and tire and tube industry: Vietnam high-quality goods fair, supporting industry exhibition, car and car accessories, auto show (motorbike, car), rubber and tire. Through these programs, Casumina has confirmed its position in Vietnam’s industrial supply chain for car and motorbike. Understand the customers’ need, evaluate the brand awareness level to improve product quality and design brand promotion programs. The Company has also sponsored community programs: biking for the environment and traffic culture.
- For export markets: The company has promoted the brand awareness programs, supported the marketing activities of distributors in South East Asia. Supported agencies to enter other fairs in South America, Malaysia, Cambodia.
- The Company has always maintained the titles voted by reputable organizations: Vietnam high-quality goods in 20 consecutive years, Ho Chi Minh City seed brand, national brand (5 consecutive years), sustainable development business, product and brand for customers’ benefit, title of “Employee-oriented Enterprise”; one of 500 standard business voted by Forbes Vietnam magazine.
- In 2016, the Company received the emulation flag for business that has exceptional performance in business, production and other movements.
- Vinachem complimented Casumina for being 1 of 5 companies that achieved highest revenue in Corporation in 2016.
- The highlight of 2016, Casumina honorably received the National First-class Labor Order in Company’s 40th anniversary (19/04/1976 – 19/04/2016).



PHƯƠNG HƯỚNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2017

PRODUCTION AND BUSINESS PLAN FOR 2017

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG NĂM 2017

2017 OVERVIEW

KHÓ KHĂN

- Theo nhận định của các chuyên gia kinh tế năm 2017 lạm phát có khả năng gia tăng, lãi suất ngân hàng có xu hướng tăng, giá đồng Nhân dân tệ tiếp tục giảm, giá cả nguyên vật liệu dự báo tăng cao...Việt Nam sẽ gặp khó khăn trước sức ép cạnh tranh, đặc biệt là khả năng cạnh tranh với các đối thủ ngoài nước. Bên cạnh đó, Hiệp định thương mại TPP có dấu hiệu trì hoãn và khó khăn trong thực thi sẽ ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu và thu hút đầu tư nước ngoài. Từ những dự báo tình hình chung trên cho thấy sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các Doanh nghiệp Việt Nam, trong đó có Casumina.
- Hầu như tất cả các nguyên vật liệu đầu vào cho ngành công nghiệp sản xuất săm lốp đều tăng cao trong những tháng đầu năm 2017 và chưa có dấu hiệu dừng lại. Cao su thiên nhiên, cao su tổng hợp tăng từ 80-100%. Các nhóm vật tư: than đen, vải mảnh, thép tanh, bố thép tăng bình quân 18-25%. Công ty phải điều chỉnh tăng giá bán sản phẩm làm nhiều lần tuy nhiên sẽ không tăng kịp tốc độ tăng của giá nguyên liệu đầu vào. Điều đó dự báo sẽ dẫn đến tình hình tiêu thụ gặp nhiều khó khăn, tính cạnh tranh nội ngành sẽ gia tăng, ảnh hưởng đến việc mức tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận.
- Xu hướng chuyển dịch nhà máy sản xuất từ Trung Quốc sang các nước Đông Nam Á (trong đó có Việt Nam) đang diễn ra mạnh mẽ là một thách thức lớn đối với việc duy trì sản lượng tiêu thụ nội địa.
- Quá trình đàm phán tăng giá bán đối với khu vực xuất khẩu sẽ gặp nhiều khó khăn và nguy cơ giảm sản lượng, mất khách hàng có thể xảy ra nếu Công ty không có chính sách giá linh hoạt.
- Đầu ra nhóm sản phẩm lốp Radial toàn thép gặp nhiều khó khăn do gặp phải sức ép cạnh tranh từ các sản phẩm Trung Quốc cùng loại.
- Vị thế dẫn đầu ngành săm lốp có thể bị suy giảm do tính cạnh tranh mạnh mẽ từ các nhà sản xuất nước ngoài đặt nhà máy tại Việt Nam.

CHALLENGES

- According to economic experts, in 2017, the inflation rate and bank interest rate may increase while the Chinese yuan value will continuously decrease and raw material prices are forecasted to highly increase... Vietnam thus will encounter challenges of rising competition, especially with international competitors. In addition, the delay and difficulties in execution of TPP may affect the export and foreign investment activities. From the general forecast, there will be some effects on business and production of Vietnam, including Casumina.
- Most of raw materials for the tire and tube industry increased in the first months of 2017 and had no sign of stopping. Natural rubber, synthetic rubber increased from 80% to 100%. The following materials: charcoal, tire cord fabric, bead steel, plies steel increased average by 18% to 25%. The Company has increased the selling price for many times, however, this will not be enough to catch up with the increasing rate of raw materials price. This forecasts difficulties in consumption, increasing internal industry competition, affecting revenue and profit growth.
- The robust trend of shifting manufacturing factories from China to South East Asian countries (including Vietnam) is a great challenge in maintaining domestic consumption.
- The negotiation of increasing selling price to exported areas may be faced with many challenges, and the risk of decreased production and losing customers may occur if the Company does not have flexible pricing policies.
- The output of radial tires encounters many difficulties due to competition with similar types of products from China.
- The leading position in the tire and tube industry may be weakened due to strong competition from foreign manufacturers having factories in Vietnam.

THUẬN LỢI

- Các hiệp định thương mại song phương giữa Việt Nam và các nước khác cũng như giữa Việt Nam và khối cộng đồng Châu Âu mở ra khả năng hợp tác và mở rộng thị trường quốc tế, bù đắp cho khả năng hiệp định thương mại TPP không thực thi.
- Nhà nước tiếp tục tập trung ổn định kinh tế vĩ mô, kinh tế Việt Nam kỳ vọng có nhiều chuyển biến tốt. Bên cạnh đó, việc cắt giảm thuế quan và chính sách cải cách luật doanh nghiệp, luật đầu tư hứa hẹn sẽ mang lại nhiều khởi sắc cho các doanh nghiệp.
- Cơ sở hạ tầng có xu hướng phát triển, đặc biệt là mức tăng trưởng và hoàn thiện của giao thông đường bộ có khả năng thu hút đầu tư nước ngoài.
- Số lượng phương tiện giao thông thị trường nội địa (xe tải, xe khách, xe máy) có mức tăng trưởng cao và dự báo ổn định trong vài năm tới là một dấu hiệu tích cực để Công ty thực hiện chính sách duy trì và mở rộng thị phần. Các sản phẩm chủ lực của Công ty vẫn chiếm thị phần nhất định trong nước. Uy tín sản phẩm và thương hiệu vẫn được khẳng định trên thị trường.
- Thị trường lốp ô tô Bias vành nhỏ tăng mạnh cả nội địa lẫn xuất khẩu là cơ hội để Casumina tăng hiệu quả SXKD.
- Nhìn chung, Thị trường xuất khẩu của Công ty vẫn tương đối ổn định, chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu doanh thu và đạt tỷ suất lợi nhuận có thể chấp nhận được.
- Nguồn cung cấp nguyên liệu đầu vào của Công ty là những đối tác có uy tín, có tiềm lực đã tạo lợi thế cho Công ty trong việc tìm kiếm mức giá nguyên vật liệu hợp lý, đảm bảo đủ nguồn cung cho sản xuất.
- Chính sách hợp tác toàn diện với các đối tác trong quá trình sản xuất và cung ứng lốp Radial bán thép là một cơ hội lớn của Casumina trong việc tận dụng học hỏi công nghệ mới, tiếp cận nguồn vật tư giá rẻ và phát triển bền vững theo phương châm "Cùng có lợi ích".
- Quá trình tham gia vào chuỗi cung ứng BTP cho đối tác Kumho và Camso đã góp phần giúp Công ty tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận.
- Hệ thống bán hàng chuyên nghiệp đã đẩy được sản lượng nhóm săm lốp xe máy đạt mức tăng trưởng kỳ vọng.
- Chương trình TPM được triển khai đồng bộ ở các xí nghiệp đã mang đến những hiệu quả nhất định.
- Tiếp tục thực hiện việc xây dựng chiến lược Công ty, triển khai hệ thống đánh giá BSC, đánh giá KPI, đồng thời kiểm tra, giám sát và có chính sách thưởng phạt hợp lý nhằm nâng cao công tác quản lý hiệu quả SXKD trong năm 2017.

OPPORTUNITIES

- Bilateral trade agreements between Vietnam and other countries as well as between Vietnam and the European Community offer the opportunities to cooperate and expand to international markets, in compensation for the TPP which may not be implemented.
- The government maintains the macroeconomic stability, then Vietnam economy is expected to have many positive outcomes. In addition, the reduction in tariff and reform of business laws and investment laws will promise to bring more prosperity for businesses.
- Infrastructure tends to grow, especially the growth and improvement of road traffic may attract foreign investment.
- The number of domestic transportations (truck, van, motorbike, etc.) has high growth rate and is forecasted to be stable in the next few years. This is a positive sign for the Company to maintain and increase market shares. The flagship products of the Company still occupy certain market shares in the country. The product reputation and brand are still confirmed in the market.
- The market of bias tire (small rim) increased vigorously in both domestic and international segments, which is an opportunity for Casumina to increase productivity.
- In overall, the export market of the Company remains stable, with high proportion in revenue structure, and achieves acceptable profit margin.
- The Company's raw material suppliers are reputable and highly potential, which help create a competitive advantage for the Company in searching for reasonable material prices and sufficient supply for production.
- Policy on comprehensive cooperation with partners in the process of production and supply of radial tires is a great opportunity to learn new technologies, approach cheap material supply and achieve sustainable development under the motto "Benefit together".
- Entering the supply chain for semi-finished rubber products for Kumho and Camso will support revenue and profit growth.
- The professional sales system has pushed the motorcycle tire production to reach the expected growth rate.
- The TPM has been implemented and synchronized in all workshops has brought certain positive effects.
- Continue to implement the Company's strategy, apply the BSC evaluation system, KPI adjustment, along with inspection, monitoring and reasonable payoff policies in order to improve the efficiency of business and operation management in 2017.

CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2017

MAJOR INDICATORS IN 2017

STT No.	Chi tiêu Index	Đvt Unit	2016 Actual	KH 2017 Plan	
				Giá trị Revenue	%2016
1	Giá trị SXCN Industrial production	Tr đồng Million dong	3,241,218	3,760,000	116
2	Doanh thu Revenue	"	3,286,167	3,700,000	111
2.1	Doanh thu SXCN Revenue from core business	"	3,168,319	3,700,000	116
2.1.1	Nội địa Domestic	"	2,341,909	2,700,000	115
2.1.2	Xuất khẩu Export	"	826,410	1,000,000	121
2.2	Doanh thu KD Revenue from other businesses	"	117,848		
3	Sản lượng hiện vật Production				
3.1	Lốp xe máy Motorcycle tire	1000 chiếc 1000 pieces	4,411	4,640	105
3.2	Săm xe máy Motorcycle tube	"	24,435	23,770	97
3.3	Lốp xe đạp Bicycle tire	"	3,480	3,520	101
3.4	Săm xe đạp Bicycle tube	"	5,449	5,500	101
3.5	Lốp công nghiệp Industrial tire	"	605	635	105
3.6	Lốp ô tô, máy kéo Car, tractor tire	"	1,001	1,331	133
3.7	Săm ô tô Car tube	"	753	907	120
3.8	Yếm ô tô Automobile flap	"	350	480	137
3.9	Găng tay Gloves	1000 đôi 1000 pairs	5,449	9,200	169
3.10	Ống cao su dân dụng Rubber tube for commercial use	Tấn Ton	77	70	91
3.11	Cao su BTP Semi-finished rubber products	Tấn Ton	22,456	35,908	160
4	Lao động & thu nhập Labor and Income				
4.1	Lao động bình quân Average labor	Người Person	2,375	2,436	103
4.2	Thu nhập bình quân Average Income	100 đồng	8,539	8,467	99
5	Nộp ngân sách Contribution to the State budget	Tr đồng Million dong	229,197	306,460	134
6	Kim ngạch XNK Import - Export value	1000 USD	80,343	83,539	104
7	Đầu tư XD CB Capital expenditure	Tr đồng Million dong	228,832	257,185	112
8	Lợi nhuận trước thuế Profit before tax	Tr đồng Million dong	331,448	260,000	79
9	Cổ tức Dividend	%	20%	>12%	
10	Tạm ứng cổ tức Dividend payout ration	%	10%	6%	

MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

SOLUTIONS

QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT

- Tiếp tục triển khai thực hiện chương trình TPM (Quản trị năng suất toàn diện) ở các xí nghiệp.
- Bám sát diễn biến thị trường của nguyên vật liệu để có chính sách tồn kho vật tư hợp lý, đồng thời đề ra chính sách giá bán phù hợp nhằm đạt được ba mục tiêu: a. Giữ vững thị trường, b. Không để thu hụt vốn, c. Có lợi nhuận.
- Tận dụng mọi cơ hội trong việc tiếp cận và làm chủ công nghệ sản xuất lốp TBR, PCR trong quá trình hợp tác toàn diện với các đối tác chuyển giao và thương mại.
- Tập trung toàn lực vào triển khai sản xuất đạt chất lượng và sản lượng lốp PCR cung cấp cho đối tác (từ 250 nghìn chiếc đến 1 triệu chiếc/ năm).
- Chú trọng công tác quản trị sản xuất, phối hợp nhịp nhàng giữa các xí nghiệp thành viên, điều phối cân đối và ổn định nhằm tận dụng được tối đa năng suất thiết bị, nâng cao năng suất lao động.
- Thực hiện chính sách tiết kiệm trong sản xuất, bám sát mục tiêu chất lượng về tỷ lệ phế để đạt ra mục tiêu tiết kiệm, giảm phế trong từng công đoạn sản xuất, triển khai các phong trào thi đua về tiết kiệm, giảm phế trong từng công đoạn sản xuất.
- Tiếp tục công tác cân đối hợp lý giữa sản xuất và bán hàng, cân đối lượng tồn kho sản phẩm hợp lý, đáp ứng kịp thời nhu cầu của thị trường.
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống bán hàng chuyên nghiệp cho lốp ô tô. Đẩy mạnh công tác tiêu thụ đối với nhóm lốp Radial toàn thép.
- Tăng cường công tác gia công và xuất khẩu bán thành phẩm cho các đối tác.
- Nghiên cứu đơn pha chế mới, sản phẩm mới, đa dạng hóa mẫu mã sản phẩm, giảm giá thành, nâng cao chất lượng.
- Quản lý và sử dụng lao động có hiệu quả. Rà soát và định biên lại lao động, bố trí hợp lý lao động tại các công đoạn, dây chuyền sản xuất.
- Tiếp tục duy trì và phát huy tính hiệu quả của hệ thống quản lý ISO 9001 (2008) và ISO 14001.
- Chú trọng công tác phân tích và đề ra những chính sách sản xuất, bán hàng, tài chính hợp lý, linh hoạt

COMPANY AND PRODUCTION OPERATION

- Continue to implement the TPM system (Total Productive Management) in all workshops.
- Strictly follow raw material market activities to establish efficient inventory policies, along with pricing policies to meet 3 objectives: a) Maintain market shares, b) Positive investment returns, c) Profitable.
- Proactive in approaching and mastering the technology in producing TBR, PCR tires from comprehensive cooperation with partners.
- Focus on producing PCR tires with quality and sufficient output to supply to partners. (250.000 tires/ year)
- Focus on production management, cooperate with workshops, balanced and stable allocation of resources order to optimize the capacity of equipment and labor.
- Implement savings policies in production, monitor quality targets in defect rates to propose savings target and reduce defects in each stage of production as well as implement competition in saving and defect reduction.
- Continue to balance between production and sales; maintain balance on inventory for timely supply to the market.
- Continue to improve the professional sales system for car tires. Pushing the consumption of radial tires.
- Increasing the production and exports of semi-finished rubber products to partners.
- Research new formulas and products; diversify production lines and design, reduce price and improve quality.
- Utilize and manage labor effectively. Review, manning and efficiently arrange labor in each stage of production.
- Continue to sustain the efficiency of management system ISO 9001 (2008) ad ISO 14001.
- Focus on the analysis and proposal of flexible, reasonable policies on production, sales and financing, with the support of Enterprise Resource Planning system (ERP).
- Build warehouses for finished products and centralized storage and transportation system to reduce cost. Focus on inventory management to minimize product's slow circulation and low quality. Controlling inventory at

với sự hỗ trợ của chương trình quản lý tổng thể doanh nghiệp (ERP).

- Xây dựng kho chứa sản phẩm, thiết lập hệ thống kho tàng và vận chuyển tập trung nhằm giảm thiểu chi phí lưu kho và chi phí vận chuyển. Chú trọng công tác quản lý kho, nhằm hạn chế tối thiểu sản phẩm chậm luân chuyển, giảm chất lượng. Kiểm soát lượng tồn kho hợp lý nhằm đáp ứng được nhu cầu thị trường, không để phát sinh tồn kho cao.
- Duy trì tốt công tác phòng chống cháy nổ, bảo hộ lao động, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.
- Tiếp tục công tác cải tiến dây chuyền sản xuất, rút ngắn các công đoạn hợp lý, áp dụng quy trình sản xuất hiện đại, kiểm soát tốt quá trình vận hành thiết bị ở từng công đoạn nhằm tạo được sự đồng bộ, ổn định chất lượng sản phẩm.
- Thực hiện việc đánh giá BSC thông qua các KPI cho từng bộ phận phòng ban và các Xí nghiệp thành viên nhằm đánh giá năng lực từng vị trí công việc phục vụ cho việc sắp xếp nhân sự, trả lương hợp lý và kịp thời điều chỉnh mức độ thực hiện theo mục tiêu chiến lược của Công ty.

CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XDCB

- Đang triển khai thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án lớp Radial toàn thép nâng công suất lên 600 nghìn chiếc/năm và dự án nâng công suất lớp Radial bán thép lên 1 triệu lốp/năm, tùy thuộc vào tình hình tiêu thụ của đối tác nước ngoài và khả năng bán thương mại đối với thị trường trong nước.
- Tiếp tục triển khai dự án xây dựng tổng kho thành phẩm ở Bình Dương với công suất thiết kế 12.000 m².
- Tiếp tục thực hiện dự án mua đất phát triển Công ty tại Tân Uyên – Bình Dương.
- Đầu tư, tăng năng suất lao động cho các sản phẩm đã có. Tiếp tục đầu tư các thiết bị nhỏ, lẻ để hoàn thiện một số công đoạn trong dây chuyền sản xuất lốp xe máy, săm xe máy, lốp ô tô, săm ô tô.
- Công ty tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng Dự án “Cao ốc văn phòng” 180 Nguyễn Thị Minh Khai, dự kiến cuối năm 2017 sẽ hoàn thành và đưa vào khai thác.
- Tiếp tục xem xét và cân nhắc về thời điểm thích hợp thực hiện dự án di dời các nhà máy trong nội thành thành phố Hồ Chí Minh theo quy hoạch tổng thể của Công ty đến năm 2020.

reasonable levels to meet market demand and not to create high inventories.

- *Maintain good system of fire and explosion prevention, occupational safety and health protection, industrial hygiene and environmental sanitation.*
- *Continue to improve production lines, reasonably shorten production stage, apply modern manufacturing process and effectively control machine operations in each stage to create unity and stability of product quality.*
- *Implement the BSC evaluation through KPI for each department and workshop to evaluate the capacity of each job position, thus to arrange labor, allocate reasonable wage levels and timely adjust the execution in accordance with the Company's objectives.*

CAPITAL EXPENDITURE

- *Continue with the preparation of investments in projects to increase the capacity of radial tires (full steel) to 600.000 units per year and increasing that of radial tires (semi steel) to 1 million units per year, depending on the consumption demand of foreign partners and domestic retail prospects.*
- *Continue to implement the project of building a warehouse for finished products in Binh Duong with the capacity of 12.000 square meters.*
- *Continue to buy land in Tan Uyen – Binh Duong to develop.*
- *Invest in and increase productivity of labor for current products. Further invest in small equipment to improve the production lines of motorcycle tire and tube, car tire and tube.*
- *Continue to invest in the office building at 180 Nguyen Thi Minh Khai, to be completed and operational at the end of 2017.*
- *Continue to consider the timing to implement the project of moving factories located in Ho Chi Minh City pursuant to the Company's 2020 master plan.*

CHIẾN LƯỢC SẢN PHẨM

- Củng cố thị phần đối với nhóm sản phẩm truyền thống, mở rộng thị trường tiêu thụ đối với lớp Radial toàn thép, nhanh chóng sản xuất đại trà các quy cách lớp Radial bán thép đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.
- Cải thiện chất lượng, đề ra chính sách bán hàng linh hoạt, phù hợp đối với nhóm sản phẩm săm lốp xe đạp – nhóm sản phẩm được dự báo vẫn có xu hướng tăng trưởng nhưng ở phân khúc cao cấp.
- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động quảng bá và tập trung nhân lực để gia tăng thị phần đối với dòng sản phẩm lốp xe không săm, đồng thời mở rộng tiêu thụ đối với các dòng lốp xe máy phục vụ riêng cho thị trường xuất khẩu.
- Tiếp tục mở rộng và thâm nhập vào các thị trường mới với những sản phẩm đặc thù mang thương hiệu Casumina.
- Tiếp tục hợp tác với các đối tác có uy tín trên thế giới trong việc cung cấp sản phẩm mang thương hiệu có giá trị gia tăng cao như: Continental (Đức), Tire Co và các đối tác khác.
- Củng cố và có chính sách đối với thị trường lắp ráp ô tô Việt Nam.

CÔNG TÁC TIẾP THỊ VÀ BÁN HÀNG

- Chú trọng công tác nghiên cứu thị trường, phân tích thị trường theo từng vùng miền, từng nhóm sản phẩm chuyên biệt, đề ra những chính sách phù hợp mang lại hiệu quả cao.
- Tiếp tục khai thác và mở rộng thị trường xuất khẩu tập trung vào các khách hàng Đông Nam Á, Trung đông. Đặc biệt là thị trường Mỹ và Nam Mỹ cho nhóm sản phẩm lớp Radial toàn thép, bán thép.
- Tiếp tục thực hiện và đổi mới chính sách bán hàng linh hoạt trong từng thời điểm phù hợp với tình hình thị trường. Hoàn thiện hệ thống bán hàng chuyên nghiệp lốp ô tô, tăng cường các chế độ chăm sóc khách hàng.
- Tiếp tục duy trì hệ thống nhận diện thương hiệu theo hướng hiện đại, đồng bộ. Tập trung vào công tác quảng bá sản phẩm mới theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại. Thực hiện chương trình Digital Marketing thông qua các hoạt động sử dụng các phương tiện truyền thông kỹ thuật số như: mạng xã hội, internet, mobile... Xây dựng cộng đồng CSR (Corporation Social Responsibility) nhằm thể hiện trách nhiệm đối với cộng đồng và truyền tải sứ mạng của Casumina “Cống hiến cho xã hội sự an toàn, hạnh phúc, hiệu quả và thân thiện”. Tập trung truyền thông theo đặc tính của từng thương hiệu con. Tiếp tục củng cố và xây dựng hình ảnh chuyên gia ngành lốp.

PRODUCT STRATEGY

- *Maintain market shares for traditional products; expand markets for radial tires, quickly produce on a large scale radial tires with an array of different technical specifications to meet the domestic and export demands.*
- *Improve quality and propose a flexible sales policy for bicycle tire and tube, which is forecasted to continue to grow in the high-end segment.*
- *Continue with promotion activities and focus on human resources to increase market shares for tubeless tire segment and expand the export market for motorbike tire.*
- *Continue to expand and enter new markets with Casumina's flagship products.*
- *Continue to cooperate with globally reputable partners in supplying high value-added products such as Continental (Germany), Tire Co and others.*
- *Maintain and propose policies for Vietnam's car assembly market.*

MARKETING AND SALES

- *Focus on regional market research and analysis for each specific type of products to propose appropriate and highly effective policies.*
- *Continue to explore and expand the export market focusing on South East Asian and Middle Eastern customers, and especially U.S. and South America markets for radial tire segment.*
- *Continue to implement and innovate flexible sales policies in at certain periods in line with market conditions. Improve the professional sales system for car tires and enhance customer services.*
- *Continue to use the brand identity system with modern and integrated applications. Focusing on promotion new products in a modern and professional way. Implement the Digital Marketing program through using digital marketing means such as: social networks, Internet, mobile and so on. Building the CSR (Corporation Social Responsibility) to express responsibility to community and communicate the mission of Casumina: "Devoted to the safety, happiness, effectiveness and friendliness of society". Focus the marketing activities on characteristics of each sub-brand. Continue to maintain and build the image of an expert in the tire industry.*

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

STATUS OF INVESTMENT PROJECTS

Dự án Tòa nhà văn phòng Công ty: Công ty đã chuyển đổi đối tác sang Công ty Cienco 4 để hợp tác kinh doanh xây dựng Dự án “Cao ốc văn phòng”. Dự kiến cuối năm 2017 sẽ hoàn thành. Phần diện tích được nhận về là 4,5 tầng sẽ là trụ sở chính của Công ty cổ phần công nghiệp cao su Miền Nam.

Dự án 504 Nguyễn Tất Thành: Công ty đã hoàn tất việc thoái vốn, chuyển quyền khai thác dự án cho đối tác trong hợp đồng hợp tác kinh doanh là Công ty cổ phần thương mại địa ốc Tân Thuận Việt.

Dự án hợp tác 03 mặt bằng Xí nghiệp găng tay Việt Hưng, Xí nghiệp Bình Lợi và mặt bằng 146 Nguyễn Biểu Q5: Đối tác là Công ty cổ phần TV-ĐT-XD Ba Đình tiếp tục hoàn tất thủ tục đầu tư theo hợp đồng đã ký kết. Công ty vẫn đang sử dụng các mặt bằng này. Mặt bằng xí nghiệp Việt Hưng Công ty sử dụng làm cửa hàng bán sản phẩm, trung tâm bảo hành thay lốp ô tô và kho chứa sản phẩm. Mặt bằng xí nghiệp Bình Lợi hiện tại vẫn đang bố trí sản xuất lốp ô tô Bias vành lớn, ống cao su kỹ thuật và văn phòng của trung tâm nghiên cứu – phát triển (R&D) của Công ty. Mặt bằng 146 Nguyễn Biểu đang được sử dụng làm văn phòng tạm cho công ty.

Dự án đầu tư nhà máy sản xuất 1 triệu lốp ô tô Radial toàn thép: Đã hoàn thành dự án giai đoạn 1 với công suất 350.000 lốp/năm. Năm 2017 Công ty tiếp tục cân nhắc đầu tư giai đoạn 2.

Dự án đầu tư nhà máy sản xuất 4 triệu lốp ô tô Radial bán thép: Đến nay đã triển khai hoàn thành dự án 500.000 lốp/năm, dự án này sẽ tiếp tục được triển khai nâng cấp sản lượng lên 1 triệu lốp/năm trong năm 2017.

Dự án mua đất Bình Dương: Casumina đã hoàn thành thủ tục mua đất 9 ha. Hiện nay đang cùng với đối tác tiếp tục hoàn chỉnh các thủ tục để mua 7 ha còn lại.

TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL MANAGER



PHẠM HỒNG PHÚ

Company's office building: The Company has changed partners to Cienco 4 to cooperate in building of the “Office building”, which is expected to be completed by the end of 2017. The 4,5-floor office will be the new headquarters of Casumina.

Project 504 Nguyen Tat Thanh: The Company has finished divestment and transferred the ownership of this project to Tan Thuan Viet Real Estate JSC, a partner in the business cooperation contract.

Cooperation project of Viet Hung glove factory's premise, Binh Loi factory and 146 Nguyen Bieu, District 5: The partner, Ba Dinh Consultant Construction Company, continues to finalize the procedure of the investment, as subject to the signed contract. The Company is still using these premises. The premises of Viet Hung factory is being used as a store selling products, a warranty service center for car tire change and a warehouse for finished products. The current premises of Binh Loi factory is being used as a workshop producing the bias tire (large rim) and technical rubber tube, and the office of R&D department. The premises in 146 Nguyen Bieu is being used as a temporary office of the Company.

Investment project in a factory producing 1 million radial tires: completed Phase 1 with capacity of 350.000 tires/year. In 2017, the Company will consider investing in Phase 2.

Investment project in a factory producing 4 million radial tires (semi steel): Completed the project with capacity of 500.000 tires/year. This project will be continued with capacity increased up to 1 million tires/year in 2017.

Project of buying real estate in Binh Duong: Casumina has completed the procedure to buy a 9-ha area. The Company is working with partners to complete the purchase of the remaining 7 ha.





5.0

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BOARD OF DIRECTORS REPORT

5.1 Tình hình chung

General situations

5.2 Hoạt động của hội đồng quản trị

Activities and operation of Board of Directors

TÌNH HÌNH CHUNG

GENERAL SITUATION

Trong bối cảnh kinh tế thế giới năm 2016 hồi phục khó khăn, rủi ro nhiều, kinh tế Việt Nam đã có những dấu hiệu cải thiện cả ở góc độ sản xuất kinh doanh cũng như ổn định kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn chứa đựng nhiều thách thức khi ổn định kinh tế chưa bền vững, phục hồi không đều, tăng trưởng dựa nhiều vào khu vực FDI. Năm 2016, được đánh giá là một năm đầy thách thức với nền kinh tế Việt Nam bởi những vấn đề nội tại vẫn chưa được giải quyết triệt để, trong khi diễn biến quốc tế diễn biến ngày một bất thường...

Quay lại với ngành công nghiệp cao su: Giá cao su nguyên liệu (bao gồm cả cao su thiên nhiên và tổng hợp) có chiều hướng ổn định trong 9 tháng đầu năm 2016 và tăng nhanh bắt đầu từ quý 4/2016 đã đẩy hoạt động SXKD của Công ty vào trạng thái cần phải có những giải pháp cấp thời trong hoạch định chính sách giá bán và tồn kho nguyên liệu phục vụ sản xuất. Về cơ bản, chính

In the context of the global economy slowly recovering with risks and challenges, in 2016, Vietnam has seen improvements in both productivity and macroeconomic stability. However, there are still many challenges when macroeconomic stability is inadequate, recovery is volatile and the growth is mainly based on FDI. 2016 has been marked as a challenging year for the Vietnam economy due to a number of domestic and international issues that has yet been resolved permanently.

In the rubber industry, raw material prices (including both natural and synthetic rubber) was stable in the first 9 months of 2016 then increased drastically in the 4th quarter. The fluctuation in raw material prices has made it essential for Casumina to respond with a number of immediate actions with regards to pricing policies and inventory management for production. The reduction in sales price in 2016 has enabled Casumina to maintain its market shares and gained market penetration in the radial tire and tubeless motorbike



sách giảm giá bán trong năm 2016 đã giúp Casumina giữ vững thị phần, đạt mục tiêu thâm nhập thị trường nhóm lốp Radial toàn thép và nhóm lốp xe máy Tubeless, đồng thời tạo lợi thế cạnh tranh so với các doanh nghiệp cùng ngành trong việc cân đối giữa giá đầu vào – đầu ra.

Tác động từ lượng sản phẩm tồn kho lớn từ các doanh nghiệp nước ngoài trong năm 2016, họ đã tìm mọi cách đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu sang các nước thứ ba, không loại trừ khả năng bán dưới giá thành, cộng với tác động của hoạt động gian lận thương mại chưa được ngăn chặn hữu hiệu đã làm tăng thêm gánh nặng cho các doanh nghiệp trong nước trong cuộc chiến cạnh tranh về giá.

Tác động tích cực từ thị trường sẫm lốp là mức tăng trưởng tốt từ nhóm sản phẩm lốp Bias cỡ nhỏ ở cả hai khu vực nội địa và xuất khẩu đã đem lại hiệu quả cao cho Casumina trong việc đảm bảo tỷ suất lợi nhuận chung theo mục tiêu đã đặt ra trong năm 2016.

Ngoài ra, Casumina đã tham gia sâu vào chuỗi cung ứng BTP cho hai đối tác Kumho và Camso đã giúp giải quyết bài toán tăng trưởng doanh thu và cân đối khẩu hao, lãi vay trong khi sản lượng tiêu thụ lốp Radial toàn thép chưa đạt công suất thiết kế.

Với lợi thế là doanh nghiệp đang dẫn đầu trong ngành sẫm lốp xe tại Việt Nam, cùng với kinh nghiệm trong phân tích và dự báo đúng diễn biến của thị trường, HĐQT Công ty Casumina đã đề ra các chiến lược căn cơ, đặt ra mục tiêu cho từng quý cùng với sự quyết tâm của Ban Tổng giám đốc trong quá trình điều hành hoạt động SXKD, tìm ra các giải pháp nhằm phát huy được nội lực của Công ty như: Thiết kế đổi mới các kiểu gai phù hợp với thị hiếu và địa hình Việt Nam, triển khai thực hiện các đơn hàng theo yêu cầu riêng biệt của từng khách hàng xuất khẩu, hoàn thiện hệ thống bán hàng chuyên nghiệp, sử dụng chính sách bán hàng và hậu mãi linh hoạt, bám sát khách hàng... Đồng thời chỉ đạo thực hiện các biện pháp quản trị như: Hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất từng dây chuyền sản xuất, quản trị tồn kho, thực hiện công tác tiết kiệm, giải thiếu tỷ lệ phế và hao hụt, áp dụng mô hình quản lý theo mục tiêu chiến lược của công ty thông qua hệ thống BSC...

Từ những hoạt động trên, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã đạt kết quả như sau: Doanh thu 3.287 tỷ đồng (bằng 91% so với cùng kỳ năm 2015 – nếu tính gộp yếu tố giảm giá 10% thì mức tăng trưởng doanh thu là 1%), lợi nhuận trước thuế 2016 đạt 331 tỷ (bằng 89% so với cùng kỳ năm 2015 – nếu tính thuần lợi nhuận từ hoạt động SXKD cốt lõi, loại trừ hoạt động chuyển nhượng bất động sản thì lợi nhuận tương đương năm 2015. Thu nhập bình quân là 8,9 triệu đồng/người/tháng, bằng 95% so với cùng kỳ 2015). Công ty tiếp tục khẳng định vị thế là một doanh nghiệp sản xuất sẫm lốp hàng đầu trong nước và có uy tín tại khu vực Đông Nam Á.

tire segments in addition to creating a competitive advantage over other players in terms of balancing input-output pricing.

In 2016, foreign companies under pressure from huge inventory pushed exports to third countries, even at prices below cost. This along with trade frauds has burdened domestic companies and put pressure on prices.

A positive sign from the market for Casumina is the growth rate of small bias tires in both domestic and export markets which in turn has been favorable for the Company's profit margin.

In addition, Casumina has entered the semi-finished rubber products supply chain for Kumho and Camso which supports revenue growth and balances depreciation and borrowing costs while waiting for income from the radial tire segment to kick in.

With the advantage of being the market leader in the tube and tire industry in Vietnam and experience in market analysis and forecasting, Casumina's BOD, with the determined execution of the BOM, has formulated radical strategies for each quarter and come up with solutions capitalizing on internal strengths of the Company such as designing tire spikes customized to Vietnam's road conditions, carrying out customized export orders, enhancing the professional sales network, flexible sales and after-sales policies, tailoring to consumer needs... Furthermore, the BOD has implemented many transformational management practices such as streamlining production, increasing productivity of each production line, inventory management, saving and minimizing waste, applying the BSC management system...

As a result, the Company's performance for the year is as follows:

- Revenue of 3.287 billion dong (91% in comparison to 2015 – the growth rate will be at 1% when taking into account sales discounts of 10%)
- Profit before tax of 331 billion dong (89% in comparison to 2015 – this is only from core business and excludes earnings from the real estate business, when taking into account earnings from the real estate business profit before tax is on par with 2015).
- Average income of employees is at 8.9 million dong/person/month.
- The Company maintains its status as a national leading tire manufacturer and with good reputations throughout South-East Asia.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 2016

ACTIVITIES OF THE BOARD OF DIRECTORS IN 2016

CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BOARD OF DIRECTORS' MEETINGS

Hội đồng quản trị bao gồm 05 thành viên và đã tổ chức 13 cuộc họp. Cụ thể như sau:

The BOD comprises of 05 members and has held 13 meetings, details as follows:

STT No.	Biên bản họp Meeting Note No.	Thời gian Date	Nội dung Content
1	01/2016/ CSM BBH/HĐQT	01/06/2016	<ul style="list-style-type: none"> Dự kiến kết quả SXKD 6 tháng/2016 & KH 6 tháng cuối 2016. Rà soát & ban hành kế hoạch 2016 – 2017. Kế hoạch chia cổ tức và phát hành cổ phiếu 2016. Báo cáo tiến độ công tác đầu tư xây dựng. Rà soát lại các điều lệ/quy chế Công ty. Nội dung khác.
2	02/2016/ CSM BBH/HĐQT	15/06/2016	<ul style="list-style-type: none"> Tăng vốn điều lệ Công ty.
3	03/2016/ CSM BBH/HĐQT	14/07/2016	<ul style="list-style-type: none"> Kết quả SXKD 6 tháng/2016 & các giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2016. Thực hiện đầu tư xây dựng 6 tháng/2016 & kế hoạch 6 tháng cuối năm 2016. Thông qua các quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản trị Công ty. Công tác quy hoạch Cán bộ. Nội dung khác.
4	04/2016/ CSM BBH/HĐQT	01/08/2016	<ul style="list-style-type: none"> Vay vốn ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam.
5	05/2016/ CSM BBH/HĐQT	01/08/2016	<ul style="list-style-type: none"> Vay vốn ngân hàng TMCP quốc tế Việt Nam.
6	06/2016/ CSM BBH/HĐQT	05/08/2016	<ul style="list-style-type: none"> Phương thức giao dịch với ngân hàng TNHH MTV ANZ.
7	07/2016/ CSM BBH/HĐQT	05/08/2016	<ul style="list-style-type: none"> Tăng vốn điều lệ Công ty.
8	08/2016/ CSM BBH/HĐQT	20/08/2016	<ul style="list-style-type: none"> Gia hạn mức tín dụng tại Shinhan Bank.
9A	09A/2016/ CSM BBH/HĐQT	16/09/2016	<ul style="list-style-type: none"> Kết quả SXKD 8 tháng/2016 & giải pháp 4 tháng cuối năm 2016. Báo cáo đầu tư xây dựng

STT No.	Biên bản họp Meeting Note No.	Thời gian Date	Nội dung Content
9	09/2016/ CSM BBH/HĐQT	19/10/2016	<ul style="list-style-type: none"> Kết quả SXKD 9 tháng/2016 & giải pháp quý 4/2016. Báo cáo triển khai chia tạm ứng cổ tức 2016. Báo cáo đầu tư xây dựng. Công tác Cán bộ. Nội dung khác.
10	10/2016/ CSM BBH/HĐQT	26/10/2016	<ul style="list-style-type: none"> Vay vốn tại Vietin Bank
11	11/2016/ CSM BBH/HĐQT	27/10/2016	<ul style="list-style-type: none"> Vay vốn tại CTBC Bank.
12	12/2016/ CSM BBH/HĐQT	19/01/2017	<ul style="list-style-type: none"> Kết quả SXKD 2016 & Kế hoạch 2017. Báo cáo đầu tư xây dựng. Công tác chuẩn bị đại hội cổ đông. Các nội dung khác.
13	13/2016/ CSM BBH/HĐQT	-	<ul style="list-style-type: none"> Kết quả SXKD Quý 1/2017, kế hoạch Quý 2/2017. Rà soát công tác chuẩn bị ĐHCĐ. Nội dung khác.

CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

RESOLUTIONS AND DECISIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS

Trong năm, Hội đồng quản trị đã ban hành 27 Nghị quyết và 44 Quyết định liên quan đến công tác điều hành sản xuất kinh doanh, trả cổ tức, quyết định phê duyệt, quyết định khác. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều được sự thống nhất, đồng thuận của các thành viên và phù hợp với Điều lệ Công ty.

In 2016, the BOD have promulgated 27 resolutions and 44 decisions related to business and management, dividend, approval and others. These resolutions and decisions of the BOD have received unity consensus from members and comply with Company regulations.

VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BAN GIÁM ĐỐC

BOARD OF DIRECTORS' SUPERVISION OF THE BOARD OF MANAGEMENT

Với mục tiêu đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị tổ chức chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện các giải pháp giảm chi phí sản xuất, nâng cao công tác quản trị, nâng cấp chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh công tác bán hàng, thu xếp vốn và triển khai hoặc thoái vốn đối với các dự án đầu tư.

In order to promote and enhance business operations, the BOD has directed, supervised and supported the BOM in reducing production cost, improving product quality, promoting sales, raising capital for and divesting from projects.

Qua kiểm điểm công tác cho thấy Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện các nghị quyết và kết luận của Hội đồng quản trị với nỗ lực cao. Chính vì vậy, hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty đạt được hiệu quả trong năm 2016.

Findings from the review process has shown the BOM implementing the resolutions and decisions of the BOD with great efforts leading to the effective business operations of the Company in 2016.

BÁO CÁO CHI PHÍ THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY

REPORT ON REMUNERATION OF THE BOARD OF DIRECTORS AND BOARD OF SUPERVISOR

Chủ tịch Hội đồng quản trị Chairman of the Board of Directors	72.000.000 đồng/năm 72,000,000 dong/year
Thành viên Hội đồng quản trị BOD member	264.000.000 đồng/năm 264,000,000 dong/year
Ban kiểm soát Board of Supervisor	94.000.000 đồng/năm 94,000,000 dong/year
Thư ký Hội đồng quản trị Secretary of BOD	54.000.000 đồng/năm 54,000,000 dong/year

Thù lao Ban kiểm soát bao gồm: Bà Lê Thị Hoàng – Trưởng ban kiểm soát, kết thúc nhiệm kỳ vào tháng 04/2016, chi phí thù lao là 22 triệu đồng. Hai thành viên còn lại bắt đầu nhiệm kỳ từ tháng 05/2016, chi phí thù lao là 72 triệu đồng.

Tổng số tiền thù lao đã chi năm 2016: 517 triệu đồng, bằng 100% mức duyệt chi tại đại hội cổ đông năm 2016.

Trưởng ban kiểm soát chuyên trách với mức lương tương đương với kế toán trưởng. Tổng lương là 320 triệu đồng, bằng 100% mức duyệt chi tại đại hội cổ đông năm 2016.

Remuneration for the BOS included Ms. Le Thi Hoang, Head of the BOS, whose term ended in April 2016; her remuneration was 22 million dong. The other two members started their terms in May 2016 with remuneration of 72 million dong.

Total remuneration for 2016: 517 million dong, equal to the approved amount at the 2016 shareholder's meeting.

The head of the BOS's wage is equal to that of the chief accountant. Total wage is 320 million dong, equal to the approved amount at the 2016 shareholder's meeting.

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017

THE BOARD OF DIRECTORS' PLAN FOR 2017

Trên cơ sở dự báo tình hình kinh tế Thế giới và Việt Nam, căn cứ kế hoạch phát triển Công ty đến năm 2020. Hội đồng quản trị đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 và phương hướng quản trị, điều hành gồm một số nội dung chính như sau :

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SXKD 2017

- Tổng doanh thu: 3.700 tỷ đồng, bằng 111 % so với thực hiện năm 2016.
- Lợi nhuận trước thuế : 260 tỷ đồng, bằng 79% so với thực hiện năm 2016.
- Chia cổ tức: Mức tối thiểu là 12%.

TẬP TRUNG CHỈ ĐẠO VÀ HỖ TRỢ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đối với thị trường nội địa: Tiếp tục hoàn thiện hệ thống bán hàng chuyên nghiệp đối với lốp ô tô. Tăng cường cho công tác tiêu thụ lốp Radial toàn thép, Radial bán

Based on forecasts of Vietnam's and the global economy and the Company's long term vision for 2020, the BOD proposes the following managing and operating directions and business plan for 2017:

2017 GOALS

- Total revenue: 3.700 billion dong, 111% in comparison with 2016.
- Profit before tax: 260 billion, 79% in in comparison with 2016.
- Dividend: at least 12%.

FOCUS ON GUIDING AND SUPPORTING THE BOM

- Domestic market: continue to enhance the professional sales network for automobile tires, increase sales of radial tires and tubeless motorcycle tires, increase sales of semi-finished rubber products.

thép và lốp xe máy không xăm. Nâng năng suất sản lượng BTP cung ứng với các đối tác.

- Mở rộng thị trường xuất khẩu. Tập trung toàn lực triển khai dự án sản xuất và gia công lốp Radial bán thép với đối tác.
- Triển khai thành công chiến lược phát triển của Công ty năm 2017 thông qua hệ thống BSC. Bám sát, phân tích, đánh giá và có sự điều chỉnh phù hợp trước diễn biến nhanh và phức tạp của xu hướng kinh doanh hiện nay.
- Thực hiện các giải pháp đột phá việc triển khai tiết kiệm, giảm chi phí thông qua chương trình TPM và thiết lập ngân sách các Xí nghiệp, Phòng ban, bộ phận.
- Thực hiện thường xuyên công tác phân tích, đề xuất giải pháp linh hoạt thông qua công cụ ERP.
- Triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với các dự án đầu tư đúng tiến độ, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
- Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện đúng các Quy chế, Quy định của Công ty.

Trên đây là báo cáo tóm tắt hoạt động của Hội đồng quản trị về thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông năm 2016 và phương hướng hoạt động năm 2017.

- Expanding export markets: focus on the production of radial tires with partners.
- Execute company strategy for 2017 via the BSC system. Closely monitor, analyse, evaluate, and make necessary modifications in line with the constantly changing business environment.
- Execute solutions to save and reduce production costs via the TPM system and establish internal budgets for factories and departments.
- Frequent analysis and propose flexible solutions via ERP.
- Implement the resolutions of the AGM regarding on-time investments pursuant to laws and regulations.
- Improve and comply with internal rules and regulations.

Above is a summary of the BOD's activities with regards to the implementation of the 2016 AGM resolutions and business plan for 2017.



6.0

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

BOARD OF SUPERVISORS REPORT

6.1 Hoạt động kiểm tra và giám sát của Ban kiểm soát

Operation and supervising activities of the Board of Supervisors

6.2 Kết quả hoạt động kiểm tra và giám sát

Result of monitoring and supervising activities

6.3 Nhận xét và kiến nghị

Reviews and proposals

6.4 Kế hoạch công tác 2017

Plan for 2017

6.5 Ban kiểm soát tự đánh giá

Self evaluation of the Board of Supervisors

HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA VÀ GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT

MONITORING AND SUPERVISING ACTIVITIES OF THE BOARD OF SUPERVISORS

Thực hiện nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao, đồng thời thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp. Ban kiểm soát xin trình bày báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty cổ phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam được tổ chức ngày tháng 04 năm 2017 với các nội dung sau:

- Kiểm tra, giám sát thường xuyên việc quản lý, thực hiện các mục tiêu kinh doanh 2016 của Hội đồng quản trị (HDQT) và Ban điều hành đã được thông qua Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 25 tháng 04 năm 2016;
- Tham gia các cuộc họp của HDQT và các buổi họp của ban lãnh đạo về kế hoạch kinh doanh và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2016;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực, tính nhất quán trong việc áp dụng các chính sách kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính theo đúng quy định của Nhà nước;
- Kiểm soát việc xây dựng, điều chỉnh và thực hiện các quy chế, quy định nội bộ của Công ty;
- Giám sát công tác đầu tư xây dựng cơ bản;
- Kiểm tra đột xuất – định kỳ về hoạt động sản xuất của các đơn vị trực thuộc Công ty;
- Trao đổi thảo luận với kiểm toán độc lập về nội dung và kết quả kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng;
- Kiểm soát việc công bố thông tin, trình tự, thủ tục tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán và các quy định của nhà nước.

The BOS is pleased to present our report in conjunction with the mission bestowed upon us at the AGM and in compliance with internal rules and regulations and the Law on Enterprises. Our activities comprised of:

- Frequently monitoring and supervising the management and implementation of business targets approved at the 2016 AGM on 25 April.
- Attending BOD, directors and leaders' meetings on business operations and performance in 2016,
- Ensure the reasonability, legitimacy, truthfulness and consistency in the application of accounting policies, statistical and financial reporting pursuant to Vietnamese laws.
- Supervise the drafting, modification and implementation of internal rules and regulations.
- Supervise capital expenditure.
- Periodly and spontaneously check on the production of Company members.
- Discuss with independent auditors on the content and result of the audited financial statements and the settlement of completed projects.
- Supervise the announcement, order and procedure of organizing the AGM pursuant to the Stock Exchange regulations and governing laws.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA VÀ GIÁM SÁT 2016

RESULT OF MONITORING AND SUPERVISING ACTIVITIES 2016

THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH 2016

EVALUATING FINANCIAL REPORTING AND FINANCIAL ACTIVITIES IN 2016

Ban kiểm soát xác nhận Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán Và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS) là đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam, đây là đơn vị nằm trong danh sách Công ty kiểm toán được Ban kiểm soát đề xuất trước ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 thông qua.

Thực hiện đúng quy định về việc lập báo cáo tài chính và công bố thông tin hàng quý, năm theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán và các quy định của nhà nước.

Các BCTC đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2016. Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Ban kiểm soát thống nhất các số liệu trên BCTC năm 2016 của Ban điều hành đã được kiểm toán.

Ban điều hành thực hiện đúng quy chế tài chính Công ty đã ban hành, sử dụng luân chuyển đồng vốn hiệu quả, các khoản vay tài chính rõ ràng minh bạch đúng mục đích.

Ban điều hành đã dự toán chính xác thời điểm để cân đối tài chính cho dự trữ nguyên vật liệu nhằm hạn chế rủi ro trong sản xuất kinh doanh.

GIÁM SÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2016

SUPERVISING THE IMPLEMENTATION OF THE 2016 AGM RESOLUTIONS

Trong năm 2016, HDQT và Ban điều hành đã triển khai thực hiện đầy đủ các kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua vào tháng 4/2016:

Phân phối lợi nhuận 2015 và 2016 : đã thực hiện đầy đủ việc trích lập các quỹ bao gồm : quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành, hoàn thành chi trả cổ tức 2015 và tạm ứng 2016.

Đã thực hiện phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu trong quý III/2016. Tỷ lệ thực hiện quyền 10:4 (tương đương 40%), đã nâng vốn chủ sở hữu từ 740.204.960.000 đồng lên thành 1.036.264.760.000

The BOS confirms the Southern Auditing and Accounting Financial Consultancy Service., Ltd (AASCS) as the independent auditor for Casumina in 2016. AASCS was presented in the list of audit companies proposed by the BOS and approved at the 2016 AGM.

Ensure compliance of financial reporting and quarterly announcement pursuant to the Stock Exchange regulations and government laws.

The financial statements give a true and fair view, in all material respects, of the financial position of the Company as at 31 December 2016 and of their results of operations and their cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting.

The BOS agrees with the 2016 audited financial statements.

The BOM complied with the Company's financial regulations; effectively used capital and borrowings transparently and rightfully.

The BOM gave accurate forecasts to balance raw material inventory and lowered business risks.

In 2016, the BOD and the BOM has implemented the plans approved at the 2016 AGM, details as follows:

Profit distribution for 2015 and 2016: distributed the profit to appropriate funds: investment and development, bonus and welfare, bonus for the BOD, completion of 2015 dividend payout and partial 2016 dividend payout.

Share issuance plan to raise capital in 2016 from owner's equity, with ratio of 10:4 (equal to 40%). Increased charter capital from 740.204.960.000 dong to 1.036.264.760.000 dong, equal to an increase in shares, from 74.020.496 to 1.036.264.760 shares.

đồng tương ứng với số cổ phiếu từ 74.020.496 cổ phiếu lên thành 1.036.264.760 cổ phiếu

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Chi tiêu Target	RESULT FROM SALE TARGET		
	2015	2016	Kết quả thực hiện/ kế hoạch Result/ Plan
Doanh thu bán hàng Revenue	3,660 tỷ 3.660 billion	3.287 tỷ 3,287 billion	96%
Lợi nhuận thuần Operating profit	371 tỷ 371 billion	331 tỷ 331 billion	100%

Doanh thu bán hàng 2016 Công ty thực hiện không hoàn thành kế hoạch theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2016 (đạt 97%/KH), tuy nhiên lợi nhuận Công ty vẫn đảm bảo chỉ tiêu đã đưa ra (đạt 100%/KH).

The Company failed to meet the 2016 revenue target set out and approved at the 2016 AGM . Operating profits, however, still reached the target (100%/plan).

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát : thực hiện đúng theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2016.

Remuneration for the BOD and the BOS: in compliance with the 2016 AGM resolution.

Chọn Cty kiểm toán độc lập : Cty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS) theo sự uỷ quyền của ĐHĐCĐ 2016.

Choice of independent auditor: Southern Auditing and Accounting Financial Consultancy Service., Ltd (AASCS) in compliance with the 2016 AGM resolution.

KIỂM SOÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

SUPERVISING CAPITAL EXPENDITURE

Hoàn thành quyết toán vốn dự án : Nhà máy sản xuất lốp xe tải Radial toàn thép công suất 1.000.000 lốp/năm – Giai đoạn 1. Tổng giá trị đầu tư 1.638.923.088.162 đồng, được kiểm toán bởi Cty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS).

Completed the settlement for Phase 1 of the radial truck tire factory project, with capacity of 1.000.000 tires/ year. The total investment value: 1.638.923.088.162 dong, audited by AASCS.

Thực hiện dự án : “ Đầu tư chiều sâu, nâng cấp chất lượng và sản lượng lốp Radial bán thép công suất 500.000 lốp/năm” theo phê duyệt chấp thuận văn bản số 142/HCVN-HĐTV ngày 04/02/2016 của HĐQT Tập đoàn Hoá Chất Việt Nam. Thời gian thực hiện từ quý IV/2015 đến quý IV/2016 và đã có đơn hàng xuất bán trong quý I/2017.

Implement of project “Intensive investment, increasing the quality and production of radial tires, capacity of 500.000 tire/year in compliance with the approval document No. 142/HCVN-HĐTV dated 04 February 2016 from Vinachem’s BOD. Implementation period Q4/2015 to Q4/2016, with sales orders from Q1/017.

Dự án Liên doanh sản xuất than đen với Phillips Carbon Black (PCB) : hiện đang trích dự phòng đầu tư 2.748.587.024 đồng trong thời gian thoái vốn.

Joint venture with Phillips Carbon Black (PCB) for the production of coal: current allowance for provision of 2.748.587.024 dong while divesting.

Dự án Toà nhà văn phòng Công ty đang tiến hành thực hiện trong năm 2016.

The Company office project, to be implemented in 2016.

ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY

EVALUATION OFF THE COOPERATION BETWEEN THE BOD, THE BOM AND THE BOS

Trong năm 2016 đã có sự kết hợp chặt chẽ giữa HĐQT, Ban Điều Hành và Ban kiểm soát Công ty để thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2016.

In 2016, the BOD, the BOM and the BOS have worked together closely in the implementation of the 2016 AGM resolutions.

Ban kiểm soát theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, có kiến nghị đề xuất kịp thời đã được HĐQT, Ban Điều Hành Công ty nghiêm túc xem xét và chỉ đạo các bộ phận liên quan chỉnh sửa để hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ngày càng được hoàn thiện.

The BOS has closely monitored the business operations of the Company and thus, timely proposed solutions to the BOD and the BOM to improve the operations of the Company.

NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

REVIEWS AND PROPOSALS

NHẬN XÉT

REVIEW

Năm 2016 là một năm đầy khó khăn và thách thức đối với Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam : chịu nhiều sự biến đổi do tác động của nền kinh tế trong và ngoài nước không thuận lợi, cùng với sự cạnh tranh không lành mạnh của hàng nhập lậu Trung Quốc. Tuy nhiên với tâm huyết của HĐQT cùng Ban điều hành Công ty đã giữ vững hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, thực hiện hoàn thành đúng các nội dung Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên 2016.

2016 was a difficult and challenging year for Casumina: affected from difficulties of the domestic and global economy, unfair competition from Chinese smuggled products. However, with the determination of the BOD and the BOM, the Company has maintained production stability and business operations as well as completed the resolutions of the 2016 AGM.

Trong năm 2016, Ban kiểm soát không tìm thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường hay sai phạm nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Tất cả các hoạt động đều tuân thủ đúng Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

In 2016, the BOS didn’t find any abnormalities or irregularities in the business operations of the Company. All activities complied with the Law on Enterprises, the Law on Securities, internal rules and regulations and other governing laws.

Hệ thống kế toán, các chính sách kế toán áp dụng và việc trình bày BCTC 2016 của Công Ty là phù hợp với Chế độ kế toán ban hành của Bộ Tài Chính, các chính sách và phương pháp kế toán được Công ty áp dụng nhất quán.

The accounting system, accounting policies and presentation of the 2016 financial statements are in compliance with the Vietnamese Accounting System for enterprises issued by the Ministry of Finance and has been applied consistently.

KIẾN NGHỊ

PROPOSAL

- Tiếp tục tăng cường đối chiếu và thu hồi công nợ để giảm thiểu rủi ro.
- Thực hiện vay vốn hợp lý để dự trữ nguyên vật liệu cần thiết thích hợp theo từng thời điểm nhằm ổn định giá thành sản phẩm.
- Ổn định sản xuất – ổn định chất lượng sản phẩm, giảm tỷ lệ phế, kiểm soát tiết kiệm tiêu hao định mức chặt chẽ.
- Cải tiến mẫu mã sản phẩm đa dạng tinh xảo nhằm tăng sức cạnh tranh trên thị trường.
- Đẩy mạnh công tác bán hàng mở rộng thị trường trong và ngoài nước cùng với các chính sách khuyến mãi phù hợp.
- Continue to reconcile and collect debt to reduce business risks
- Obtain a reasonable amount of borrowings to appropriately stock raw materials at certain periods to stabilize costings.
- Stabilize production and quality to reduce defects, strictly control conversation rates.
- Improve and diversify models to increase competitiveness in the market.
- Improve sales in both domestic and international market with appropriated promotions.

KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2017 CỦA BAN KIỂM SOÁT

PLAN FOR 2017

Nhằm tạo điều kiện cho Hội đồng quản trị chủ động chọn lựa đơn vị kiểm toán độc lập với các tiêu chuẩn về tính chuyên nghiệp, chi phí hợp lý ... Ban Kiểm soát sau khi thống nhất với Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ vào năng lực, trình độ và đội ngũ kiểm toán viên của các Công ty kiểm toán độc lập, đạt tiêu chuẩn kiểm toán các Công ty niêm yết trên sàn giao dịch do của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận, Ban Kiểm soát xin được trình Đại hội cổ đông 4 Công ty Kiểm toán sau:

- Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS)
- Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC)
- Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA)
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Ban Kiểm soát vẫn tiến hành kiểm soát định kỳ hàng quý, thời gian cụ thể sẽ được thông báo tới Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các phòng ban chức năng chuẩn bị hồ sơ tài liệu trước ít nhất 05 (năm) ngày làm việc hoặc kiểm tra đột xuất. Ngoài ra nếu thấy có dấu hiệu vi phạm chế độ và điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát sẽ tiến hành làm việc kịp thời để có thông báo với Hội đồng quản trị và báo cáo với Đại hội đồng cổ đông.

- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2017.
- Xem xét tính hợp lý của các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành trong năm.
- Báo cáo quá trình quản lý Công ty của Hội đồng quản trị và điều hành của Ban Tổng giám đốc; quá trình hoạt động kiểm soát theo điều lệ của Công ty trước Đại hội đồng cổ đông thường niên.

In order to make it easier for the BOD to choose an independent auditor with reasonable cost and professional quality. The BOS, after consulting with the BOD recommends shareholders to authorize the BOD in choosing an independent auditor. Based on the qualifications, capabilities and audit staff of independent audit firms in the market approved by the State Securities Commission, the BOS recommends to the AGM the following 04 audit firms as below:

- Southern Auditing and Accounting Financial Consultancy Service., Ltd (AASCS)
- Auditing and Accounting Financial Consultancy Service., Ltd (AASC)
- Vietnam Auditing and Accounting (AVA)
- A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. (A&C)

The BOS still maintains quarterly inspection. The date and time of inspection will be announced at least 05 days in advance to the BOD, the CEO, and related departments to prepare documents. The BOS may also carry out spontaneous inspections. If suspecting of any problems, the BOS will timely report to the BOD and shareholders.

- Evaluate the 2017 financial statements.
- Evaluate the reasonability of internal documents issued by the Company during the year.
- Report on the BOD and the BOM's management of the Company and other supervising activities set on at the AGM pursuant to the Company's charter.

BAN KIỂM SOÁT TỰ ĐÁNH GIÁ

SELF EVALUATION OF THE BOARD OF SUPERVISORS

Với sự hỗ trợ và phối hợp tốt của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các phòng nghiệp vụ và tập thể người lao động trong Công ty, Ban Kiểm soát tự đánh giá đã hoàn thành nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ Công ty.

Along with the support of the BOD, the BOM and other departments of the Company, the BOS self-evaluated that BOS has accomplished the mission bestowed upon pursuant to the Company's charter.

Ban Kiểm soát xin cam kết trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và tập thể người lao động sẽ phấn đấu hơn nữa để đáp ứng yêu cầu kiểm soát Công ty trong thời gian tới.

The BOS commits to shareholders, the BOD, the BOM and employees of the Company to working harder in the future to fulfill the responsibilities bestowed upon.

The above is 2016 report of the BOS at the 2017 AGM.

Trên đây là báo cáo năm 2016 của Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.



7.0

BÁO CÁO VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

ENVIRONMENTAL AND SOCIAL REPORT

Quản lý nguồn nguyên vật liệu	7.1	Tiêu thụ năng lượng	7.2
<i>Material management</i>		<i>Energy consumption</i>	
Tuân thủ pháp lệnh về bảo vệ môi trường	7.1	Công tác cộng đồng và xã hội	7.2
<i>Regulations on environmental protection</i>		<i>Social and Community activities</i>	

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

MATERIAL MANAGEMENT

Với đặc thù là doanh nghiệp sản xuất săm lốp xe, Casumina sử dụng nguồn nguyên liệu chủ yếu là cao su các loại, than đen, vải màn và một số hóa chất khác. Điều này đòi hỏi Casumina phải thiết kế và có chính sách nghiêm ngặt về bảo quản, tồn trữ nguyên liệu thông qua hệ thống kho tàng và quy trình kiểm soát chặt chẽ (ISO 9001 – 2008 và ISO 14001 – 2004).

Casumina đã thiết lập hệ thống an toàn – phòng chống cháy nổ với đội ngũ được huấn luyện thường xuyên. Trong năm 2016, là đơn vị đăng cai tổ chức “diễn tập sự cố hóa chất và phòng chống cháy nổ” do Tập đoàn hóa chất Việt Nam chủ trì. Đây là điều kiện thuận lợi cho Công ty triển khai các giải pháp kiểm soát và hạn chế tối đa tổn thất khi sự cố xảy ra.

With the specific business of tube and tire production, Casumina mainly uses materials from natural sources, such as: rubber, coal, fabric and other chemicals. This requires Casumina to design and issue many strict policies in material preservation, inventory stockpiling via warehouse systems and control procedures. (ISO 9001 – 2008 and ISO 14001 – 2004).

Casumina has established a safety system – fire prevention with regularly trained and professional staff. In 2016, The Company sponsors the “Maneuver of the chemical incidents and fire prevention” event hosted by Vinachem. This is an advantage for the Company to implement the control policies and minimize damage when problems and incidents occur.



TÌNH HÌNH TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

ENERGY CONSUMPTION STATUS

Casumina sử dụng hai nguồn năng lượng chủ yếu là điện và hơi bão hòa (cung cấp từ lò hơi sử dụng nhiên liệu là mùn cưa).

Sản lượng điện sử dụng toàn công ty là 52.300 kwh, giảm 5% so với năm 2015. Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp tiết kiệm điện như: sử dụng các thiết bị điện tiên tiến, phân vùng nguồn điện cho từng khu vực sản xuất nhỏ, giảm thiểu thời gian ngừng máy hoặc chạy không tải...

Việc chuyển đổi từ sử dụng dầu đốt FO sang sử dụng nguyên liệu đốt mùn cưa đối với hệ thống động lực cung cấp hơi bão hòa đã giúp công ty giảm chi phí sản xuất và giảm thiểu tác động đến môi trường.

Casumina uses two main energy sources: electricity and saturated steam (provided from wood pellet boilers which use sawdust as fuel)

The electricity consumption of the whole company is 52.300 kwh, reduced by 5% in comparison with 2015. The Company has processed many saving solutions, such as: using modern equipment, electricity partition for each production area, reducing machines' shutdown time, etc.

Changing the source of fuel from FO to sawdust for the saturated steam propulsion system helps the Company to reduce production cost and lowers effects on the environment.



TUÂN THỦ QUY ĐỊNH VỀ MÔI TRƯỜNG

REGULATIONS ON ENVIRONMENTAL PROTECTION

Casumina luôn tuân theo các quy định của pháp luật nhà nước Việt Nam về môi trường.

Thông qua các đợt kiểm tra định kỳ của cơ quan chức năng quản lý về môi trường đối với các chỉ tiêu về nước thải, khí thải tại các Xí nghiệp thành viên đều đạt ở mức cho phép.

Đối với chất thải sinh hoạt, công nghiệp và nguy hại được phân loại tại nơi phát sinh, ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng, thu gom vận chuyển và xử lý theo qui định của pháp luật.

Các nguyên liệu đặt thù ngành cao su có thể tận dụng: Vải mảnh cán tráng, Cao su phế liệu được Công ty gom, tập trung tại Xí nghiệp cao su Bình Dương, xay nghiền nhỏ làm nguyên liệu để sản xuất các sản phẩm như: lốp xe công nghiệp, lốp xe năng, khe co dãn, đệm cầu cảng...

Ngoài ra, Casumina là một thành viên tích cực trong hội đồng trách nhiệm Xã hội các Doanh nghiệp Hóa chất Việt Nam (VRCC).

Casumina always complies with the governing laws.

Through regular examinations of environmental management agencies, the targets and goals in emission and wastewater of member factories are always at acceptable level.

The domestic sewage, industrial sewage, and storm sewage is directly sorted at sources. The Company also signed with related agencies to collect, transfer and treat the waste in compliance with the government regulations.

Specific materials which can be recycled: coated webbing and scrap rubber, etc. is collected by the Company and crushed into small pieces to reproduce materials for other products, such as: industrial tire, forklift tire, expansion joint, bridge berth, etc.

In addition, Casumina is an active member in the Vietnam Responsible Care Council of the Chemical Society of Vietnam.



HƯỚNG ĐẾN CỘNG ĐỒNG

SOCIAL AND COMMUNITY ACTIVITIES

Hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động xã hội là hai hoạt động không thể tách rời trong quá trình phát triển bền vững của một doanh nghiệp. Thông qua tuân thủ các chuẩn mực về luật pháp, bảo vệ môi trường, đảm bảo quyền lợi của người lao động và phát triển cộng đồng. Đây là một nội dung quan trọng đang được triển khai thực hiện tốt tại Casumina.

Với sứ mệnh cống hiến cho xã hội sự an toàn, hạnh phúc hiệu quả và thân thiện. Casumina đang ngày một hoàn thiện hơn trước mục tiêu phát triển bền vững của công ty và cộng đồng.

Hoạt động công tác xã hội hướng đến cộng đồng trong năm 2016 của casumina bao gồm: Tham gia phong trào đi xe đạp vì môi trường, chăm lo cho các gia đình chính sách, hỗ trợ các trung tâm nuôi dưỡng người già và trẻ em khuyết tật, tham gia cuộc vận động của hội chữ thập đỏ, hỗ trợ các gia đình trong đợt lũ lụt vừa qua...

Business operations and social activities go hand-in-hand and both play an integral part of the Company's sustainable development. This should be in compliance with legal requirements, environmental protection, labor welfare and community development. At the very moment, Casumina has carried out and implemented these activities very well.

Casumina's mission is devoting society's safety, effectiveness, happiness and friendliness. Casumina is continuously improving to reach the target of sustainable development of the Company and community.

Casumina has many social activities in 2016, including participation in the movement of "biking for environment", the movement of caring for families under preferential treatment policy, supported many disabled children and elder care center, participation in the Red Cross, supported families in the last flood, etc.



8.0

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2016

FINANCIAL STATEMENTS 2016

7.1 Báo cáo của
Ban Tổng
Giám Đốc

*Report of
the Board of
Management*

7.2 Báo cáo của
kiểm toán

*Independent
Auditor's
Report*

7.3 Báo cáo
tài chính đã
được kiểm toán

*Audited Financial
Statement*

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

FINANCIAL STATEMENTS

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

REPORT OF BOARD OF MANAGEMENT

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2016, kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP:

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam được chuyển từ Công ty Công nghiệp Cao su Miền Nam theo quyết định số 3240/QĐ-BCN ngày 10 tháng 10 năm 2005 của Bộ Công Nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 0300419930 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01 tháng 3 năm 2006, và thay đổi lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 25 tháng 08 năm 2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 1.036.264.670.000 VND.

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2016 là 1.036.264.670.000 VND, tương đương 103.626.467 cổ phần (mệnh giá 10.000 VND/cổ phần). Trong đó:

- Cổ phần Nhà nước là: 52.855.849 cổ phần, chiếm 51% vốn Điều lệ.
- Cổ phần bán cho các đối tượng khác là: 50.770.618 cổ phần, chiếm 49% vốn Điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty tại 180 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 3, TP HCM.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại, dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất và mua bán sản phẩm cao su công nghiệp, cao su tiêu dùng.
- Mua bán sản phẩm cao su công nghiệp, cao su tiêu dùng. Mua bán nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thiết bị ngành công nghiệp cao su.
- Kinh doanh bất động sản.

The Board of Management of the Southern Rubber Industry Joint Stock Company ("the Company") is pleased to present its report and the financial statements of the Company for the year ended 31 December 2016.

REPORTING ENTITY

Ownership structure: The Southern Rubber Industry Joint Stock Company originated from The Southern Rubber Industry Company pursuant to Decision 3240/QĐ-BCN issued by the Ministry of Industry on 10 October 2005 with Business Registration Certificate No. 0300419930 first issued by the Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment on 01 March 2006 and subsequently received the 12th amended Business Registration Certificate on 25 August 2016.

Charter capital in accordance with the Business Registration Certificate is 1.036.264.670.000 VND.

Charter capital as of 31 December 2016 is 1.036.264.670.000 VND, equivalent to 103.626.467 shares (par value 10.000 VND/share). Of which:

- Held by the State: 52.855.849 shares, accounting for 51% of charter capital.
- Held by others: 50.770.618 shares, accounting for 49% of charter capital.

The Company is headquartered at 180 Nguyen Thi Minh Khai, District 3, Ho Chi Minh City.

Business fields: Manufacturing, trading, service

Business lines:

- Sản xuất và mua bán sản phẩm cao su công nghiệp, cao su iProducing and trading industrial and commercial rubber products.
- Trading raw materials, chemical substances (excluding hazardous chemical substances) and equipment used in the rubber industry.
- Real estate.

Mô hình hoạt động của doanh nghiệp

Danh sách các đơn vị trực thuộc

- Xí nghiệp Cao su Đồng Nai
- Xí nghiệp Cao su Hóc Môn
- Xí nghiệp Cao su Bình Lợi
- Xí nghiệp Cao su Bình Dương
- Xí nghiệp Lốp Radian

Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2016 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Họ và Tên Name	Vị trí Position	Bổ nhiệm Appointed	Từ nhiệm Resigned
Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm: Member of the Board of Directors are as follows:			
• Ông Nguyễn Xuân Bắc	Chủ tịch / Chairman	4/26/2016	
• Ông Phạm Hồng Phú	Thành viên / Member		
• Ông Trần Văn Trí	Thành viên / Member		4/26/2016
• Ông Nguyễn Minh Thiện	Thành viên / Member		
• Ông Nguyễn Ngọc Phương	Thành viên / Member		
• Ông Phạm Văn Thọ	Thành viên / Member		
Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm: Members of the Board of Management are as follows:			
• Ông Phạm Hồng Phú	Tổng Giám đốc điều hành / General Director		
• Ông Nguyễn Song Thao	Phó Tổng Giám đốc / Deputy General Director		
• Ông Nguyễn Đình Đông	Phó Tổng Giám đốc / Deputy General Director		
• Ông Nguyễn Minh Thiện	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng / Deputy General Director cum. Chief Accountant		
Các thành viên Ban Kiểm soát Members of the Board of Supervisors are as follows:			
• Bà Lê Thị Hoàng	Trưởng Ban Kiểm soát / Head of the Supervisory Board		4/26/2016
• Bà Đào Thị Chung Tiến	Trưởng Ban Kiểm soát / Head of the Supervisory Board	4/26/2016	
• Bà Lê Thị Thu Thúy	Thành viên BKS / Member		
• Bà Vũ Thị Bích Ngọc	Thành viên BKS / Member		

Organization structure

List of members:

- Dong Nai Rubber Plant
- Hoc Mon Rubber Plant
- Binh Loi Rubber Plant
- Binh Duong Rubber Plant
- Radial Tire Plant

Operating results:

The operating results of the Company as at 31 December 2016 are conveyed in the accompanying financial statements

POST BALANCE SHEET EVENTS:

There are no significant post balance sheet events that need to be adjusted or disclosed in the financial statements.

BOARD OF MANAGEMENT AND BOARD OF DIRECTORS:

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2016 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty.

TP. HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2017
Ho Chi Minh City, 20 January 2017

Thay mặt HĐQT
On behalf of the BOD

Chủ tịch
Chairman



Nguyễn Xuân Bắc

AUDITOR

The auditor of the Company is AASC.

STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT'S RESPONSIBILITY IN RESPECT OF THE FINANCIAL STATEMENTS

The Board of Management is responsible for the financial statements which give a true and fair view of the financial position of the Company as at 31 December 2016 and of the results of operations and cash flows for the year then ended. In preparing these financial statements, the Board of Management is required to:

- Select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- Make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- Confirm that applicable accounting standards have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the financial statements, and
- Prepare the financial statements on a going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue in business.

The Board of Management is responsible for ensuring that proper accounting records are maintained, which disclose, with reasonable accuracy at any time, the financial position of the Company and ensures these financial statements are prepared in compliance with relevant statutory requirements applicable. The Board of Management is also responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

The Board of Management confirms the accompanying financial statements give a true and fair view of the financial position of the Company as at 31 December 2016, and of the results of operations and cash flows for the year then ended is in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and relevant statutory requirements.

APPROVAL OF THE FINANCIAL STATEMENTS:

The Board of Directors of the Southern Rubber Industry Joint Stock Company hereby approve the financial statements for the year 31 December 2016.

Thay mặt Ban TGD
On behalf of the BOM

Giám Đốc
Director



Phạm Hồng Phú

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT

Kính gửi:

Cổ đông Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công Ty Cổ phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam, được lập ngày 20 tháng 01 năm 2017 từ trang 04 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và

To:

The Shareholders of the Southern Rubber Industry Joint Stock Company

the Board of Directors of the Southern Rubber Industry Joint Stock Company

the Board of Management of the Southern Rubber Industry Joint Stock Company

We have audited the accompanying consolidated financial statements of the Southern Rubber Industry Joint Stock Company ("the Company"), which comprises of the balance sheet as at 31 December 2016, the statements of income and cash flows for the year then ended and the explanatory notes thereto which were authorized for issue by the Company's Board of Directors on 20 January 2017.

MANAGEMENT'S RESPONSIBILITY

The Company's Board of Management is responsible for the preparation and fair presentation of these financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting, and for such internal control as the Board of Management determines necessary to enable the preparation of consolidated financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

AUDITOR'S RESPONSIBILITY

Our responsibility is to express an opinion on these financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the consolidated financial statements are free of material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the financial statements. The procedures selected depend on the auditor's judgement, including the assessment of the risks of material misstatement of the financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the entity's preparation and fair presentation of the financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the entity's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of

tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Phó Tổng Giám đốc



LÊ KIM NGỌC

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0181-2013-142-1

Kiểm toán viên



TẠ QUANG TẠO

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0055-2013-142-1

accounting estimates made by management, as well as evaluating the overall presentation of the financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

AUDITOR'S OPINION

In our opinion, the financial statements give a true and fair view, in all material respects, of the financial position of the Southern Rubber Industry Joint Stock Company as at 31 December 2016 and of their results of operations and their cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting.

Southern Auditing And Accounting Financial Consulting Services Company Limited (AASCS)

LE KIM NGOC



Deputy General Director

Practicing Auditor Registration Certificate No. 0181-2013-142-1

Auditor



TẠ QUANG TẠO

Practicing Auditor Registration Certificate No. 0055-2013-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

BALANCE SHEET

Chỉ tiêu Index	Mã số Code	Thuyết minh Note	Số cuối năm 31/12/2016	Số đầu năm 1/1/2016
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A TÀI SẢN NGẮN HẠN SHORT TERM ASSETS	100		1,666,092,013,477	1,541,691,940,462
I Tiền và các khoản tương đương tiền Cash and cash equivalents	110	1	30,960,218,219	123,751,498,741
1 Tiền Cash	111		30,960,218,219	63,751,498,741
2 Các khoản tương đương tiền Cash equivalents	112		-	60,000,000,000
II Đầu tư tài chính ngắn hạn Short-term financial investments	120		-	-
1 Chứng khoán kinh doanh Trading securities	121		-	-
2 Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) Allowance for decline in value of trading securities (*)	122		-	-
3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn Held-to-maturity investments	123		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn Accounts receivable - short-term	130		629,611,834,878	539,405,537,483
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng Accounts receivable from customers	131	2	560,230,709,401	467,974,059,169
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn Prepayments to suppliers	132	3	45,651,091,953	48,320,537,023
3 Phải thu nội bộ ngắn hạn Intra-company receivables	133		-	-
4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng Receivables on construction contracts	134		-	-
5 Phải thu về cho vay ngắn hạn Short-term loans receivable	135		-	-
6 Phải thu ngắn hạn khác Other receivables	136	4	30,899,004,796	37,259,671,652
7 Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*) Allowance for doubtful debts (*)	137	5	(7,168,971,272)	(14,148,730,361)
8 Tài sản thiếu chờ xử lý Shortage of assets awaiting resolution	139		-	-
IV Hàng tồn kho Inventories	140		982,372,106,419	875,709,216,643
1 Hàng tồn kho Inventories	141	6	982,372,106,419	875,709,216,643
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) Allowance for inventories (*)	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác Other short-term assets	150		23,147,853,961	2,825,687,595
1 Chi phí trả trước ngắn hạn Short-term prepaid expenses	151	7	1,507,872,127	1,283,136,989
2 Thuế GTGT được khấu trừ Deductible value added tax	152	8	21,415,786,984	1,256,560,043
3 Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước Taxes and other receivables from State	153	9	224,194,850	285,990,563
4 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ Government bonds under purchase and resale agreements	154		-	-

Chi tiêu Index	Mã số Code	Thuyết minh Note	Số cuối năm 31/12/2016	Số đầu năm 1/1/2016
5	Tài sản ngắn hạn khác <i>Other short-term assets</i>	155	-	
B	TÀI SẢN DÀI HẠN LONG-TERM ASSETS	200	1,709,361,471,094	1,603,392,674,310
I	Các khoản phải thu dài hạn <i>Accounts receivable – long-term</i>	210	2,402,502,000	2,643,459,000
1	Phải thu dài hạn của khách hàng <i>Accounts receivable from customers</i>	211	-	-
2	Trả trước cho người bán dài hạn <i>Prepayments to suppliers</i>	212		
3	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc <i>Working capital provided to sub-units</i>	213		-
4	Phải thu nội bộ dài hạn <i>Intra-company receivables</i>	214	-	-
5	Phải thu về cho vay dài hạn <i>Long-term loans receivable</i>	215		
6	Phải thu dài hạn khác <i>Other long-term receivables</i>	216	10	2,643,459,000
7	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) <i>Allowance for doubtful long-term debts (*)</i>	219	-	-
II	Tài sản cố định <i>Fixed assets</i>	220	1,507,242,201,993	1,492,112,721,862
1	Tài sản cố định hữu hình <i>Tangible fixed assets</i>	221	11	1,389,084,755,033
	• Nguyên giá • <i>Cost</i>	222	2,458,563,859,985	2,269,784,782,505
	• Giá trị hao mòn lũy kế (*) • <i>Accumulated depreciation (*)</i>	223	(1,069,479,104,952)	(886,493,810,869)
2	Tài sản cố định thuê tài chính <i>Finance lease fixed assets</i>	224	12	20,188,680,596
	• Nguyên giá • <i>Cost</i>	225	23,091,114,059	19,006,028,705
	• Giá trị hao mòn lũy kế (*) • <i>Accumulated depreciation (*)</i>	226	(2,902,433,463)	(10,385,993,249)
3	Tài sản cố định vô hình <i>Intangible fixed assets</i>	227	13	97,968,766,364
	• Nguyên giá • <i>Cost</i>	228	112,554,689,716	112,554,689,716
	• Giá trị hao mòn lũy kế (*) • <i>Accumulated depreciation (*)</i>	229	(14,585,923,352)	(12,352,974,946)
III	Bất động sản đầu tư <i>Investment properties</i>	230	-	-
	• Nguyên giá • <i>Cost</i>	231	-	-
	• Giá trị hao mòn lũy kế (*) • <i>Accumulated depreciation (*)</i>	232	-	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn <i>Long-term work in progress</i>	240	172,614,355,035	87,915,702,705
1	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn <i>Long-term work in progress</i>	241		
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang <i>Long-term construction in progress</i>	242	14	172,614,355,035

Chi tiêu Index	Mã số Code	Thuyết minh Note	Số cuối năm 31/12/2016	Số đầu năm 1/1/2016
V	Đầu tư tài chính dài hạn <i>Long-term financial investments</i>	250	15	6,901,758,791
1	Đầu tư vào công ty con <i>Investments in subsidiaries</i>	251	-	
2	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết <i>Investments in associates, joint-ventures</i>	252	9,650,345,815	9,650,345,815
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác <i>Equity investments in other entities</i>	253	-	
4	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*) <i>Allowance for decline in value of long-term financial investments (*)</i>	254	(2,748,587,024)	-
5	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn <i>Held-to-maturity investments</i>	255		
VI	Tài sản dài hạn khác <i>Other long-term assets</i>	260	20,200,653,275	11,070,444,928
1	Chi phí trả trước dài hạn <i>Long-term prepaid expenses</i>	261	16	20,200,653,275
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại <i>Deferred tax assets</i>	262	-	32,585,043
3	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn <i>Long-term tools, supplies and spare parts</i>	263	-	-
4	Tài sản dài hạn khác <i>Other long-term assets</i>	268		
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) TOTAL ASSETS (270 = 100 + 200)	270	3,375,453,484,571	3,145,084,614,772
C	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) LIABILITIES (300 = 310 + 330)	300	2,041,619,065,879	1,796,787,367,685
I	Nợ ngắn hạn <i>Short-term liabilities</i>	310	1,296,476,223,917	965,185,150,854
1	Phải trả người bán ngắn hạn <i>Short-term accounts payable to suppliers</i>	311	17	167,831,995,968
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn <i>Short-term advances from customers</i>	312	18	6,978,897,317
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước <i>Taxes payable to State Treasury</i>	313	19	24,249,535,051
4	Phải trả người lao động <i>Payable to employees</i>	314	20	72,919,981,835
5	Chi phí phải trả ngắn hạn <i>Short-term accrued expenses</i>	315	21	56,367,500,790
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn <i>Short-term intra-company payables</i>	316	-	
7	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng <i>Payables on construction contracts according to stages of completion</i>	317	-	
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn <i>Short-term unearned revenue</i>	318	-	
9	Phải trả ngắn hạn khác <i>Other short-term payables</i>	319	22	44,642,165,083
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn <i>Short-term borrowings and finance lease liabilities</i>	320	23	885,503,185,035
11	Dự phòng phải trả ngắn hạn <i>Short-term provisions</i>	321	-	-

Chi tiêu Index	Mã số Code	Thuyết minh Note	Số cuối năm 31/12/2016	Số đầu năm 1/1/2016
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi Bonus and welfare funds	322	24	37,982,962,838	36,037,461,151
13 Quỹ bình ổn giá Price stabilization fund	323		-	
14 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ Government bonds under sale and repurchase agreements	324		-	
II Nợ dài hạn Long-term liabilities	330		745,142,841,962	831,602,216,831
1 Phải trả người bán dài hạn Long-term accounts payable to suppliers	331		-	-
2 Người mua trả tiền trước dài hạn Long-term advances from customers	322		-	-
3 Chi phí phải trả dài hạn Long-term accrued expenses	333		-	-
4 Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh Intra-company payables for operating capital received	334		-	-
5 Phải trả nội bộ dài hạn Long-term intra-company payables	335		-	-
6 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn Long-term unearned revenue	336		-	-
7 Phải trả dài hạn khác Other long-term payables	337	25	14,500,000,000	14,000,000,000
8 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn Long-term borrowings and finance lease liabilities	338	26	730,160,429,250	764,517,216,831
9 Trái phiếu chuyển đổi Convertible bonds	339		-	-
10 Cổ phiếu ưu đãi Preference shares	340		-	-
11 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả Deferred tax liabilities	341	27	482,412,712	-
12 Dự phòng phải trả dài hạn Long-term provisions	342		-	-
13 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Science and technology development fund	343		-	53,085,000,000
D VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430) EQUITY (400 = 410 + 430)	400		1,333,834,418,692	1,348,297,247,087
I Vốn chủ sở hữu Owners' Equity	410	28	1,333,834,418,692	1,348,297,247,087
1 Vốn góp của chủ sở hữu Share capital	411		1,036,264,670,000	740,204,960,000
• Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết • Ordinary shares with voting rights	411a		1,036,264,670,000	740,204,960,000
• Cổ phiếu ưu đãi • Preference shares	411b		-	-
2 Thặng dư vốn cổ phần Capital surplus	412		-	-
3 Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu Options to convert bonds into shares	413		-	-
4 Vốn khác của chủ sở hữu Other capital	414		-	-
5 Cổ phiếu quỹ (*) Treasury shares (*)	415		(12,050,000)	(12,050,000)

Chi tiêu Index	Mã số Code	Thuyết minh Note	Số cuối năm 31/12/2016	Số đầu năm 1/1/2016
6 Chênh lệch đánh giá lại tài sản Differences upon asset revaluation	416		-	-
7 Chênh lệch tỷ giá hối đoái Foreign exchange differences	417		-	-
8 Quỹ đầu tư phát triển Investment and development fund	418		104,272,591,724	298,858,024,977
9 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Enterprise reorganization assistance fund	419		-	-
10 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu Other equity funds	420		-	-
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Retained profits	421		193,309,206,968	309,246,312,110
• LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước • Retained profits brought forward	421a		36,039,332,963	130,348,743,619
• LNST chưa phân phối kỳ này • Retained profit for the current year	421b		157,269,874,005	178,897,568,491
12 Nguồn vốn đầu tư XDCB Capital expenditure fund	422		-	-
II Nguồn kinh phí và quỹ khác Non-business expenditure fund and other funds	430		-	-
1 Nguồn kinh phí Non-business expenditure fund	431		-	-
2 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ Non-business expenditure fund invested in fixed assets	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) TOTAL RESOURCES (440 = 300 + 400)	440		3,375,453,484,571	3,145,084,614,772

TP. HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2017
Ho Chi Minh City, 20 January 2017

Người lập biểu
Issued by



Nguyễn Thế Vinh

Kế toán trưởng
Chief Accountant



Nguyễn Minh Thiện

Tổng Giám Đốc
General Director



Phạm Hồng Phú

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STATEMENT OF INCOME

Chi tiêu Index	Mã số Code	Thuyết minh Note	Năm 2016 Year 2016	Năm 2015 Year 2015
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Revenue from sales of goods and provision of services	01	1	3,324,238,833,893	3,660,161,976,263
2 Các khoản giảm trừ doanh thu Revenue deductions	02	2	37,473,027,749	23,995,230,615
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02) Net revenue from sales of goods and provisions of services (10 = 01 - 02)	10		3,286,765,806,144	3,636,166,745,648
4 Giá vốn hàng bán Cost of sales	11	3	2,606,279,720,043	2,829,777,633,725
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20= 10-11) Gross profit from sale of goods and provision of services (20 = 10 - 11)	20		680,486,086,101	806,389,111,923
6 Doanh thu hoạt động tài chính Financial income	21	4	13,906,381,145	11,964,631,309
7 Chi phí tài chính Financial expenses	22	5	86,561,438,778	118,151,559,183
• Trong đó: chi phí lãi vay • In which: Interest expense	23		60,039,651,095	67,229,006,276
8 Chi phí bán hàng Selling expenses	25	6	150,189,656,317	151,556,520,228
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp General and administration expenses	26	7	123,155,138,721	195,904,189,397
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30= 20+(21-22)-(25+26)) Net operating profit (30 = 20 + (21-22) - (24+25))	30		334,486,233,430	352,741,474,424
11 Thu nhập khác Other income	31	8	8,400,515,548	19,172,140,005
12 Chi phí khác Other expenses	32	9	11,437,958,670	424,992,000
13 Lợi nhuận khác (40= 31-32) Results of other activities (40 = 31 - 32)	40		(3,037,443,122)	18,747,148,005
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30+40) Accounting profit before tax (50= 30+40)	50		331,448,790,308	371,488,622,429
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành Income tax expense - current	51	10	70,038,656,548	81,760,081,978
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại Income tax (benefit)/expense - deferred	52	11	514,997,755	(197,964,540)
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60= 50-51-52) Net profit after tax (60= 50-51-52)	60		260,895,136,005	289,926,504,991
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu Basic earnings per share	70	12	2,993	4,170
19 Lãi suy giảm trên cổ phiếu Diluted earnings per share	71		-	-

TP. HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2017
Ho Chi Minh City, 20 January 2017

Người lập biểu
Issued by

Kế toán trưởng
Chief Accountant

Tổng Giám Đốc
General Director

Nguyễn Thế Vinh

Nguyễn Minh Thiện

Phạm Hồng Phu

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

STATEMENT OF CASHFLOWS (INDIRECT METHOD)

Chi tiêu Index	Mã số Code	Thuyết Minh Note	Năm 2016 Year 2016	Năm 2015 Year 2015
1	2	3	4	5
1 LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES				
1 Lợi nhuận trước thuế Profit before tax	1		331,448,790,308	371,488,622,429
2 Điều chỉnh cho các khoản Adjustments for				
• Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT • Depreciation and amortisation	2		177,734,682,703	183,208,490,838
• Các khoản dự phòng • Allowances and provisions	3		(4,231,172,065)	222,831,918
• Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ • Exchange losses/(gains) arising from revaluation of monetary items denominated in foreign currencies	4		11,216,040,644	603,091,018
• Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư • Losses/(gains) from other investing activities	5		(19,894,833,132)	(31,043,589,496)
• Chi phí lãi vay • Interest expense	6		60,039,651,095	67,229,006,276
• Các khoản điều chỉnh khác • Other adjustments	7		(51,131,000,000)	
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động Operating profit before changes in working capital	8		505,182,159,553	591,708,452,983
• Tăng, giảm các khoản phải thu • Change in receivables	9		(95,237,095,565)	(20,464,260,873)
• Tăng, giảm hàng tồn kho • Change in inventories	10		(106,662,889,776)	197,996,607,064
• Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) • Change in payables and other liabilities	11		47,809,647,265	(154,406,277,407)
• Tăng, giảm chi phí trả trước • Change in prepaid expenses	12		(9,387,528,528)	(3,454,363,222)
• Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh • Change in trading securities	13		-	-
• Tiền lãi vay đã trả • Interest paid	14		(52,981,091,212)	(58,765,882,522)
• Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp • Income tax paid	15		(81,437,258,083)	(75,186,410,808)
• Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh • Other receipts for operating activities	16		8,400,515,548	18,985,776,369
• Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh • Other payments for operating activities	17		(319,762,328,713)	(23,739,574,630)
• Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh • Net cash flows from operating activities	20		(104,075,869,511)	472,674,066,954

Chỉ tiêu Index	Mã số Code	Thuyết Minh Note	Năm 2016 Year 2016	Năm 2015 Year 2015
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES				
1	21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác Payments for additions to fixed assets	(277,562,815,164)	(143,266,856,347)
2	22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác Collections on disposals of fixed assets	(5,456,268,948)	135,813,737,237
3	23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác Payments for purchase of debt instruments of other entities	-	-
4	24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác Proceeds from sales of debt instruments of other entities	-	18,920,000,000
5	25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác Payments for investments in other entities	-	-
6	26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác Collections on investments in other	-	-
7	27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia Receipts of interest and dividends	11,494,317,584	11,964,631,309
	30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư Net cash flows from investing activities	(271,524,766,528)	23,431,512,199
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES				
1	31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu Proceeds from capital contribution	296,059,710,000	-
2	32	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành Payments for shares repurchases	-	-
3	33	Tiền thu từ đi vay Proceeds from borrowings	2,204,145,403,019	1,642,062,842,132
4	34	Tiền trả nợ gốc vay Payments to settle loan principals	(1,958,740,419,739)	(1,769,896,181,018)
5	35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính Payments to settle financial lease	(7,612,457,737)	(6,338,515,057)
6	36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu Payments of dividends	(251,099,834,040)	(278,493,498,925)
	40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính Net cash flows from financing activities	282,752,401,503	(412,665,352,868)
	50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40) Net cash flows during the year (50 = 20 + 30 + 40)	(92,848,234,536)	83,440,226,285
	60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ Cash and cash equivalents at the beginning of the year	123,751,498,741	40,414,068,300
	61	Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ Effect of exchange rate fluctuations on cash and cash equivalents	56,954,014	(102,795,844)
	70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) Cash and cash equivalents at the end of the year (70 = 50 + 60 + 61)	30,960,218,219	123,751,498,741

TP. HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2017
Ho Chi Minh City, 20 January 2017

Người lập biểu
Issued by



Nguyễn Thế Vinh

Kế toán trưởng
Chief Accountant



Nguyễn Minh Thiện

Tổng Giám Đốc
General Director



Phạm Hồng Phú

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam được chuyển từ Công ty Công nghiệp Cao su Miền Nam theo quyết định số 3240/QĐ-BCN ngày 10 tháng 10 năm 2005 của Bộ Công nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300419930 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01 tháng 3 năm 2006, và thay đổi lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 25 tháng 08 năm 2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 1.036.264.670.000 VND.

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2016 là 1.036.264.670.000 VND, tương đương 103.626.467 cổ phần (mệnh giá 10.000 VND/cổ phần). Trong đó:

- Cổ phần Nhà nước là: 52.855.849 cổ phần, chiếm 51% vốn Điều lệ.
- Cổ phần bán cho các đối tượng khác là: 50.770.618 cổ phần, chiếm 49% vốn Điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty tại 180 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 3, TP HCM.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại, dịch vụ

Nghành nghề kinh doanh:

- Sản xuất và mua bán sản phẩm cao su công nghiệp, cao su tiêu dùng.
- Mua bán sản phẩm cao su công nghiệp, cao su tiêu dùng. Mua bán nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thiết bị ngành công nghiệp cao su
- Kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng tới Báo cáo tài chính: không ảnh hưởng.

Tổng số lao động: 2.413 người

Trong đó:

- Lao động gián tiếp: 1.119 người

- lao động trực tiếp: 1.294 người.

CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng.

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính; Thông tư 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung điều 128 Thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán nhật ký chung

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

Nguyên tắc xác định các khoản tiền:

Các khoản được xác định là tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn (dưới 03 tháng), tiền đang chuyển... Hiện có của doanh nghiệp tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo tài chính.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm phát sinh được hạch toán theo tỷ giá thực tế phát sinh của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản hoặc tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở nhiều tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như : Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Các khoản đầu tư được coi như "tương đương tiền" là khoản đầu tư không có nhiều rủi ro, dễ chuyển hóa thành tiền và có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

Khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.

Khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Chứng khoán kinh doanh: Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi... với mục đích kinh doanh (chờ tăng giá bán kiếm lời).

Kế toán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh, liên kết không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh, liên kết. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh, liên kết phát sinh sau khi góp vốn liên doanh, liên kết.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh.
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Dự phòng đầu tư tài chính: Là dự phòng phần tổn thất do giảm giá chứng khoán doanh nghiệp đang nắm giữ có thể xảy ra, hoặc dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác do doanh nghiệp đầu tư vào doanh nghiệp khác bị lỗ.

Dự phòng đầu tư chứng khoán: Là các loại chứng khoán do doanh nghiệp nắm giữ một cách hợp pháp, được tự do chuyển đổi trên thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính, có sự giảm giá; Mức trích lập là giá trị ghi sổ với giá trị thuần có thể thực hiện được; Doanh nghiệp trích lập dự phòng cho từng loại chứng khoán, thông thường là thời điểm cuối năm tài chính, trường hợp lập báo cáo tài chính giữa niên độ có sự biến động lớn về dự phòng thì có thể trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng về đầu tư chứng khoán tại ngày lập BCTC giữa niên độ.

Dự phòng đầu tư dài hạn: Là khoản dự phòng do tổn thất đầu tư vào đơn vị khác do đơn vị được đầu tư bị lỗ và nhà đầu tư có khả năng bị mất vốn từ khoản đầu tư này; Mức trích lập là giá trị khoản lỗ trên kết quả kinh của đơn vị nhận đầu tư tương đương với tỷ lệ vốn góp của nhà đầu tư tại thời điểm lập BCTC.

NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Cuối kỳ kế toán các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế của ngân hàng giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

NGUYÊN TẮC GHI NHẬN HÀNG TỒN KHO

Nguyên tắc ghi nhận: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho không bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang vượt quá một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường mà nó sẽ được trình bày ở khoản mục " Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn".

Phương tính giá trị hàng tồn kho:

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng; Không lập dự phòng cho khoản mục chi phí SXKD dở dang và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn.

NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH, THUÊ TÀI CHÍNH, BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài Chính, ngày 25/04/2013 và được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc từ 5 đến 50 năm
- Máy móc, thiết bị từ 3 đến 20 năm
- Phương tiện vận tải từ 6 đến 10 năm
- Thiết bị văn phòng từ 3 đến 10 năm
- Tài sản vô hình và các tài sản khác tùy thời gian được sử dụng.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tổn thất do giảm giá trị.

NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ VỐN HOÁ CÁC KHOẢN CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ PHÂN BỐ CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí trả trước có giá trị lớn cần được phân bổ dần trong nhiều quý nhưng không quá 01 năm tài chính hoặc không quá một chu kỳ sản xuất thông thường được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn, còn các khoản chi phí trả trước trên 12 tháng hoặc trên một chu kỳ sản xuất thông thường được trình bày là chi phí trả trước dài hạn. Việc phân bổ phải chọn phương thức hợp lý và nhất quán.

NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

GHI NHẬN CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ:

Cao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế của ngân hàng giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ

chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung

cấp dịch vụ đó.

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính.

Chi phí cho vay và đi vay vốn.

Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH, CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	Nguyên tệ	Số cuối năm	Nguyên tệ	Số đầu năm
1.	Tiền		30,960,218,219		63,751,498,741
	Tiền mặt (TK 111)		1,359,803,518		1,510,859,198
	• Văn phòng TP.HCM		864,063,164		378,245,298
	• Xí nghiệp Đồng Nai		44,296,437		139,621,132
	• Xí nghiệp Hóc Môn		54,647,301		419,873,178
	• Xí nghiệp Bình Lợi		65,356,177		60,258,156
	• Xí nghiệp Bình Dương		139,826,227		469,191,917
	• Xí nghiệp Lớp Radial		191,614,212		43,669,517
	Tiền gửi ngân hàng (TK 112)		29,600,414,701		62,240,639,543
	• Tiền gửi VND		25,135,518,458		50,009,235,851
	• Văn phòng TP.HCM		23,359,502,045		48,712,584,206
	Trong đó:				
	• Ngân hàng Công Thương - Sở Giao dịch II		866,465,929		900,783,755
	• Ngân hàng Ngoại Thương - VND		20,527,235,498		21,370,287,256
	• Ngân hàng BIDV - CN Bến Nghé		731,533,750		24,780,922,625
	Xí nghiệp Đồng Nai		524,061,196		260,621,861
	• Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Khu Công Nghiệp Biên Hòa		466,924,273		111,222,266
	• Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Biên Hòa, Đồng Nai		49,721,460		33,149,500
	• Ngân hàng Đông Á - CN Đồng Nai		7,415,463		116,250,095
	Xí nghiệp Hóc Môn		55,828,421		354,410,443
	• Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN TP.HCM		55,828,421		354,410,443
	Xí nghiệp Bình Lợi		605,115,152		116,316,885
	• Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Bình Thạnh		605,115,152		116,316,885
	Xí nghiệp Bình Dương		201,180,422		179,178,957
	• Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Bình Dương		201,180,422		179,178,957
	Xí nghiệp Lớp Radial		389,831,222		386,123,499
	• Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Bình Dương		389,831,222		386,123,499
	Tiền gửi ngoại tệ		4,464,896,243		12,231,403,692
	Văn phòng TP.HCM		4,464,896,243	USD 701,869,015.00 EUR 401.29	12,231,403,692
	Trong đó:				
	• Ngân hàng Ngoại Thương -USD		3,142,543,837	USD 615,188.59	8,361,899,416
	• Ngân hàng Ngoại Thương -EUR		19,906,560	EUR 302.83	3,486,185,378
	Các khoản tương đương tiền (TK 128)		-		60,000,000,000
	Tiền gửi có kỳ hạn tại NH Quốc Dân Việt Nam		-		60,000,000,000
	Tổng cộng		30,960,218,219		123,751,498,741

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (Công ty CP Phillip Carbon Black VN)	9,650,345,815	6,901,758,791	(2,748,587,024)	9,650,345,815	9,650,345,815	
Tổng cộng	6,901,758,791			9,650,345,815		

	Số cuối năm	Số đầu năm
2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG (TK 131)		
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Khách hàng nước ngoài (xuất khẩu) :	165,009,274,600	180,657,272,301
Khách hàng trong nước :	395,221,434,801	287,316,786,868
	394,915,359,810	286,618,150,801
• Xi nghiệp Đồng Nai	30,051,340	129,646,946
• Xi nghiệp Hóc Môn	-	483,015,145
• Xi nghiệp Bình Lợi	276,023,651	85,973,976
Cộng	560,230,709,401	467,974,059,169

	Số cuối năm	Số đầu năm
3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (TK 331)		
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Nhà cung cấp nước ngoài (nhập khẩu)	35,565,676,652	39,988,068,012
Nhà cung cấp trong nước	10,085,415,301	8,332,469,011
• Văn phòng	9,644,050,521	7,976,864,195
• Xi nghiệp Bình Lợi	30,000,000	-
• Xi nghiệp Bình Dương	50,000,000	50,000,000
• Xi nghiệp Lắp Radial	361,364,780	305,604,816
Cộng	45,651,091,953	48,320,537,023

(4); (10) PHẢI THU KHÁC	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
4. Phải thu ngắn hạn khác	30,899,004,796		37,259,671,652	
Phải thu của người lao động (TK 141)	311,631,892		270,843,892	
• Văn phòng TP.HCM	195,631,892		175,843,892	
• Xi nghiệp Bình Lợi	116,000,000		95,000,000	
Thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (TK 244)	52,014,152		46,014,152	
• Văn phòng TP.HCM	29,795,061		29,795,061	
• Xi nghiệp Hóc Môn	6,000,000			
• Xi nghiệp Bình Lợi	16,219,091		16,219,091	
Bảo hiểm xã hội (TK 3383)	1,004,161,068		653,452,179	
Phải thu khác (TK 1388)	29,193,673,429		36,134,669,666	
• Phải thu khác (TK 13881)	27,607,807,259		33,703,254,830	
Văn phòng TP.HCM	27,169,278,595		33,703,254,830	

	Số cuối năm	Số đầu năm		
Trong đó:				
• Phải thu chuyển nhượng dự án số 09 Nguyễn Khoái- NOVALAND GALAXY		17,750,000,000		
• Thuế VAT khấu trừ - dự án Radial	1,032,799,874	1,032,799,874		
• Phải thu do giảm chi phí dự án Radial :	-	1,961,977,191		
• Khoản ứng trước cho Liên doanh Phillip Carbon	3,370,684,504	3,370,684,504		
• Phải thu tiền hỗ trợ di dời dự án 504 Nguyễn Tài Thành - Công ty CP TM Địa Ốc Việt (Vietcomreal JSC)	-	7,500,000,000		
• Phải thu tiền lãi cho vay năm 2016 của Cty Đức Việt theo HD 07/2013/HĐTV ngày 16/01/2013	7,262,096,616			
• Phải thu Công ty CP TM Địa Ốc Việt (Vietcomreal)	5,140,000,000			
• Phải thu Công ty cho thuê tài chính Quốc tế VN (VILC) theo HĐMB 02/VILC-CSMN/2016	7,357,330,007			
Xi nghiệp Đồng Nai	380,364,308			
• Công ty Điện lực Đồng Nai (thuê máy biến thế)	10,000,000			
• Chi phí TPM tháng 12/2016	370,364,308			
Xi nghiệp Bình Dương	58,164,356			
• Chi phí bồi thường độc hại tháng 11/2016	58,164,356			
Phải thu chi phí thí nghiệm xi nghiệp (TK 13882)	1,585,866,170	2,431,414,836		
Phải trả, phải nộp khác (TK 33889)	337,524,255	154,691,763		
10. Phải thu dài hạn khác	2,402,502,000	2,643,459,000		
- Ký cược, ký quỹ (TK 2442) - Văn phòng TP.HCM	2,402,502,000	2,643,459,000		
Cộng (4) + (10)	33,301,506,796	39,903,130,652		
		4,107,833,367		
5. NỢ XẤU	Số cuối năm	Số đầu năm		
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (TK 2293)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị nợ xấu				
Chi tiết số dư như sau:				
• Công ty TNHH PNP VN - BHND (TK 131)	(65,000,051)		(65,000,051)	
• Công ty TNHH Hồng Phúc - BHXX (TK 131)	(78,488,575)		(78,488,575)	
• Công ty Todimax - BHXX (TK 131)	(90,100,000)		(90,100,000)	
• Đức Phương -BHND (TK 131)	(289,067,137)		(289,067,137)	
• CH Nông Cơ Tiến Hà -CH 146 (TK 131)			(143,447,968)	
• Nguyễn Thị Hoa -CH 146 (TK 131)			(86,597,002)	
• Nguyễn Minh Phú -CH 146 (TK 131)			(5,838,001,277)	
• Cty TNHH SX TM DV Đồ Tươi - CH 146 (TK 131)			(911,712,842)	
• Cty LD TOYO - TOKYO - Tân Bình (TK 131)	(5,852,000)		(5,852,000)	
• Cty CP XD Số 4 Thăng Long - Tân Bình (TK 131)	(22,556,000)		(22,556,000)	
• CN Việt Lào Tổng Cty XD MT - Tân Bình (TK 131)	(11,915,976)		(11,915,976)	
• KIEMDE ABRAIMA - BHXX (TK 131)	(46,520,866)		(46,520,866)	
• Công nợ Kim Dao (TK 1388)	(35,742,000)		(35,742,000)	
• Cty TNHH Lê Lợi (TK 131)	(56,000,000)		(56,000,000)	
• Cty TNHH TBYT Hòa Chất (TK 131)	(37,000,000)		(37,000,000)	
• BV Đa Khoa Huyện Đồng Phú (TK 131)	(7,767,900)		(7,767,900)	
• Vàng Thị Kim Liêng (TK 131)	(1,318,152,045)		(1,318,152,045)	

	Số cuối năm	Số đầu năm
• Cty CP Việt Nam Motors Cần Thơ (TK 131)	(1,592,500,140)	(1,592,500,140)
• AL SEDEEK CYCLE CO.,LTD (TK 131)	(386,133,204)	(386,133,204)
• VIXAY CHALEUN EXPORT - IMPORT TRADING & ARGO PROMOTION CO.,LTD (TK 131)	(1,787,000,000)	(1,787,000,000)
• Cty CP Thương Mại Vương Nga (TK 131)	(866,612,235)	(866,612,235)
• Cty TNHH TM DV và SX Minh Đạt(TK 131 XNHọc Môn)	(472,563,143)	(472,563,143)
Cộng	(7,168,971,272)	(14,148,730,361)

6. HÀNG TỒN KHO	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu (TK 152)	649,550,401,311		575,241,572,000	
• Văn phòng TP.HCM	230,689,025,446		234,043,454,559	
• Xi nghiệp Đồng Nai	21,094,796,212		20,549,144,924	
• Xi nghiệp Hóc Môn	10,075,425,868		12,353,481,109	
• Xi nghiệp Bình Lợi	11,868,159,959		11,876,793,273	
• Xi nghiệp Bình Dương	280,472,997,414		200,771,405,507	
• Xi nghiệp Lấp Radial	95,349,996,412		95,647,292,628	
Công cụ, dụng cụ (TK 153)	7,492,608,680		7,580,185,680	
• Văn phòng TP.HCM	1,451,506,960		581,823,463	
• Xi nghiệp Đồng Nai	1,783,423,951		1,956,911,897	
• Xi nghiệp Hóc Môn	1,455,948,482		2,617,857,427	
• Xi nghiệp Bình Lợi	1,130,991,314		807,763,366	
• Xi nghiệp Bình Dương	382,973,655		964,877,104	
• Xi nghiệp Lấp Radial	1,287,764,318		650,952,423	
Thành phẩm (TK 155)	318,419,750,955		288,250,070,883	
• Văn phòng TP.HCM	43,184,450,196		48,497,691,731	
• Xi nghiệp Đồng Nai	46,309,360,311		30,939,338,072	
• Xi nghiệp Hóc Môn	49,043,391,514		38,893,860,837	
• Xi nghiệp Bình Lợi	30,346,709,329		54,988,142,006	
• Xi nghiệp Bình Dương	3,458,363,783		5,312,007,881	
• Xi nghiệp Lấp Radial	146,077,475,822		109,619,030,356	
Hàng hóa (TK 156)	6,909,345,473		4,637,388,080	
• Văn phòng TP.HCM	6,450,521,903		4,631,363,016	
• Xi nghiệp Đồng Nai	456,061,053		-	
• Xi nghiệp Hóc Môn	2,762,517		6,025,064	
Cộng	982,372,106,419		875,709,216,643	982,372,106,419

Ghi Chú:

- Giá trị hàng hóa ghi số hàng tồn kho ở động, kèm phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ; Nguyên nhân và hướng xử lý đối với hàng tồn kho ở động, kèm, mất phẩm chất: không có.
- Giá trị hàng hóa tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả vào thời điểm cuối kỳ: không có.
- Lý do dẫn đến việc trích lập thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có.

14. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN	Số cuối năm	Số đầu năm
• Mua sắm TSCĐ (TK 2411)	13,962,971,305	30,397,234,462
Văn phòng TP.HCM	10,644,569,980	29,840,811,945

	Số cuối năm	Số đầu năm
• Sửa chữa DC phụ trợ máy cán tráng (HD: 09/15CSMN-INCON) (HM)	435,150,000	
• Sửa chữa ép suất Xi-200 lớp gm & SOT 1(HD :07/15/CSMN-INCON) (HM)	1,259,280,000	
• Sửa chữa hệ thống thang máy cáp & chiếu sáng (HD: 04/16/CSMN-INCON) (HM)	754,650,000	
• Sửa chữa xưởng cơ khí (HD: 01/16 CSMN-INCON) (HM)	277,830,000	
• Sửa chữa nhà công đoàn y tế (HD: 12/15/CSMN-INCON) (HM)	238,320,000	
• Sửa chữa nhà máy nước (HD: 03//16/CSMN-INCON) (HM)	123,300,000	
• Sửa chữa lắp đặt hệ thống xích treo lớp (băng tải) tubeless-tubetype (HM) (HD: 11/15 CSMN-INCON)	203,040,000	
• Sửa chữa máy quấn bao bì (HM) (HD: 02/16/CSMN-INCON)	129,690,000	
• Sửa chữa các máy lưu hóa tubetype (HM) (HD: 10/15 CSMN-INCON)	654,660,000	1,394,806,964
• Sửa chữa các máy thành hình xuống lớp 1 (HM) (HD: 04B/15/CSMN-INCON)	1,515,420,000	
• Sửa chữa dụng cụ máy cán innerline HQ (HM) (HD: 05/16/CSMN-INCON)	379,890,000	
• Sửa chữa dây chuyền ép suất Hàn Quốc (HM) (HD: 05B/15/CSMN-INCON)	1,365,210,000	
• Sửa chữa các máy lưu hóa Hàn Quốc (HM) (HD: 08/15 CSMN-INCON)	432,180,000	
• Lắp đặt máy ép tim (HD: 09/16 CSMN-INCON) (BD)	720,900,000	
• Lắp đặt đường ống hơi nóng (HD: 10/16 CSMN-INCON) (BD)	489,330,000	
• Lắp đặt máy lưu hóa lớp đặt (HD: 08/16 CSMN-INCON) (BD)	243,000,000	
• Lắp đặt hệ thống điện máy ép tim (HD: 07/16 CSMN-INCON) (BD)	730,800,000	
• Lắp đặt hệ thống đường ống công nghệ (HD: 06/16 CSMN-INCON) (BD)	691,919,980	
Xi nghiệp Bình Lợi	815,586,105	0
• Sửa chữa cái tạo máy thành hình 6	618,076,889	
• Máy lưu hóa 20	197,509,216	
Xi nghiệp Lấp Radial	2,502,815,220	556,422,517
• Máy cắt bán thép	7,000,000	
• Máy dẫn cao su tam giác bán thép	6,770,000	
• Máy lưu hóa bán thép	487,894,959	
• Máy ly trình bán thép	179,273,391	
• Máy thành hình bán thép mới	1,466,377,792	
• Máy ép xuất 3 đầu bán thép	355,499,078	
• Xây dựng cơ bản (TK 2412)	154,889,478,844	49,651,209,389
Văn phòng TP.HCM	150,976,334,231	49,310,409,389
• Dự án Radian toàn thép		23,568,800,213
• Công trình nhà văn phòng 180 NTMK Q.3	4,904,204,923	4,767,704,923
• Tài sản thuế tài chính theo HD: VILC-HD 2015.00140.001 (Cty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam)		17,938,372,417
• Các công trình khác (Phòng cơ năng tự thực hiện)	5,795,801,637	3,035,531,836
• Dự án Radial bán thép công suất 500.000 lớp/năm	140,276,327,671	
Xi nghiệp Hóc Môn	223,702,000	340,800,000
• Máy nén khí mới SP300	223,702,000	
• Thay mới vật tư tại trạm biến áp 3x320 KVA		340,800,000
Xi nghiệp Lấp Radial	3,689,442,613	
• Dự án Radial bán thép công suất 500.000 lớp/năm	3,689,442,613	

	Số cuối năm	Số đầu năm
• Sửa chữa lán TSCĐ	3,761,904,886	7,867,258,854
Xi nghiệp Lắp Radial	3,761,904,886	7,867,258,854
• Máy làm tanh 2	408,578,318	265,466,000
• Bảo trì chiller trạm lạnh	123,707,600	53,050,000
• Trạm đóng lọc - Phốt làm kín mô tơ		40,000,000
• Bảng tài xích - Xưởng luyện		18,000,000
• Máy lưu hóa lớp 55" (SC 3 máy)		7,490,742,854
• Máy Innerliner Bias	1,909,511,372	
• Xử lý nước chiller	251,625,000	
• Máy luyện hồ 440 bán thép	213,108,100	
• Máy luyện hồ 560 bán thép	281,260,649	
• Máy thành hình bán thép	574,113,847	
Cộng	172,614,355,035	87,915,702,705

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TK 211)

Chi tiêu	" Nhà của vật kiến trúc "	" Máy móc thiết bị "	" Phương tiện vận tải "	" Thiết bị dụng cụ quản lý "	" TSCĐ khác "	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	773,078,862,947	1,457,996,211,226	32,919,787,928	5,789,920,404		2,269,784,782,505
2. Số tăng trong năm	61,341,586,172	148,915,903,285	1,165,125,000	-	-	211,422,614,457
• Mua trong năm		132,785,456,423	1,165,125,000			133,950,581,423
• Đầu tư XDCB hoàn thành	57,708,659,783					57,708,659,783
• Tăng khác (chuyển từ máy móc thiết bị sang nhà cửa)	3,632,926,389					3,632,926,389
• Tăng khác (chuyển từ thuê tài chính sang TSCĐ)		16,130,446,862				16,130,446,862
3. Số giảm trong năm	-	22,643,536,977	-	-	-	22,643,536,977
• Chuyển sang BĐS đầu tư						-
• Thanh lý, nhượng bán	-	19,010,610,588	-	-	-	19,010,610,588
• Giảm khác(chuyển từ máy móc thiết bị sang nhà cửa)	-	3,632,926,389	-	-	-	3,632,926,389
4. Số dư cuối năm	834,420,449,119	1,584,268,577,534	34,084,912,928	5,789,920,404	-	2,458,563,859,985
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	197,115,287,531	666,651,431,087	18,948,758,175	3,778,334,076		886,493,810,869
2. Khấu hao trong năm	58,448,944,434	123,226,878,159	3,526,725,025	966,610,408	-	186,169,158,026
• Khấu hao trong năm	55,265,080,491	112,466,316,244	3,526,725,025	966,610,408		172,224,732,168
• Tăng khác (chuyển từ máy móc thiết bị sang nhà cửa)	3,183,863,943					3,183,863,943
• Tăng khác (chuyển từ thuê tài chính sang TSCĐ)		10,760,561,915				10,760,561,915
3. Giảm trong năm	-	3,183,863,943	-	-	-	3,183,863,943
Chuyển sang BĐS đầu tư						-
Thanh lý, nhượng bán	-		-	-	-	-
Giảm khác (chuyển từ máy móc thiết bị sang nhà cửa)	-	3,183,863,943	-	-	-	3,183,863,943

Chi tiêu	" Nhà của vật kiến trúc "	" Máy móc thiết bị "	" Phương tiện vận tải "	" Thiết bị dụng cụ quản lý "	" TSCĐ khác "	Tổng cộng
4. Số dư cuối năm	255,564,231,965	786,694,445,303	22,475,483,200	4,744,944,484	-	1,069,479,104,952
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	575,963,575,416	791,344,780,139	13,971,029,753	2,011,586,328	-	1,383,290,971,636
2. Tại ngày cuối năm	578,856,217,154	797,574,132,231	11,609,429,728	1,044,975,920	-	1,389,084,755,033

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 9.784.657.145 VNĐ.
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 540.891.627.818 VNĐ.
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý: 0 VND

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH (TK 212)

Chi tiêu	" Nhà của vật kiến trúc "	" Máy móc thiết bị "	" Phương tiện vận tải "	" Thiết bị dụng cụ quản lý "	" TSCĐ hữu hình khác "	TSCĐ vô hình	Tổng cộng
I. Nguyên giá							
1. Số dư đầu năm		16,130,446,862		2,875,581,843			19,006,028,705
2. Số tăng trong năm	-	20,215,532,216	-	-	-		20,215,532,216
- Thuê lại tài chính trong năm		20,215,532,216					20,215,532,216
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính					-		-
- Tăng khác					-		-
3. Số giảm trong năm	-	16,130,446,862	-	-	-		16,130,446,862
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-		-	-	-		-
- Giảm khác	-	16,130,446,862	-	-	-		16,130,446,862
4. Số dư cuối năm	-	20,215,532,216	-	2,875,581,843	-		23,091,114,059
II. Giá trị hao mòn lũy kế							
1. Số dư đầu năm		9,896,367,286	-	489,625,963			10,385,993,249
2. Khấu hao trong năm		2,766,521,006	-	510,481,123	-		3,277,002,129
- Khấu hao trong năm		2,766,521,006		510,481,123			3,277,002,129
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính					-		-
- Tăng khác					-		-
3. Giảm trong năm		10,760,561,915	-	-	-		10,760,561,915
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính					-		-
- Giảm khác		10,760,561,915			-		10,760,561,915
4. Số dư cuối năm		1,902,326,377	-	1,000,107,086	-		2,902,433,463
III. Giá trị còn lại							
1. Tại ngày đầu năm	-	6,234,079,576	-	2,385,955,880	-		8,620,035,456
2. Tại ngày cuối năm	-	18,313,205,839	-	1,875,474,757	-		20,188,680,596

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (TK 213)

Chi tiêu	"Quyền sử dụng đất"	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	"Phần mềm máy tính"	"TSCĐ vô hình khác"	Tổng cộng
I Nguyên giá						
1 Số dư đầu năm	104,369,083,467	-	-	1,549,864,155	6,635,742,094	112,554,689,716
2 Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
• Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
3 Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
• Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
4 Số dư cuối năm	104,369,083,467	-	-	1,549,864,155	6,635,742,094	112,554,689,716
II Giá trị hao mòn lũy kế						
1 Số dư đầu năm	4,271,259,364	-	-	1,445,973,488	6,635,742,094	12,352,974,946
2 Khấu hao trong năm	2,199,448,406	-	-	33,500,000	-	2,232,948,406
• Khấu hao trong năm	2,199,448,406	-	-	33,500,000	-	2,232,948,406
• Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3 Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
• Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-	-	-
4 Số dư cuối năm	6,470,707,770	-	-	1,479,473,488	6,635,742,094	14,585,923,352
III Giá trị còn lại						
1 Tại ngày đầu năm	100,097,824,103	-	-	103,890,667	-	100,201,714,770
2 Tại ngày cuối năm	97,898,375,697	-	-	70,390,667	-	97,968,766,364
4 Số dư cuối năm		1,902,326,377	-	1,000,107,086	-	
III Giá trị còn lại						
1 Tại ngày đầu năm	-	6,234,079,576	-	2,385,955,880	-	
2 Tại ngày cuối năm	-	18,313,205,839	-	1,875,474,757	-	

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay: 94.614.742.287 VNĐ
- Quyền sử dụng đất Bình Dương : 7.143.176.559 VNĐ
- Quyền sử dụng đất Bình Dương : 87.471.565.728 VNĐ
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.984.007.249 VNĐ
- Trong đó:
 - Nguyên giá TSCĐ vô hình khác đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng : 6.635.742.094 VNĐ
 - Nguyên giá TSCĐ vô hình phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng : 1.348.265.155 VNĐ

7; 16	CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (TK 242)	Số cuối năm	Số đầu năm
7	Chi phí trả trước ngắn hạn (TK 2421)	1,507,872,127	1,283,136,989
	Xí nghiệp Bình Dương	297,589,305	260,952,735
	• Phí bảo hiểm tài sản	257,634,916	235,952,734
	• Xử lý chất thải	-	25,000,001
	• Xử lý bán thành phẩm	21,312,728	-
	• Sửa chữa khuôn	18,641,661	-
	Xí nghiệp Lốp Radial	1,210,282,822	1,022,184,254
	• Chi phí bảo hiểm rủi ro cháy nổ	1,056,949,487	1,022,184,254
	• Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	153,333,335	-
16	Chi phí trả trước dài hạn (TK 2422)	20,200,653,275	11,037,859,885
	Văn phòng TP.HCM	255,411,254	319,264,068
	• Chi phí dịch vụ pháp lý đất Hóc Môn	255,411,254	319,264,068
	Xí nghiệp Đồng Nai	6,211,662,871	1,991,250,000
	• Chi phí khuôn	6,039,150,000	1,991,250,000
	• Công cụ dụng cụ dùng cho sản xuất	172,512,871	-
	Xí nghiệp Hóc Môn	4,380,275,180	2,434,750,000
	• Chi phí khuôn	3,382,513,825	2,434,750,000
	• Kệ chứa sẫm	997,761,355	-
	Xí nghiệp Bình Lợi	2,676,875,085	2,723,883,338
	• Chi phí bảo hiểm	62,700,972	67,376,958
	• Chi phí khuôn	477,083,333	365,249,996
	• Chi phí khuôn mới năm nay	930,625,002	1,343,383,328
	• Công cụ dụng cụ dùng cho sản xuất	1,141,069,945	898,346,390
	• Kiểm định	65,395,833	49,526,666
	Xí nghiệp Bình Dương	711,716,675	400,852,126
	• Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	711,716,675	222,986,655
	• Xử lý BTP	-	170,668,261
	• Xử lý mặt lớp	-	7,197,210
	Xí nghiệp Lốp Radial	5,964,712,210	3,167,860,353
	• Công cụ dụng cụ chờ phân bổ (khuôn)	5,861,795,540	3,167,860,353
	• Phụ tùng thay thế để bảo dưỡng thiết bị	102,916,670	-
	Cộng (7) + (16)	21,708,525,402	12,320,996,874

(23); (26).	VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tang	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		(1)=(5)+(3)-(4)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
23.	Vay ngắn hạn	885,503,185,035	885,503,185,035	2,094,735,932,502	1,810,801,812,771	601,569,065,304	601,569,065,304
	- Vay ngân hàng (TK 34111)	878,180,409,896	878,180,409,896	2,087,160,270,467	1,803,189,355,034	594,209,494,463	594,209,494,463
	+ Số đã vay ngân hàng:			2,084,365,866,360			
	+ Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ :			2,794,404,107			
	- Nợ dài hạn đến hạn trả (TK 34113)	7,322,775,139	7,322,775,139	7,575,662,035	7,612,457,737	7,359,570,841	7,359,570,841
26.	Vay dài hạn	730,160,429,250	730,160,429,250	121,194,277,124	155,551,064,705	764,517,216,831	764,517,216,831
	• Vay ngân hàng (TK 341121-TK 341122)	564,245,000,000	564,245,000,000	7,611,000,000	123,742,000,000	680,376,000,000	680,376,000,000
	Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ :			7,611,000,000			
	• Vay ngân sách Nhà nước (TK 341126)	857,627,240	857,627,240			857,627,240	857,627,240
	• Vay vốn CBCNV (TK 341127)	56,136,750,000	56,136,750,000	5,746,497,591	22,788,512,107	73,178,764,516	73,178,764,516
	• Vay ngân hàng dự án Radial bán thép (TK 341129)	104,400,226,187	104,400,226,187	105,845,116,750	1,444,890,563		
	Số đã vay ngân hàng:			104,465,714,250			
	Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ :			1,379,402,500			
	• Nợ thuế tài chính (TK 3412)	4,520,825,823	4,520,825,823	1,991,662,783	7,575,662,035	10,104,825,075	10,104,825,075
	Cộng (23) + (26)	1,615,663,614,285	1,615,663,614,285	2,215,930,209,626	1,966,352,877,476	1,366,086,282,135	1,366,086,282,135

Các khoản nợ thuế tài chính	Năm 2016			Năm 2015			
	Thời hạn	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả tiền nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả tiền nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống							
Trên 1 năm đến 5 năm							
• HD 20/2012/TSC-CTTC (Vietinbank leasing)	1,161,769,937	29,214,275	1,132,555,662	3,746,016,576	348,324,576	3,397,692,000	
• VILC-HĐ 2014-00087-000 (Cty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam)	480,804,832	67,698,280	413,106,552	515,063,213	101,956,661	413,106,552	
• VILC-HĐ 2014-00089-000 (Cty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam)	307,083,327	43,237,947	263,845,380	328,963,676	65,118,296	263,845,380	
• VILC-HĐ 2015-00140-001 (Cty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam)	6,531,636,000	981,572,753	5,550,063,247	2,721,515,000	457,643,875	2,263,871,125	
• VILC-HĐ 2016-00056-001 (Cty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam)	313,210,000	60,323,104	252,886,896				

17.	PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN (TK 331)	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a	Phải trả cho người bán ngắn hạn:				
	Nhà cung cấp nước ngoài (nhập khẩu)	63,023,476,261	63,023,476,261	42,736,328,987	42,736,328,987
	Nhà cung cấp trong nước :	104,808,519,707	104,808,519,707	73,187,216,763	73,187,216,763
	• Văn phòng :	88,515,243,016			
	• Xí nghiệp Đồng Nai	6,876,619,924			
	• Xí nghiệp Hóc Môn	4,685,653,551			
	• Xí nghiệp Bình Lợi	720,650,920			
	• Xí nghiệp Bình Dương	626,949,927			
	• Xí nghiệp Lốp Radial	3,383,402,369			
	Cộng	167,831,995,968	167,831,995,968	115,923,545,750	115,923,545,750
b	Phải trả người bán là các bên liên quan				
	- Công ty CP Hơi Kỳ Nghệ Que Hàn	798,596,975	798,596,975	618,147,200	618,147,200

18.	NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN (TK 131)	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	- Khách hàng nước ngoài (xuất khẩu) :		6,656,883,298		4,640,353,358
	- Khách hàng trong nước :		322,014,019		468,109,039
	• Văn phòng :	228,231,803		349,754,559	
	• Xí nghiệp Hóc Môn	1,734,216		101,581,480	
	• Xí nghiệp Bình Lợi	92,048,000		16,773,000	
	Cộng		6,978,897,317		5,108,462,397

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỘP CHO NHÀ NƯỚC

19. Phải nộp	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	Số cuối năm
	(1)	(2)	(3)	(4)=(1)+(2)-(3)
Thuế giá trị gia tăng hàng NK (TK 33312)		99,758,132,680	99,758,132,680	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TK 3334)	31,118,664,756	71,289,047,549	81,437,258,083	20,970,454,222
Thuế thu nhập cá nhân (TK 3335)	2,554,980,498	10,644,691,041	9,955,129,184	3,244,542,355
Thuế tài nguyên (TK 3336)	1,950,000	22,915,800	24,865,800	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất (TK 3337)		2,804,354,311	2,804,354,311	-
Các loại thuế khác (TK 3338)	(93,129,081)	4,196,121,622	4,068,454,067	34,538,474
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (TK 3338)		3,356,386,030	3,356,386,030	-
Cộng Các khoản thuế phải trả	33,582,466,173	192,071,649,033	201,404,580,155	24,249,535,051

8. Thuế GTGT được khấu trừ	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	Số cuối năm
	(1)	(2)	(3)	(4)=(1)+(2)-(3)
Thuế GTGT được khấu trừ (= a + b)	1,256,560,043	427,154,706,998	447,313,933,939	21,415,786,984
a Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	4,609,295,030	396,197,920,550	414,050,870,362	22,462,244,842
Thuế GTGT đầu ra khấu trừ thuế GTGT đầu vào		396,197,920,550		
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ phát sinh trong năm			414,050,870,362	
b Thuế giá trị gia tăng đầu ra	(3,352,734,987)	30,956,786,448	33,263,063,577	(1,046,457,858)
Phát sinh thuế đầu ra		426,544,427,984		
Đã nộp thuế			33,263,063,577	
Đã khấu trừ		(395,587,641,536)		

9. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	Số cuối năm
	(1)	(2)	(3)	(4)=(1)+(2)-(3)
9 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	192,861,482	6,168,659,161	6,199,992,529	224,194,850
• Thuế xuất nhập khẩu	192,861,482	6,168,659,161	6,199,992,529	224,194,850
Cộng	192,861,482	6,168,659,161	6,199,992,529	224,194,850

20. Phải trả người lao động	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng TP.HCM	52,332,360,510	86,133,360,785
Xí nghiệp Đồng Nai	6,743,603,294	7,711,994,875
Xí nghiệp Học Môn	5,441,169,713	4,180,313,006
Xí nghiệp Bình Lợi	2,083,927,683	1,776,276,912
Xí nghiệp Bình Dương	2,901,461,611	2,423,768,618
Xí nghiệp Lớp Radial	3,417,459,024	2,724,615,964
Cộng	72,919,981,835	104,950,330,160

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ:	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Chi phí phải trả ngắn hạn:		
Văn phòng TP.HCM	53,342,434,615	43,885,555,376
• Chi phí chiết khấu thường xuyên - găng tay	353,575,952	179,386,880
• Chi phí vận chuyển sản phẩm nội địa	6,000,000,000	4,900,000,000
• Thương doanh số cuối năm - khách hàng nội địa	9,536,816,609	3,000,000,000
• Chi phí chiết khấu thường xuyên	19,575,699,792	18,902,471,148
• Trích trước chi phí thí nghiệm sản phẩm mới	1,585,846,683	2,431,900,691
• Thương doanh số cuối năm - khách hàng xuất khẩu	3,829,910,550	
• Chiết khấu thanh toán - đại lý	425,827,199	282,203,616
• Chi phí quảng cáo	907,163,165	2,461,913,872
• Chi phí thuê kho	1,000,000,000	1,000,000,000
• Chiết khấu thanh toán - nhà phân phối	542,704,512	549,623,989
• Chiết khấu thanh toán - nhà phân phối lớp Radial	478,099,032	580,609,159
• Chi phí trích trước	1,818,202,303	1,134,322,267
• Lãi vay	7,058,559,883	8,463,123,754
• Chi phí thuê đất (XN Đồng Nai)	230,028,935	
Xí nghiệp Đồng Nai	330,785,119	249,111,089
• Trích trước chi phí sửa chữa lớn	210,000,000	
• Trích trước bồi dưỡng độc hại	120,785,119	117,111,089
• Trích trước chi phí sửa chữa khuôn		132,000,000
Xí nghiệp Học Môn	1,029,500,099	314,136,299
• Trích trước tiền điện	380,361,366	306,393,441
• Chiết khấu thường xuyên	4,945,378	3,433,395
• Chiết khấu thanh toán	6,043,355	4,309,463
• Tiền cơm ca	378,786,000	
• Bồi dưỡng độc hại	259,364,000	
Xí nghiệp Bình Lợi	78,165,200	175,076,183
• Trích trước tiền nước	69,600,000	63,744,000
• Trích trước chi phí bốc xếp	8,565,200	40,674,000
• Trích trước chi phí bảo vệ	-	31,818,183

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ:	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Chi phí phải trả ngắn hạn:		
• Trích trước chi phí PCCC	-	20,840,000
• Trích trước chi phí giám sát môi trường	-	18,000,000
Xí nghiệp Bình Dương	1,108,426,138	636,012,333
• Trích trước tiền nước	-	19,857,333
• Chi phí cơm ca	102,000,000	101,000,000
• Chi phí bồi dưỡng độc hại	154,000,000	71,000,000
• Chi phí vận chuyển mặt lớp	-	444,155,000
• Chi phí vận chuyển BTP	650,426,138	
• Trích trước tiền thuế đất	202,000,000	
Xí nghiệp Lớp Radial	478,189,619	1,873,193,857
• Trích trước tiền nước	-	25,000,000
• Trích trước chi phí sửa chữa lớn	113,313,524	897,000,000
• Trích trước chi phí đồng phục	-	388,400,000
• Trích trước chi phí vận chuyển	52,500,000	70,000,000
• Trích trước chi phí hiệu chuẩn	-	11,955,000
• Trích trước chi phí giám sát môi trường		18,250,000
• Trích trước chi phí đào tạo chuyên đề biến tần cà động cơ Servo		76,000,000
• Trích trước chi phí bảo trì thang máy		53,760,000
Cộng:	56,367,500,790	47,133,085,137

PHẢI TRẢ KHÁC

22. Phải trả ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết (giữ hộ tiền quỹ công đoàn) (TK 3381)	673,447,115	487,995,367
• Kinh phí công đoàn (TK 3382)	3,353,332,942	3,103,648,017
• Bảo hiểm y tế (TK 3384)	438,888	18,005,585
• Phải trả về cổ phần hóa (TK 3385)	174,835,866	174,835,866
• Bảo hiểm thất nghiệp (TK 3386)	26,343,631	37,771,534
• Cổ tức, lợi nhuận phải trả (TK 3388)	2,298,661,665	1,734,651,705
• Các khoản phải trả, phải nộp khác (TK 3388)	38,115,104,976	15,230,697,627
Trong đó:		
• Phải trả SHINHAN LONDON	24,543,394,230	11,564,110,080
• Chuyển tiền dự án trên mặt bằng các khu đất - Cty Ba Đình	10,000,000,000	
Cộng:	44,642,165,083	20,787,605,701

25. Phải trả dài hạn khác:	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (TK 344)	14,500,000,000	14,000,000,000
Văn phòng TP.HCM		
Trong đó:		
• Công ty TM Cần Thơ	-	1,000,000,000
• Công ty TNHH TM DV An Thiên Phúc	2,000,000,000	1,000,000,000
• Công ty Tân Hưng Thịnh-Vũ Cao Nguyên	2,000,000,000	2,000,000,000
• Công ty TNHH TMDV Lê Văn	1,500,000,000	1,500,000,000
• Công ty TNHH TM DV Tư vấn lớp Radial Đức Anh	1,000,000,000	1,000,000,000
• DNTN Mạnh Dũng	1,000,000,000	1,000,000,000
• Công ty TNHH Đầu tư Thương Mại Nam Dũng	1,500,000,000	1,000,000,000
• Phạm Đắc Mỹ	2,000,000,000	
Cộng:	14,500,000,000	14,000,000,000

24. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ khen thưởng	15,961,387,569	18,417,493,873
Văn phòng TP.HCM	12,781,927,396	16,447,134,146
Xí nghiệp Đồng Nai	887,047,689	917,974,391
• Xí nghiệp Hóc Môn	718,841,158	61,419,010
• Xí nghiệp Bình Lợi	463,128,226	305,449,226
• Xí nghiệp Bình Dương	451,232,100	210,182,100
• Xí nghiệp Lớp Radial	659,211,000	475,335,000
• Quỹ phúc lợi	22,021,575,269	17,619,967,278
• Văn phòng TP.HCM	20,528,492,411	15,826,817,261
• Xí nghiệp Đồng Nai	294,675,735	498,275,735
• Xí nghiệp Hóc Môn	363,507,119	571,646,756
Xí nghiệp Bình Lợi	208,126,726	178,653,726
• Xí nghiệp Bình Dương	308,712,778	347,963,300
• Xí nghiệp Lớp Radial	318,060,500	196,610,500
• Cộng (Quỹ khen thưởng + Quỹ phúc lợi)	37,982,962,838	36,037,461,151

27. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI (TK 243) VÀ THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ (TK 347)	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Tài sản thuế thu nhập hoàn lại (TK 243)		
Tài sản thuế thu nhập hoàn lại	-	32,585,043
b. Thuế thu nhập hoàn lại phải trả (TK 347)		
• Lãi do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của các khoản tiền gửi ngân hàng, phải thu có gốc ngoại tệ	2,412,063,561	
• Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoàn lại phải trả	20%	
• Thuế thu nhập hoàn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	482,412,712	
• Thuế Thu nhập hoàn lại phải trả	482,412,712	-
QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (TK 356)		
- Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		53,085,000,000
Cộng:		53,085,000,000

28. VỐN CHỦ SỞ HỮU

A) BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu										
	Vốn góp của CSH	" Thặng dư vốn cổ phần "	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
a. Số dư đầu năm trước	672,932,050,000						475,588,957,292	(12,050,000)	216,116,954,013	1,364,625,911,305
• Tăng trong năm	67,272,910,000	-	-	-	-	-	289,926,504,991	-	-	357,199,414,991
Trong đó:										-
• Tăng vốn trong năm trước	67,272,910,000									67,272,910,000
• Lãi trong năm trước							289,926,504,991			289,926,504,991
• Giảm trong năm							(456,269,150,173)			(456,269,150,173)
Trong đó:										-
• Trích quỹ khen thưởng							(17,048,214,193)			(17,048,214,193)
• Trích quỹ phúc lợi							(9,928,928,516)			(9,928,928,516)
• Trích quỹ đầu tư phát triển							(82,741,070,964)	82,741,070,964		-
• Chia cổ tức 2014 bằng tiền							(168,249,090,000)			(168,249,090,000)
• Chia cổ tức 2014 bằng phát hành cổ phiếu							(67,272,910,000)			(67,272,910,000)
• Chia cổ tức 2015 (15%)							(111,028,936,500)			(111,028,936,500)

Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu										
	Vốn góp của CSH	" Thặng dư vốn cổ phần "	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Cộng
b. Số dư đầu năm nay	740,204,960,000	-	-	-	-	-	309,246,312,110	(12,050,000)	298,858,024,977	1,348,297,247,087
• Tăng trong năm	296,059,710,000	-	-	-	-	-	260,895,136,005	-	-	556,954,846,005
Trong đó:										-
• Tăng vốn trong năm nay	296,059,710,000									296,059,710,000
• Lãi trong năm nay							260,895,136,005			260,895,136,005
• Giảm trong năm							(376,832,241,147)		(194,585,433,253)	(571,417,674,400)
Trong đó:										-
• Giảm quỹ đầu tư phát triển tăng vốn trong năm nay									(296,059,710,000)	(296,059,710,000)
• Lỗ trong năm nay										-
Giảm khác							(376,832,241,147)		101,474,276,747	(275,357,964,400)
• Trích quỹ khen thưởng							(14,996,325,250)			(14,996,325,250)
• Trích quỹ phúc lợi							(8,697,795,150)			(8,697,795,150)
• Trích quỹ đầu tư phát triển							(101,474,276,747)		101,474,276,747	-
• Chia cổ tức 2015 bằng tiền							(148,038,582,000)			(148,038,582,000)
• Chia cổ tức 2016 (10%)							(103,625,262,000)			(103,625,262,000)
c. Số dư cuối năm	1,036,264,670,000	-	-	-	-	-	193,309,206,968	(12,050,000)	104,272,591,724	1,333,834,418,692

B) CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn đầu tư của Nhà nước	528,558,490,000	377,541,780,000
- Vốn góp của các đối tượng khác	507,706,180,000	362,663,180,000
Cộng	1,036,264,670,000	740,204,960,000
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1,036,264,670,000	740,204,960,000
+ Vốn góp đầu năm	740,204,960,000	672,932,050,000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	296,059,710,000	67,272,910,000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	1,036,264,670,000	740,204,960,000
- Cổ tức lợi nhuận năm 2015 đã trích trong năm 2016 (chi bằng tiền)	148,038,582,000	
- Cổ tức lợi nhuận năm 2016 đã trích trong năm 2016 (chi bằng tiền: 10%)	103,625,262,000	

d) Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	103,626,467	74,020,496
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50,770,618	36,266,318
+ Cổ phiếu phổ thông	50,770,618	36,266,318
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1,205	1,205
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	1,205	1,205
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	103,625,262	74,019,291
+ Cổ phiếu phổ thông (= 103.626.467 - 1.205)	103,625,262	74,019,291
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ

Cổ tức:

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:
 - Công bố cổ tức của năm 2015: chỉ bằng tiền.
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:
 - Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có.
- Công bố cổ tức của năm 2016: tạm ứng cổ tức năm 2016 bằng tiền là 10% trên vốn điều lệ.
 - Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có.

29. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CĐKT	Số cuối năm	Số đầu năm
a Tài sản thuê ngoài		
b Tài sản nhận giữ hộ		
c Ngoại tệ các loại		
Trong đó:		
• Ngoại tệ USD	195,535.98	389,434.57
• Ngoại tệ EUR	937.18	142,887.22
d Vàng tiền tệ		
đ Nợ khó đòi đã xử lý		
Khách hàng	Số tiền	Số tiền
1 • DNTN Phát Hưng - 750001	614,987,079	734,987,079
2 • Lê Chí Hoà - BHND - 710002	894,097,480	894,097,480
3 • Nguyễn Hồng Sơn - BHND - 550002	32,677,477	32,677,477
4 • Nguyễn Thị Diễm Thúy - BHND - 560004	1,151,092	1,151,092
5 • Trần Ngọc Tiến - BHND - 500001	13,356,992	13,356,992
6 • Cty Phương Trinh - BHND - 284005	9,999,995	9,999,995
7 • Cty Phương Trinh CN Bình Dương - BHND - 284006	10,000,000	10,000,000
8 • Đặng Thúy Quỳnh - Điện Biên - 044009	45,160,400	45,160,400
9 • DNTN Hoàng Vỹ - Điện Biên - 044010	24,980,000	24,980,000
10 • Đinh Mạnh Cường - Điện Biên - 044012	34,540,000	34,540,000
11 • Đinh Thị Phương Thảo - Điện Biên - 044013	56,799,000	56,799,000
12 • Nguyễn Thị Oanh - Điện Biên - 044014	40,879,400	40,879,400
13 • Anh Quang - Điện Biên - 044015	56,970,400	56,970,400
14 • Huỳnh Tiên Hà - Điện Biên - 044016	59,080,000	59,080,000

29. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CĐKT	Số cuối năm	Số đầu năm
15 • Phạm Văn Thành - Điện Biên - 044022	88,592,178	88,592,178
16 • Cty TNHH Cơ Khí Quang Trung - Điện Biên - 044023	35,178,000	35,178,000
17 • Cty CP Cơ Khí Cao Su - Điện Biên - 044024	52,767,000	52,767,000
18 • Cty CP CHIEN YOU Việt Nam - Điện Biên - 044026	59,199,800	59,199,800
19 • Phan Thị Bích Nga - Điện Biên - 044030	50,879,400	50,879,400
20 • Đặng Thị Thúy Liễu - Điện Biên - 030045	50,879,400	50,879,400
21 • Nguyễn Hữu Nghĩa - Điện Biên - 044036	170,000,000	170,000,000
22 • CH Nông Cơ Tiến Hà -CH 146 (TK 131)	143,447,968	
23 • Nguyễn Thị Hoa -CH 146 (TK 131)	86,597,002	
24 • Nguyễn Minh Phú -CH 146 (TK 131)	5,838,001,277	
25 • Cty TNHH SX TM DV Đồ Tươi - CH 146 (TK 131)	911,712,842	
Tổng cộng	9,381,934,182	2,522,175,093

	Năm 2016	Năm 2015
1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
Văn phòng TP.HCM	3,315,113,711,355	3,645,128,643,045
• Doanh thu bán hàng (TK 5111; TK 5112)	3,203,619,752,167	3,240,128,682,656
• Doanh thu bán hàng hóa (TK 51111)	9,901,904,661	2,994,213,507
• Doanh thu vật tư bán ngoài (TK 51112)	5,577,842,941	7,825,644,164
• Doanh thu sản phẩm xuất khẩu (TK 51122)	826,409,521,787	911,966,078,986
• Doanh thu sản phẩm HHKM có thuế (TK 51128)	8,107,227,341	12,275,912,163
• Doanh thu sản phẩm nội địa (TK 51129)	2,353,623,255,437	2,305,066,833,836
• Doanh thu cung cấp dịch vụ (TK 5113)	435,731,297	321,571,159
• Doanh thu hàng ủy thác (TK 5114)	1,579,974,157	3,653,571,548
• Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư (TK 5117)	109,362,240,000	401,024,817,682
• Doanh thu khác (TK 5118)	116,013,734	
Xí nghiệp Đồng Nai	1,688,232,902	7,182,254,094
• Doanh thu bán hàng hóa (TK 5111)	32,088,497	11,885,575
• Doanh thu thành phẩm đã tiêu thụ (TK 5112)	1,656,144,405	7,170,368,519
Xí nghiệp Hóc Môn	5,777,591,343	6,060,753,581
• Doanh thu bán hàng hóa (TK 5111)	547,028,000	600,325,112
• Doanh thu thành phẩm đã tiêu thụ (TK 5112)	5,230,563,343	5,460,428,469
Xí nghiệp Bình Lợi	1,659,298,293	1,790,325,543
• Doanh thu bán hàng hóa (TK 5111)	238,903,793	60,418,947

	Năm 2016		Năm 2015	
• Doanh thu thành phẩm đã tiêu thụ (TK 5112)	1,420,394,500		1,729,906,596	
Cộng	3,324,238,833,893		3,660,161,976,263	
2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU (TK 521)				
Văn phòng TP.HCM	37,417,915,748		23,919,390,010	
• Chiết khấu thương mại (TK 5211)	27,102,822,874		10,903,163,111	
• Hàng bán bị trả lại	10,315,092,874		13,016,226,899	
Xí nghiệp Đồng Nai	0		532,195	
• Hàng bán bị trả lại	-		532,195	
Xí nghiệp Hóc Môn	55,112,001		75,308,410	
• Chiết khấu thương mại (TK 5211)	55,112,001		75,308,410	
Cộng	37,473,027,749		23,995,230,615	
3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN (TK 632)				
Văn phòng TP.HCM	2,597,870,708,006		2,817,835,781,286	
• Giá vốn của hàng hóa đã bán	2,489,426,784,799		2,473,200,265,266	
• Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	108,443,923,207		344,635,516,020	
Xí nghiệp Đồng Nai	1,237,394,681		5,700,779,972	
• Giá vốn của hàng hóa đã bán	1,027,159,581		4,638,583,731	
• Giá vốn hàng bán khác	210,235,100		1,062,196,241	
Xí nghiệp Hóc Môn	5,618,161,147		5,081,052,985	
• Giá vốn của hàng hóa đã bán	3,512,593,711		4,160,379,831	
• Giá vốn hàng bán khác	2,105,567,436		920,673,154	
Xí nghiệp Bình Lợi	1,553,456,209		1,160,019,482	
• Giá vốn của hàng hóa đã bán	1,272,398,478		1,202,332,299	
• Giá vốn hàng bán khác	281,057,731		(42,312,817)	
Cộng	2,606,279,720,043		2,829,777,633,725	
4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH (TK 515)				
Văn phòng TP.HCM	13,854,946,482		11,878,733,065	
• Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8,911,725,665		6,344,574,389	
• Lãi chênh lệch tỷ giá	4,943,220,817		5,534,158,676	
Xí nghiệp Đồng Nai	11,340,210		24,781,169	
• Lãi tiền gửi	11,340,210		24,781,169	
Xí nghiệp Hóc Môn	15,617,990		25,862,760	
• Lãi tiền gửi	15,617,990		25,862,760	
Xí nghiệp Bình Lợi	3,700,935		6,090,908	
• Lãi tiền gửi	3,700,935		6,090,908	
Xí nghiệp Bình Dương	9,824,554		13,788,763	
• Lãi tiền gửi	9,824,554		13,788,763	
Xí nghiệp Lớp Radial	10,950,974		15,374,644	
• Lãi tiền gửi	10,950,974		15,374,644	

	Năm 2016		Năm 2015	
Cộng	13,906,381,145		11,964,631,309	
5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH (TK 635)				
Văn phòng TP.HCM	86,492,025,846		118,039,419,981	
• Lãi tiền vay	60,039,651,095		67,229,006,276	
• Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	10,265,711,869		12,862,471,139	
• Lỗ chênh lệch tỷ giá	13,438,075,858		37,947,942,566	
• Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (Công ty CP Phillip Carbon Black VN)	2,748,587,024			
Xí nghiệp Đồng Nai	0		41,078,538	
• Chiết khấu thanh toán	-		41,078,538	
Xí nghiệp Hóc Môn	69,412,932		71,060,664	
• Chiết khấu thanh toán	69,412,932		71,060,664	
Cộng	86,561,438,778		118,151,559,183	
(6) và (7). CHI PHÍ BÁN HÀNG (TK 641) VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP (TK 642)				
6. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	150,189,656,317		151,556,520,228	
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng				
• Chi phí xuất khẩu	34,727,883,239		25,436,214,357	
• CP vận chuyển	54,099,680,427		56,566,867,764	
• Thương doanh số	8,781,960,030		3,783,130,353	
Các khoản chi phí bán hàng khác	52,580,132,621		65,770,307,754	
7. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	123,155,138,721		195,904,189,397	
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí QLDN				
• Chi phí nhân viên quản lý	117,792,083,724		137,453,463,008	
Các khoản chi phí QLDN khác	5,363,054,997		58,450,726,389	
8. THU NHẬP KHÁC (TK 711)				
Văn phòng TP.HCM	7,179,989,534		18,463,657,952	
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-		93,181,818	
Các khoản khác	7,179,989,534		18,370,476,134	
• Cty CP TM Địa Ốc Việt (Vietcomreal JSC) hỗ trợ di dời 504 Nguyễn Tất Thành, quận 4		15,000,000,000		
• Bán phế liệu (xác nhà) 504 Nguyễn Tất Thành, quận 4		201,818,182		
• Bán phế liệu	3,954,892,680		3,099,145,797	
• Thu thập do bán hồ sơ môi trường 2016	181,313,880			
• Thu nhập do nhận hàng hộ - Phí nhận hàng hộ	282,552,679			

	Năm 2016	Năm 2015
• Thu tiền quỹ đất được bồi thường từ Trung tâm phát triển quỹ đất TX.Tân Uyên	2,599,464,550	
• Thu hồi nợ khó đòi của DN Phát Hưng (Ô.Hoàng)	120,000,000	
• Thu phí giữ hệ tài sản của Cty Mua Bán Nợ VN	38,345,455	
• Khác	3,420,290	69,512,155
Xí nghiệp Đồng Nai	735,654,798	362,972,423
• Bán phế liệu	735,654,798	362,972,423
Xí nghiệp Hóc Môn	0	33,971,600
• Bán phế liệu	-	33,971,600
Xí nghiệp Bình Lợi	484,871,216	311,538,030
• Chi phí thiệt hại sự cố hơi tháng 3/2015		10,020,964
• Bán phế liệu	484,871,216	250,362,024
• Bù trừ Cty Tín Thành đền bù thiệt hại hai bão hòa		37,568,678
• Bù trừ chi phí thiệt hại hơi bão hòa tháng 12/2015		7,786,364
• Thu nhập khác		5,800,000
Cộng	8,400,515,548	19,172,140,005
9. CHI PHÍ KHÁC (TK 811)		
Văn phòng TP.HCM	11,437,958,670	424,992,000
• Các khoản khác		225,000,000
• Chi phí thu gom phế liệu-XN Radial		199,992,000
• Phải nộp theo quyết định số 5149/QĐ-CT-XP và 5148/QĐ-CT-XP - Chậm nộp	186,662,520	
• Phải nộp theo quyết định số 5149/QĐ-CT-XP và 5148/QĐ-CT-XP - Thuế GTGT	469,971,658	
• Phải nộp theo quyết định số 5149/QĐ-CT-XP và 5148/QĐ-CT-XP - vi phạm hành chính	78,864,131	
• Nộp theo Quyết Định 1579/QĐ-TCT - Thuế GTGT đầu ra	5,701,588,669	
• Nộp theo Quyết Định 1579/QĐ-TCT - Thuế GTGT đầu vào	10,468,633	
• Nộp theo Quyết Định 1579/QĐ-TCT - Thuế TNDN	1,250,391,001	
• Nộp theo Quyết Định 1579/QĐ-TCT - Tiền chậm nộp	1,511,961,758	
• Nộp theo Quyết Định 1579/QĐ-TCT - Tiền VPHC	1,578,897,621	
• Chi phí thi hành án của DN Phát Hưng (Ô.Hoàng)	3,600,000	
• Phí nhận hàng Camso theo bảng kê	282,552,679	
• Phí xử lý thùng phuy đựng hóa chất các loại	363,000,000	
Cộng	11,437,958,670	424,992,000

	Năm 2016	Năm 2015
10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH		
10.1 Lợi nhuận kế toán trước thuế từ hoạt động kinh doanh của toàn công ty	331,448,790,308	
10.2 Khoản thu nhập được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN	2,412,063,561	
• Lãi do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ	2,412,063,561	
10.3 Chi phí không được trừ khi tính thu nhập chịu thuế	10,788,805,991	
• Phải nộp theo quyết định số 5149/QĐ-CT-XP và 5148/QĐ-CT-XP - Chậm nộp	186,662,520	
• Phải nộp theo quyết định số 5149/QĐ-CT-XP và 5148/QĐ-CT-XP - Thuế GTGT	469,971,658	
• Phải nộp theo quyết định số 5149/QĐ-CT-XP và 5148/QĐ-CT-XP - vi phạm hành chính	78,864,131	
• Nộp theo Quyết Định 1579/QĐ-TCT - Thuế GTGT đầu ra	5,701,588,669	
• Nộp theo Quyết Định 1579/QĐ-TCT - Thuế GTGT đầu vào	10,468,633	
• Nộp theo Quyết Định 1579/QĐ-TCT - Thuế TNDN	1,250,391,001	
• Nộp theo Quyết Định 1579/QĐ-TCT - Tiền chậm nộp	1,511,961,758	
• Nộp theo Quyết Định 1579/QĐ-TCT - Tiền VPHC	1,578,897,621	
10.4 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế trừ khoản thu nhập loại trừ của toàn công ty (= 331.448.790.308 - 2.412.063.561 + 10.788.805.991)	339,825,532,738	
10.5 Chi phí thuế TNDN hiện hành của toàn công ty (= 8.757.750.000 + 3.542.000.000 + 57.738.906.548)	70,038,656,548	
• Thuế TNDN năm 2013 (= 35.031.000.000 x 25%)	8,757,750,000	
• Thuế TNDN năm 2015 (= 16.100.000.000 x 22%)	3,542,000,000	
• Thuế TNDN năm 2016 (= (339.825.532.738 - 35.031.000.000 - 16.100.000.000) x 20%)	57,738,906,548	
Cộng	70,038,656,548	81,760,081,978

	Năm 2016	Năm 2015
11. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI		
11.1 Chi phí thuế TNDN hoàn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế (2.412.063.561 x 20%)	482,412,712	
• Lãi do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của các khoản tiền gửi ngân hàng, phải thu có gốc ngoại tệ	2,412,063,561	
• Thuế suất thuế TNDN hoàn lại	20%	
11.2 Thu nhập thuế TNDN hoàn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoàn lại phải trả	32,585,043	
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại	514,997,755	(197,964,540)
12. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU		
	2,993	4,170
12.1 Cổ phiếu phát hành đầu kỳ (cổ phiếu)	74,020,496	
12.2 "Cổ phiếu mới phát hành từ ngày 27/07/2016 (tăng vốn điều lệ từ quỹ đầu tư phát triển) (= 296.059.710.000/10.000)"	29,605,971	
12.3 Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)	1,205	
12.4 Cổ phiếu bình quân lưu hành trên thị trường (=(74.020.496 - 1.205) x 360) + (29.605.971 x 150)/ 360)	86,355,112	
12.5 Lợi nhuận sau thuế TNDN	260,895,136,005	
12.5.1 Khoản lãi do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ các khoản tiền gửi ngân hàng, phải thu có gốc ngoại tệ (không được chia lợi nhuận)	2,412,063,561	
12.5.2 Lợi nhuận sau thuế TNDN đã ngoại trừ các khoản không được chia lợi nhuận (=260.895.136.005 - 2.412.063.561)	258,483,072,444	
12.6 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (= 258.483.072.444 / 86.355.112)	2,993	
13 CHI PHÍ THEO YẾU TỐ		
• Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1,980,042,070,113	1,950,702,776,570
• Chi phí nhân công	275,513,204,274	283,732,778,397
• Chi phí khấu hao TSCĐ	177,734,682,703	183,208,490,838
• Chi phí dịch vụ mua ngoài	66,242,448,248	55,580,621,297
• Chi phí khác bằng tiền	235,262,671,483	271,788,543,531
Cộng	2,734,795,076,821	2,745,013,210,633

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai.
- Mua tài sản và nhận nợ thông qua nghiệp vụ mua hàng trả sau, hoặc cho thuê tài chính : không phát sinh.
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu: không phát sinh.
- Các giao dịch phi tiền tệ khác: không phát sinh.
- Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng: không có.
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) (Mã số 11), bao gồm tăng giảm TK 131,331,138,333,335,338,344 : 47.809.647.265 VNĐ
- Số tiền đi vay thực nhận trong kỳ (không bao gồm chênh lệch tỷ giá) (2.215.930.209.626 - 11.784.806.607) : 2.204.145.403.019 VNĐ
- Số tiền đã trả nợ gốc vay và tiền trả nợ gốc thuê tài chính trong kỳ (1.958.740.419.739 +7.612.457.737) : 1.966.352.877.476 VNĐ.

NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về những khoản nợ tiềm tàng, khoản Cam kết và những thông tin tài chính khác

Đến ngày 31/12/2016, Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam có khoản công nợ phải thu các đối tượng : Nguyễn Minh Phú giá trị 5.838.001.277 VNĐ, CH Nông Cơ Tiến Hà giá trị 143.447.968 VNĐ, Nguyễn Thị Hoa giá trị 86.597.002 VNĐ, Cty TNHH SX TM DV Đồ Tươi giá trị 911.712.842 VNĐ là khoản nợ phải thu khó đòi. Công ty đã chuyển nhóm khách hàng do ông Lê Thanh Bình chiếm đoạt ra ngoài bảng cân đối kế toán theo nghị quyết số 26/2016/NQ-CSM-HĐQT, ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán: không có.

Thông tin về các bên liên quan

- Đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn hóa chất Việt Nam.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết trong nghị quyết đại hội cổ đông của doanh nghiệp, trong năm không phát sinh ảnh hưởng nào đến hoạt động của doanh nghiệp.
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, trong năm không phát sinh các sự việc bất thường

Các bên liên quan:

Tập đoàn hóa chất Việt Nam	Công ty Mẹ
Công ty CP Cao Su Đà Nẵng	Chung Tập đoàn
Công ty CP Hoi Kỳ Nghệ Que Hàn	Chung Tập đoàn
Cty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất	Chung Tập đoàn
Công ty CP Philips Carbon Black Việt Nam	Công ty nhận đầu tư

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan:

Tên Công ty	Quan hệ	Giao dịch	Số tiền
Công ty CP Hơi Kỳ Nghệ Que Hàn	Chung Tập đoàn	Đến ngày 31/12/2016, Công ty Cổ phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn phải trả	798,596,975
Công ty CP Cao Su Đà Nẵng	Chung Tập đoàn	Đến ngày 31/12/2016, Công ty Cổ phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn phải thu	302,500,000
Tổng thu nhập của HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc (9 người)			5,414,619,018
- Lương năm 2016			3,427,378,618
- Phụ cấp, thưởng năm 2016			100,840,000
- Thưởng năm 2015 chỉ trong năm 2016			1,550,400,400
- Thù lao năm 2016			336,000,000

Ông Nguyễn Xuân Bắc, chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị, đại diện vốn nhà nước, được bổ nhiệm ngày 26/04/2016.

Ông Nguyễn Minh Thiện, chức vụ Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng, số cổ phiếu nắm giữ 47.152 cổ phiếu

Ông Phạm Hồng Phú, chức vụ Tổng giám đốc điều hành, số cổ phiếu nắm giữ 218.185 cổ phiếu.

Tại ngày 31/12/2016, Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn vay các bên có liên quan như sau:

Tên	Quan hệ	Giao dịch	Số tiền (VNĐ)
Ông Phạm Hồng Phú	Tổng Giám Đốc	Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn phải trả	130,000,000
Ông Nguyễn Ngọc Phương	Thành viên Hội đồng quản trị	Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn phải trả	2,742,500,000
Ông Nguyễn Minh Thiện	Phó Tổng Giám Đốc	Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn phải trả	100,000,000
Ông Nguyễn Song Thao	Phó Tổng Giám Đốc	Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn phải trả	350,000,000
Ông Nguyễn Đình Đông	Phó Tổng Giám Đốc	Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn phải trả	100,000,000
Ông Dương Văn Hùng	Giám Đốc Xí nghiệp Hóc Môn	Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn phải trả	40,000,000
Ông Bùi Thọ Lưu Hiến	Giám Đốc Xí nghiệp Đồng Nai	Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn phải trả	80,000,000
Ông Nguyễn Nhất Linh	Giám Đốc Xí nghiệp Bình Lợi	Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn phải trả	50,000,000
Bà Nguyễn Thị Thi Thi	Người thân ông Nguyễn Song Thao (Phó Tổng Giám Đốc)	Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn phải trả	1,574,000,000
Bà Phùng Thị Ngọc Thúy	Người thân ông Nguyễn Minh Thiện (Phó Tổng Giám Đốc kiêm Kế toán trưởng)	Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn phải trả	590,000,000

Thông tin về Báo cáo bộ phận:

- Báo cáo bộ phận của Văn phòng công ty
- Báo cáo bộ phận của Xí nghiệp Đồng Nai
- Báo cáo bộ phận của Xí nghiệp Hóc Môn
- Báo cáo bộ phận của Xí nghiệp Bình Lợi
- Báo cáo bộ phận của Xí nghiệp Bình Dương

- Báo cáo bộ phận của Xí nghiệp Lốp Radial

Các báo cáo bộ trên là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý của Công ty, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán theo các đơn vị kinh doanh ở các khu vực khác nhau do đó báo cáo theo các khu vực như sau:

	Văn phòng Hồ Chí Minh		Xí nghiệp Đồng Nai		Xí nghiệp Hóc Môn		Xí nghiệp Bình Lợi		Tổng	
	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
Doanh thu thuần	3,277,695,795,607	3,621,209,253,035	1,688,232,902	7,181,721,899	5,722,479,342	5,985,445,171	1,659,298,293	1,790,325,543	3,286,765,806,144	3,636,166,745,648
Giá vốn	2,597,870,708,006	2,817,835,781,286	1,237,394,681	5,700,779,972	5,618,161,147	5,081,052,985	1,553,456,209	1,160,019,482	2,606,279,720,043	2,829,777,633,725
Lợi nhuận gộp	679,825,087,601	803,373,471,749	450,838,221	1,480,941,927	104,318,195	904,392,186	105,842,084	630,306,061	680,486,086,101	806,389,111,923

TÀI SẢN VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH:

Do chưa có hướng dẫn cụ thể thực hiện hạch toán, theo dõi về công cụ tài chính nên công ty chưa có sự chuẩn bị đầy đủ về hệ thống công nghệ thông tin, quy trình nghiệp vụ cơ sở dữ liệu, đào tạo nhân viên...để trình bày.

ĐIỀU CHỈNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC DO CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CỦA NĂM NAY:

Không có.

MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO CỦA CÔNG TY:

Rủi ro tín dụng.

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp (xem thuyết minh V.1).

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Phần lớn phát sinh nghĩa vụ phải trả của Công ty đều được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi và các khoản phải thu và tài sản có kỳ hạn ngắn hạn. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro thanh khoản đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính là thấp.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức độ mà Ban giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Tại ngày 31/12/2016	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm
Phải trả cho người bán	167,831,995,968		
Người mua trả tiền trước	6,978,897,317		
Vay và nợ	885,503,185,035	730,160,429,250	
Phải trả người lao động	72,919,981,835		
Chi phí phải trả	56,367,500,790		
Các khoản phải trả phải nộp khác	59,142,165,083		
Cộng	1,248,743,726,028	730,160,429,250	

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng lưu chuyển tiền tệ trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro khác.

Các phân tích về độ nhạy dưới đây được trình bày trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng lưu chuyển tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Trong năm 2016 Công ty phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ và thực hiện theo chuẩn mực kiểm toán số 10, đơn vị đã điều chỉnh chênh lệch tỷ giá cuối kỳ phù hợp với Thông tư 179/2012/TT-BTC, ngày 24/10/2012.

TP. HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc





Nguyễn Thế Vinh

Nguyễn Minh Thiện

Phạm Hồng Phú

Rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Độ nhạy của ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính không đáng kể.

THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Đến ngày 31/12/2016, Công ty không có ý định hoặc yêu cầu phải giải thể, ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động, tìm kiếm sự bảo hộ từ các chủ nợ theo pháp luật và quy định hiện hành.

THÔNG TIN VỀ SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và kiểm toán Phía Nam (AASCS).



180 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
*180 Nguyen Thi Minh Khai Street, District 3
Ho Chi Minh City, Vietnam*
www.casumina.com

